

Tác Giả và Tác Phẩm

Trọng Huân

Tiểu sử

Sinh năm 1958, tại Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang ở Hà Nội.

Tác phẩm

Người con gái năm Ất Dậu – Làng ma
Vụ thảm sát tôn thất nhà Lý nay ở đâu?



Mục Lục

Người con gái năm Ất Dậu – 2

Làng ma – 4

Lỗi em – 7

Lời nguyên – 14

Phụ đính I :

Kỳ vật – 17

Kẻ trông chùa – 22

Con nhà sấm – 25

Vụ thảm sát tôn thất nhà Lý nay ở đâu? - 29

Chị tôi - 31

Cuốn sổ tay – 33

Kỷ niệm thơ – 35

Phụ đính II :

Khóc ngựa ghè - Ngõ quê

Con vờ vờ trên sông - Chết...vì nhục

Tôi cưới vợ

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Người con gái năm Ất Dậu



*Nạn đói năm Ất Dậu – 1945.
(Ảnh: Võ An Ninh)*

Đi làm về tôi thấy mẹ mình đang nói chuyện với khách trong nhà, bà cụ và người đàn ông trạc bốn mươi. Cách ăn mặc biết là người miền Nam ra. Tôi thoáng nghĩ: Ai thế nhỉ? Mẹ mới ra Hà Nội sống với vợ chồng tôi mấy năm, quen biết ai đâu. Có thể người ở quê vào miền Nam sống, nay ra chơi rẽ vào thăm mẹ? Hay khách công việc của mình?

Bà cụ trông khuôn mặt phúc hậu. Tuổi cụ đã cao nhưng tóc xanh dày. Thấy con vào chào khách, mẹ tôi giới thiệu với bà cụ, giọng gần gũi:

- Thằng út đây bà ạ! Nó sinh năm Canh Tuất, gần bốn mươi mới được mụn con gái. Nói đến đây mẹ hướng về tôi: -Anh biết ai không nào? Cô, à... bà Tĩnh Bé đấy!... Cái người năm đói bốn năm, cụ Trương Tùng cứu...à, tôi nhớ ra rồi, người từ xe xác đói, bạn hàng xóm thuở thiếu thời của mẹ. Câu chuyện mẹ kể nhiều lần đến mức, chúng tôi biết tất cả tên hàng xóm quanh nhà bà ngoại tôi. Mẹ tôi sinh ra và lớn lên ở phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Khi mới chiếm và cai trị Bắc kỳ, phủ ấy người Pháp đánh giá là quan trọng và đặt là một trong những đại lý của hai mươi tám tỉnh thuộc xứ Bắc kỳ. Nhà bà ngoại tôi ở phố bờ sông- phố Bè. Bà buôn hàng nan, bán cát, gầu, dậm... Năm 1945 lúc đó mẹ tôi chừng mười bốn, mười lăm tuổi. Hàng ngày mẹ theo bà ngoại hay các bạn chợ của bà đi bán hàng: đi chợ Hà, chợ Gùrng - phủ Vĩnh Bảo, chợ Gạch - huyện Tứ Kỳ, chợ Mụa huyện - Quỳnh Côi... Đầu năm bốn lăm nhiều người đói tụ tập về phố phủ Ninh Giang. Bến tàu thủy, bến ô tô, bến đò Nhổng, đò Tranh, quán Ga và các phố nhan nhản người đói vật vờ xin ăn. Đầu tháng hai đã lác đác người chết đói. Gần nhà bà ngoại tôi có gia đình, vợ chồng ông bà Khang. Nhà ấy nghèo lắm, chuyên đan cát gầu đặt- nhận tiền công trước, giá rẻ, rồi đan trả nợ. Ông bà có hai mụn con gái, Tĩnh Lớn và Tĩnh Bé. Người gái đầu bằng tuổi mẹ tôi. Chớm vào trận đói, nhà họ cháo độn rau, sau cám trộn củ chuối. Người lớn chịu đói hơn lớp trẻ. Ông bà Khang gầy guộc vì đói nhưng còn nhúc nhắc được. Hai con gái đang sức ăn, gặp đói lâu ngày, chân tay sưng phù, da vàng bủng, người cứ rũ ra. Đói mà chỉ biết nhìn nhau, lúc ấy đến cát gầu đặt cũng chẳng có mà đan. Sàn tuổi nhau, mẹ tôi thường qua lại với Tĩnh Lớn Tĩnh Bé. Biết mình sẽ chết, hai chị em Tĩnh, cứ mẹ tôi sang là tử thân, rấm rức khóc. Thương bạn, thỉnh thoảng mẹ giấu nhà, khi cho bát gạo, lúc cho tấm bánh. Con gái đến tuổi biết ngượng, Tĩnh Lớn quần áo vá chằng vá đụp, hở cả da thịt, mẹ tôi cho bộ quần áo cũ. Một hôm, sau phiên chợ Gùrng về, mẹ hay tin, Tĩnh Lớn chết. Biết chuyện cho quần áo, mấy người bạn chợ nói, người chết mặc đi, mình sẽ điên, sợ quá mẹ tôi phải đến năn nỉ xin lại... Ông bà Khang chỉ đủ sức khiêng con gái ra xe. May có chiếc chiếu mới - chiếu phát chẩn, phu tóm mấy vòng lạt. Nhìn phu kéo xác đi, hai người đói không còn nước mắt khóc con.

Người đói kéo về phủ Ninh Giang ngày một đông; người chết ngày một nhiều. Sáng có nhà phố dọn hàng, thấy người dựa hiên, mắt trừng trừng mở, ra xua hoá ra là xác chết ngồi. Sợ xúi quẩy, chấp tối, người ăn kẻ ở mang nước đổ ra tu-toà (vĩa hè). Ướt, kẻ đói không nằm được nữa. Sáng sáng xe ba gác lọc cọc các phố gom xác đói. Ít thì một chuyến, nhiều thì ngày bốn năm chuyến. Xác chết chôn chung, xe chở ra từng bệ xuống hố. Đổ ngày nào phủ đất ngày đó cho đỡ thối.

Nhà ông Khang, Tỉnh Lớn chết rồi, hàng xóm ai cũng đồ đến lượt Tỉnh Bé, thế mà ông bà Khang chết, nó vẫn lay lắt sống. Như đón chờ cái chết, Tỉnh Bé không đi xin, từ bé chỉ biết chăm chỉ làm ăn có bao giờ ngửa tay xin ai. Hôm nào trên phố có phát chẩn nó mới cố lết đi. Tuần một hai lần, bát cháo chẩn chỉ kéo lùi thêm ngày chết. Sau hôm Tỉnh Lớn chết, mẹ tôi không dám sang và cho gì nữa. Nghĩ cảnh nhà người mà lo cho mình. Tỉnh thoảng thấy Tỉnh Bé mẹ tôi đành lánh. Rồi nghe nói Tỉnh Bé lần ra bến tàu thủy mấy ngày, không thấy con bé về. Mẹ tôi đồ rằng, nó nghĩ bến xuất nhiều thóc tạ, sẽ có thóc gạo rơi vãi. Làm gì có chuyện rơi vãi. Kẻ đói mà bến mắng đến, cai phu đánh chết. Ở bến tàu đám người đói chỉ dám đứng từ xa nhìn thóc tạ chuyển xuống tàu. Và ngày nào xe cũng xuống bến thu xác đói.

Hôm ấy là phiên chợ Gạch. Trong đám đàn bà con gái đi chợ, mẹ tôi ít tuổi nhất. Chớm hè nắng oi ả. Xế trưa đám người về đến gần phủ. Mẹ tôi gánh gánh hàng lút cút theo sau cùng. Đi đầu là bà Trương Tùng, lặc lặc gánh nôi đất. Bà dân gốc làng Cây, làng có tiếng ở Hải Dương, chuyên làm nôi đất, bát, đĩa, tiểu sành... Goá chồng, không con nhiều năm mà bà chưa tái giá. Vốn thương người, hôm nào đi chợ bà cũng dành phần nắm cơm trưa bố thí cho kẻ đói. Đang kéo kệt theo nhịp gánh hàng, mẹ tôi loáng thoáng nghe tiếng bà Trương Tùng:

- Lại xe chở xác đói. Giờ mà vẫn còn chuyển. ..! Thôi các bà ơi, nghĩ một tí! Lên đê cho cái xe đi qua. Xúi uest người chết tanh tưới lắm!

Theo lời bà Trương Tùng, mọi người hạ gánh tản lên đê. Dưới đường chỉ còn mình mẹ tôi, mệt bà ngại trèo. Từ xa phu rập mình ngắc ngư kéo xe xác. Xe khô dầu kêu rin rít. Xác nhiều xếp chồng đống. Bánh xe lóc cóc lăn trên đường đá. Chợt mẹ tôi nghe tiếng rên rỉ :

- Hờ hờ ... Lay ông ... Van ông... Cháu... hờ hờ

Tiếng rên trên xe. “ Quỳ nhập tràng”- mẹ tôi sờn gai ốc, chẳng kịp phản ứng gì cả, trăn trăn đứng. Cái xe nặng nề trườn qua sát mặt. Mẹ chết lặng nhìn theo, thấy cả những con nhặng bay lên đậu xuống các xác chết.

- Hờ hờ...Van ông... Cháu... chưa... hờ hờ

“ Đúng là tiếng người. Giữa ban ngày ban mặt, làm gì có ma quỷ”. - Mẹ tôi trấn tĩnh lại, lăm lét nhìn. Cái xác trên cùng chổng ngược, chân bị dây ghì dây, đầu cái xác dốc xuống đất xe. Cánh tay khẳng khiu mềm oặt, lắc lư theo nhịp xe. Mớ tóc chảy dài, lết bệt, lết bệt trên mặt đường, rê lên vệt bụi nho nhỏ. Ô hay, mẹ tôi như thấy... mòm cái xác hờm hớp. Đúng, nó hớp thật. Chợt mẹ nhận ra, buột miệng thét lên :

- Cái Tỉnh... Cái Tỉnh! Bà Tùng ơi... Bà Tùng ơi! Nó... nó còn s..ổ..n..g.

Trên đê mấy người đàn bà lúc trước hình như cũng nghe thấy tiếng rên, họ đứng lặng sợ hãi. Có người nhận ra cái Tỉnh Bé. Đến khi nghe tiếng kêu của mẹ tôi, mọi người nháo nhác. Bà Trương Tùng là người đầu tiên luống cuống chạy xuống, vừa chạy vừa thất thanh gọi :

- Ông... ông gì ơi! Ông phu xe ơ..i!

Nghe người hét rồi tiếng người gọi, phu xe chậm chậm ghéch nón, ngoái lại:

- Cái gì... hờ? Nhà bà kia gọi phải không?

Bà Trương Tùng và mẹ tôi lúc này chạy đến gần. Giọng bà Trương hớt hải:

- Ông... ông ơi, nó vẫn còn s..ổ..n..g!

- Giời ơi! Tưởng gì...(phu xe bực dọc cắt ngang). Đang mệt bỏ mẹ lên đây này. Chết... không chết nay thì chết mai. Còn sống (!)... Hừ, định chiều nay chở mình nó một chuyến chắc?

Đến đây tiếng rên lại cất lên:

- Hờ hờ... Bà ơi... cứu...vớì...

Bà Trương Tùng hốt hoảng:

- Đấy, nó còn sống. Ông làm phúc!... làm Phúc!

- Bà muốn làm phúc hả? Thì đây, khuôn xuống. Càng nhẹ. Hừ, bây giờ còn được chôn chứ! Cái thân tôi đây này, khéo lúc chết chẳng ma nào nó nhặt.

Nói đến đây phu xe rướn mình kéo nhanh hơn. Hốt hoảng, mẹ tôi nhìn bà Trương Tùng cầu cứu. Một thoáng lưỡng lự rồi bà Trương quyết. Bà bấm bốp chạy vượt lên. Vừa chạy tay bà vừa tháo cái ruột tượng. Đến ngang tầm phu xe, bà ấn mấy đồng xu vào tay ông ta, miệng van vớ:

- Ông làm phúc... ông làm phúc!

Thấy tiền, phu từ từ kim xe lại. Xe dừng, uể oải hạ càng, ông ta gác một chân lên cho xe khỏi tưng bê, một tay cởi dây, đoạn dây níu chân “xác” Tỉnh Bé cho khỏi tuột. Bà Trương và mẹ tôi nhào vào, chưa kịp đỡ, “xác” con bé đã đổ xoài xuống đường. Động, đám ruồi nhặng ào ào bay lên.

Câu chuyện diễn ra đã hơn năm mươi năm. Hai người con gái xưa gặp lại nhau nay đều lên bà. Đêm ấy, mẹ con bà Tỉnh Bé nghỉ lại nhà tôi. Bao năm, chuyện cũ hai người già rỉ rả đến khuya.

Sau đận ấy Tỉnh Bé được bà Trương Tùng nhận làm con nuôi, ngày ngày theo mẹ nuôi gánh hàng đi chợ. Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Hưởng độc lập tự do chưa được bao lâu thì giặc Pháp lăm le quay lại. Phổ phủ Ninh Giang tiêu thổ, dân tản cư. Trong loạn lạc cái chết chẳng tha ai. Cuối năm năm mươi, một lần chạy càn, bà Trương Tùng bị Tây bắn. Bà mất ở cái làng xa lạ. Chôn cất mẹ nuôi xong Tỉnh Bé theo đám người tản cư chạy khỏi vùng Tây càn. Tháng ngày cực nhọc, đám người tản cư và Tỉnh Bé phiêu bạt vào tận Thanh Hoá- khu tự do hồi đó. Hoà bình 1954 vài năm, Tỉnh Bé lập gia đình, chồng là bộ đội tập kết công tác ở Thanh Hoá. Đường xa, lại hoàn cảnh gia đình, bà chưa có dịp trở lại Ninh Giang. Giải phóng bảy lăm, bà theo chồng về quê Đà Nẵng. Con cái bà Tỉnh Bé nay đều phương trưởng, người giáo viên người bác sĩ. Đến giờ bà mới có dịp về thăm quê mình, tìm mồ mả người thân. Mộ cha mẹ và chị ruột làm sao tìm được, xác người đói chôn chung. Bà vẫn nhớ ngày mất và tên cái làng nơi cụ Trương Tùng mất. May mắn khi bà tới, dân làng ấy còn nhớ người đàn bà lạ chạy tản cư bị Tây càn bắn chết. Bà Tỉnh sang cát, đưa cụ Trương Tùng về nghĩa địa Ninh Giang, gần với mộ cụ ông.

Lúc tiễn đưa mẹ con bà Tỉnh Bé, người con trai bác sĩ xúc động nắm tay mẹ tôi, cảm ơn bà từng cứu mạng bác và mẹ anh ta. Mẹ tôi rưng rưng:

Con ơi! Người đời làm phúc, ai mong nhận trả ơn. Còn nếu kẻ nào chỉ mong nhận ơn, họ đã không làm ơn và không có phúc phần để hưởng.

Làng ma

Tôi đã định về sớm nhưng sa đà chén rượu, câu chuyện, dứt không nổi, ba giờ chiều mới lên xe. Trên con đê ven sông Hồng thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, nhằm tính 70 km vẫn kịp tới Hà Nội trước khi trời tối. Bất ngờ mây đen ập đến. Trời như trút nước, tôi ướt lướt thướt, người ớn lạnh. May có cái điểm canh đê vào trú. Mưa dai dẳng gần hai tiếng đồng hồ. Đường xấu lại sũng nước, cái xe Honda cà khồ đời 78 không bốc lên

được. Ra đến đường I Phủ Lý chắc tối mắt.

Lối rẽ. Trên đê tôi phi xe xuống. Sau mưa, ráng chiều đỏ ối. Bất thần trên nền trời trước mặt sừng sững cây đa ba đầu. Tôi nổi da gà, xung quanh tối sầm, người hẫng đi, rơi vào chốn mung lung. Cảm giác ấy diễn ra chẳng biết bao lâu. Rồi tôi nghe tiếng người lao xao, đầu nhúc như búa bổ. Hình ảnh cây đa ba đầu ở cái làng Ma chập chờn. Sao nó ở đây nhỉ? Mình đang ở Hà Nam cơ mà? Loáng thoáng tôi nghe tiếng ai nói xa gần:

- Người nóng quá... Chắc gặp mưa cảm lạnh...

Tôi gượng lắm bậm hỏi:

- Đây... là... đâu? Sao có... cây đa ba đầu? Làng Ma...?

- Anh ta nói gì...? Làng Ma! Ô hay, anh ta gốc ở đây ?

- Thế... thế cụ Tĩn?

- Kia... anh ta biết cụ Tĩn à, ông lão ở làng Ma...

Sao lại là làng Ma? Đây đất Hà Nam, đâu phải Hải Dương? Đầu óc tôi lùnh nhùng những câu hỏi.

* * *

Hồi ấy, đang thời chiến tranh đánh phá miền Bắc ác liệt của không quân Mỹ, những năm sáu bảy sáu tám. Lúc đó tôi tròn mười tuổi. Mẹ gửi tôi sơ tán ở nhà người họ hàng với bác cùng cơ quan mẹ. Làng thuộc huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Mẹ tính đấy là vùng xa quốc lộ, không nhà máy xí nghiệp, máy bay ít oanh tạc. Cứ chủ nhật cuối tháng, từ cơ quan ở Hà Nội, mẹ lóc cóc đạp hơn bảy chục cây số theo đường tắt đèo những thức cần thiết cho tôi. Những ngày đầu một mình chốn lạ, tôi nhớ nhà, nhớ mẹ, thường ra đầu làng ngóng hay lủi vào góc kín thút thít khóc. Dần dà tôi cũng quen với cuộc sống mới. Có lẽ bởi nông thôn nhiều trò lạ trước đờn trẻ thành phố như tôi. Trò trò cây xem ổ chim non, mấy con chim ra ràng đỏ hồng, nghển cổ chiêm chiếp đòi ăn; xem trận kịch chiến giữa bầy ong vàng và tên hung thần ong đen đến đánh cướp ong non; theo lũ trẻ ra bờ sông câu cá lác, loại cá mắt thổ lổ như cái đèn pha, vắt vèo trên đầu... Thú nhất vẫn là đi câu. Cũng vì trò ấy tôi quen cụ Tĩn, ông già cất vó ở rìa cống, giáp sông. Chẳng rõ cụ Tĩn có người thân nào không, chỉ thấy cụ thui thủi một mình ở cái chòi cất vó. Một bận tò mò tôi hỏi, nhà cụ ở đâu, cụ Tĩn chỉ vào trong đê, nơi bọn trẻ bảo đấy là làng Ma. Trước có cái chợ họp ở đó. Năm đói người dồn về, chết, xác chôn chung nên có gò gọi là mả Chung, Những đêm trở trời, ma đói tụ tập họp chợ dưới gốc đa. Sợ thì sợ, nhưng học xong chiều nào tôi cũng ra bằng được. Không biết ham câu hay vì những câu chuyện cụ Tĩn kể. Phải nói cụ Tĩn là kho chuyện cổ tích. Cụ kiên nhẫn trả lời, giải thích các câu hỏi dường như vô tận của tôi, một đờn trẻ lên mười.

Trưa ấy đi học về, ăn vội vàng, rồi cầm chiếc cần, câu tôi phóng ra bờ sông. Vào chòi chẳng thấy cụ Tĩn đâu, chỉ thấy bốn gọng vó không lưới đung đờn trên mặt nước. Tôi dáo dác tìm quanh. Cụ ở đâu nhỉ? Hay ốm nằm nhà? Mà từ trước đến giờ chưa thấy người thân nào của cụ. Thử vào nhà xem sao. Phân vân một lúc vì sợ, nhưng nghĩ cụ Tĩn ốm, tôi đánh liều vào làng Ma. Lâu rồi làng Ma thành vườn cây các cụ. Tuy lần đầu vào đấy tôi vẫn tìm được nhà cụ Tĩn ngay. Khu vườn có ngôi nhà cụ là duy nhất, ba gian lợp rạ, ọp ẹp cũ.

- Ông ơi... !

Tiếng vòng vọng trong vườn cây. Nghe, tôi rờn rợn, hốt hoảng gọi liên tiếp. Từ chái nhà có tiếng cụ:

- Thăng cháu đấy à?... Ông đây, ông ở đây.

Xộc vào, tôi thấy cụ Tĩn đang lúi húi trong bếp. Một nồi mười cháo to vật, đang sùng sục khói trên cái bếp, kê bằng mấy ông bù rau. Tôi vội hỏi:

- Ông ốm à? Sao ông nấu nhiều cháo thế?

- Ồ không (cụ Tĩn trả lời). Hôm qua ông quên mời thăng cháu. Chiều nay ở đây ăn cơm, à... ăn cỗ với ông. Hôm nay rằm tháng bảy, lễ xá tội vong nhân.

Nói rồi cụ Tĩn nhờ tôi ra vườn hái lá mít, cụ thì rọc những tàu chuối. Hai ông cháu mang đám lá xuống cầu ao rửa, cả đám lá đa, chắc cụ Tĩn nhặt dưới gốc cây đa ba đầu từ trước. Rửa xong, ông cháu tôi bê rổ lá vào nhà lau cẩn thận. Tôi chẳng biết đám lá để làm gì. Lúc này tôi mới có dịp quan sát nhà cụ Tĩn. Ngôi nhà tênh toàng, ngoài ban thờ ám khói, đầy tan nhang và chiếc chõng tre cũ, đồ đạc chẳng còn gì nữa. Tôi tò mò hỏi:

- Ông ơi, thế bà đâu? Các cô chú đâu?

Mãi lau lá hay suy nghĩ gì, cụ lơ đãng trả lời:

- ờ... ờ... bà và các cô chú... Kia, nhanh tay lên cháu... Họ đang chờ... Đói, ma đói mà! Tôi lạ quá và cảm thấy sờ sờ, lấm lét nhìn quanh. Chẳng có ai. Cụ Tĩn bước lại ban thờ, bày mấy gói bỏng ngô và thắp nén hương, rồi bảo tôi rải những chiếc lá mít, lá đa đã lau sạch ra sân và cụ bê nồi cháo theo. Tôi trở mắt ngạc nhiên khi cụ Tĩn cầm muôi múc cháo đổ vào từng chiếc lá. Xong rồi cụ lại sai tôi bê rổ lá không ra vườn rải tiếp. Vườn cây um tùm rậm rạp. Đến lúc này tôi mới thấy mấy mô đất cụ Tĩn chỉ cho, cỏ mọc xanh rờn: - "Hai đồng liền kề kia là nhà đĩ... à nhà cô Mít, cô Na; đồng cuối vườn là nhà bà; đồng..." Rồi giọng cụ nghèn nghẹn: - "Thầy bu ơi, các con ơi, mẹ... mẹ cái đĩ... về nhà mà ăn cháo, cháo trắng bố Tĩn nấu". Tiếng cụ nức nở. Chiều ấy tôi nghe câu chuyện cụ Tĩn kể về làng Ma, về chuyện đói, về những người thân của cụ.

Trước, đây có tên là xóm Trại, không phải tên làng Ma như người ta gọi. Xóm Trại đông đúc, gần hai chục nóc nhà, ngót nghét trăm rưởi khẩu. Nhà cụ Tĩn có chín người (lúc đó dân Trại gọi cụ là bố Tĩn), gồm ông bà Nhiều, vợ chồng bố Tĩn và năm đứa con, cả trai lẫn gái. Đĩ lớn chưa đầy mười ba, cu bé đang bú. Nhà bố Tĩn có năm sào công điền. Vụ mùa ấy lúa bị bệnh, gọi là hoàng trùng. Năm sào ruộng, thóc gặt về, trừ sưu thuế và các khoản, còn chưa đầy mười thùng thóc. Mười thùng thóc, nhà chín miệng ăn, từ tháng mười đến tháng tư vụ chiêm, đói là cái chắc. Đã thế thóc lại lép, xay giã đờn như kê, nấu ăn đắng ngắt. Trong làng ra đến xóm Trại nhao nhác, chuyển này đói to. Ngày mùa mà nhiều nhà cháo cám hay cơm độn rau. Gạo ở chợ giá tăng vòn vọt, từ 15, 20, 30 rồi lên tới 80 đồng một thùng. Cái chợ toen hoản đầu đê cũng có người phủ Ninh Giang đến đong thóc. Nghe nói cân thóc tạ cho Nhật. Mẹ Tĩn vốn dân hàng xáo, trước quen biết họ nên nhận được phần xay giã. Nhờ thế nhà cũng đỡ, kiếm chút cám bồi. Xóm Trại mới giữa tháng chạp nhiều nhà đứt bữa, nhưng chưa ai chết. Kẻ chết đói đầu tiên là người thiên hạ, chết ở cái chợ đầu đê và cái chết thật hãi hùng. Chợ họp hai hôm một phiên, chớp nhoáng buổi sớm, vậy mà người đói cứ ùn ùn kéo đến. Có người đàn bà chữa không biết từ đâu tới. Chị ta trở dạ tầm xế trưa. Người đàn bà chẳng còn sức vật vã. Dân đói ở chợ chỉ lơ ngơ nhìn. Đói làm người ta thờ ơ mọi chuyện, vô cảm đứng đưng trước đồng loại. Chẳng ai biết chị ta đẻ lúc nào. Tận khi nghe tiếng trẻ khóc và tiếng chó ăng ăng, mấy con giẻ rách cuống cuồng nhằng nhằng đám nhau thai chạy... Qua tết, trong làng ngoài trại lác đác người chết. Nhà bố Tĩn còn cầm cự được nhờ nguồn cám bồi xay giã thuê, rồi bố đánh dậm, gái lớn kiếm rau, lại khoản tiền công chôn xác đói. Lúc đầu công chôn đồng một xác. Khi chết rộ, giá xuống một hào. Sau chỉ mấy xu. Cuối cùng không công. Không đi không xong. Trương tuần đốc, lòi thoi ăn gậy ngay. Buổi đầu còn sức, lại hai ba trai đinh, nên xác được khiêng ra đồng, có quan tài hoặc ghép cánh cửa, không thì bọc chiếu, bọc dất giường. Sau nhiều quá, cứ chôn đại. Trong làng ngoài Trại chôn cánh đồng gần đấy, đào huyết lấp đất qua loa; xác ở chợ hát xuống hồ chung, phủ đất. Đã chôn nhiều người, vậy mà bố Tĩn vẫn hết hồn bởi một lần bị nã đi. Người ấy chết mấy hôm, bụng trương to. Cái xác nằm công queo giữa nhà. Bố Tĩn định kiếm tấm dất giường, ngó thấy cái chiếu nằm lòng bông trên giường, bố Tĩn kéo. Động, từ trong ấy rinh rích nhẩy ra mấy con chuột. Bố Tĩn giật mình, chiếc chiếu vừa kéo ra, để lộ đứa trẻ hai hố mắt sâu hoắm, dòi trắng lốm ngòm bò trên mặt...

Nhà bố Tĩn, bà mẹ là người chết đầu tiên. Cháo cám lâu ngày, cụ mắc bệnh kiệt lý. Rồi đến cháo cám cũng không có, chỉ mỗi thứ ốc tép nấu rau. Hết thóc, hết người đến cân thóc tạ, nhà bố Tĩn mất nguồn xay giã. Không còn sức đưa xác mẹ ra đồng, bố Tĩn

đành chôn mẹ ngay trong vườn. Bố Tìn cố đào cái huyết sâu. Lúc đào gắng sao khỏi quy, người đi chôn mà quy sẽ không đứng lên được, chính bố Tìn đã nhìn thấy cảnh đó. Ghê quá, đi chôn người mà người ta phải chôn luôn mình. Sau cái chết của bà mẹ, đến lượt vợ và đứa con út. Bố Tìn biết trước vợ sắp chết. Buổi sáng thằng bé lóp chóp mút vú, mẹ nó thì lã chã nước mắt. Lúc sau thấy vợ lủi vào góc nhà. Thường người sắp chết đói hay lảng vào chỗ khuất, giấu mặt, họ buồn và lo sợ. Chết đói khác chết bệnh, cứ từ từ, thoi thóp. Bố Tìn nhòai đến lay vợ, lần đầu người còn ấm, lần sau thì lạnh rồi. Nghe tin mẹ chết, có cái đi lớn phều phào khóc, còn mấy đứa nhỏ ngơ ngơ đứng, ngó theo chị và bố đưa xác mẹ cùng em ra vườn. Trừ bố Tìn, liên tiếp mấy hôm ấy, ông cạy nhiều và lủ cháu lần lượt ra đi... Nghĩ sắp đến lượt mình, nên đói mà bố Tìn cũng chẳng thiết kiếm gì nhét vào bụng. Người ta bảo ăn độc rau má thôi, ăn linh tinh là chết. Nhà bố Tìn đã gắng kiếm rau má, vậy mà vẫn "đi" hết.

Mưa rả rích mấy hôm. Sáng đó khát quá, bố Tìn lảo đảo ra sân kiếm chút nước. Đói làm bố Tìn sa sầm, nhìn mọi thứ hoa hoa. Bất chợt bố Tìn thấy mảnh đất gờ rau lang rìa bờ ao có mậ khoai đỗ tía, mưa làm trời mồm củ khoai lên mặt đất. Lạ, đám đất đào bới bao lần, vẫn sót củ khoai. Bố Tìn sà xuống, hai tay bới móc. Không kịp rửa ráy, cứ thế tống vào mồm, ngấu nghiến nhai. Củ khoai nhãi giúp cơ thể đói hồi sức. Lúc này người đàn ông mới thấy lạ: Sao mấy hôm rồi trương tuần không đến nã đi chôn xác đói. Mà xóm trại vắng lặng quá. Chết hết rồi sao? Bố Tìn khật khưỡng ra khỏi nhà. Chả gặp ai. Ra đến cánh đồng đầu xóm, cũng không thấy ai be tát, đánh dậm. Bố Tìn trở mắt nhìn thửa ruộng trước mặt, lúa đã ngậm sữa. Không còn sợ hãi và chẳng biết ruộng ấy của ai, bố Tìn lật bật xuống tuốt. Kề đói nhai, nuốt, nhổ, rồi lại tuốt, nhai, nuốt, nhổ. Gió mát cùng dòng sữa lúa non làm bố Tìn tỉnh hẳn. Ngồi một lúc trên bờ ruộng, bố Tìn chợt nảy ra ý vào làng. Chả nhẽ cả làng chết hết rồi ư?

Làng vẫn còn người. Thấy bố Tìn họ rất ngạc nhiên. Người trong làng tưởng dân xóm trại chết hết rồi. Bố Tìn càng ngạc nhiên hơn, lúc trước xin vãi bột mếp không ai cho nỏ củ khoai, giờ bỗng dưng có người cho cả rá thóc. Nghe họ nói đã phá kho thóc nhà cụ Bá, chia cho dân làng, đang phòng quân Nhật vào trả thù. Lúc đó bố Tìn nào còn để ý gì. Hình ảnh bố mẹ và đàn con thoi thóp đói... " Các con ơi, sao không cố mà sống! Bố có thóc... có gạo nấu bát cháo trắng rồi".

* * *

Câu chuyện cụ Tìn kể về làng đói, về những cái chết cứ ám ảnh tôi. Đến nỗi nhiều đêm, tôi hét trong mơ, bà chủ nhà phải lay gọi. Dịp ấy tôi bị ốm bệnh tình khá nặng, phải đi viện. Các bác sĩ chẩn đoán sốt thương hàn. Tóc rụng, đầu trọc, tôi gầy da bọc xương, mẹ về chăm sóc cả tháng. Đang thời kỳ máy bay đánh phá ác liệt, năm sáu bảy, sáu tám, tôi vừa khỏi, mẹ vội đưa về Hà Nội. Gần ba mươi năm trôi qua, tôi không quên kỷ niệm cái làng hẻo lánh ấy, về những lần đi câu cá, về cây đa ba đầu...

Nhiều lần tôi tự nhủ sẽ trở lại thăm chốn cũ, nhất là thăm cụ Tìn. Chắc cụ già lắm rồi. Vậy mà... tôi vẫn chưa có dịp trở lại. Trận cảm mưa và một làng Ma vô tình, gọi tôi nhớ về cái làng Ma và những kiếp người./.

Lỗi em

Cậu phóng viên trẻ rủ tôi về làng cậu ta chơi:

- Sếp ơi, làng em rất quê. Vào hội, khách tứ phương, người xa quê về lễ chùa, thăm đình đồng nghìn nghịt. Nghe nói, chùa dựng từ thời Lê. Mà làng em còn nổi tiếng khoản... rượu. Không phải vì lời giới thiệu đình, chùa đẹp hay rượu ngon, mà một lý do khác, tôi đã quyết định về theo cậu ta. Ngay hôm cậu ta đến phòng nhận việc, xem tờ sơ yếu lý lịch, thấy phần quê quán và tên ông bố của cậu ta, tôi đã ngờ ngợ, định hỏi, nhưng chưa tiện...

Sáng ấy thầy trò tôi lên đường. Xe phóng vù vù. Ngồi sau thỉnh thoảng tôi phải nhắc: "Phi vừa vừa thôi. Tao vợ đẹp, con khôn..." Nghe vậy, cậu ta khi khi cười:

- Sếp vô tư đi. Em tay lái lẹ... Sếp xem này! Hà hà...

Cứ như mô tả, thì hình như làng cậu ta ở gần quăng mà ngày ấy tôi gặp em. Tưởng chuyện rồi quên, lạ sao, nay tóc điểm bạc, lúc buồn, lúc vui, lại hay nghĩ tới. Mình đã già rồi chẳng? Khi về già, người ta thường hồi tưởng, sống trong kỷ niệm, nhớ về quá khứ?

Con gái tôi đang học năm thứ tư, cháu theo nghề bố. Tuần trước nó dẫn bạn trai về giới thiệu. Không chỉ tôi sững sờ, mà bà xã cũng vậy.

Tối ấy khuya rồi, tưởng vợ đã ngủ, tôi vừa trở mình, thì nghe vợ hỏi:

Anh nghĩ ngợi gì thế?

Về thời gian.

Tôi trả lời. Rồi cả hai im lặng. Chắc vợ tôi cũng vậy, đang chìm trong không gian riêng tư. Tôi đã giấu vợ câu chuyện về em. Bằng linh cảm người vợ, qua những bài thơ, truyện ngắn đăng báo của tôi, cô ấy biết.

Em, giá như ngày ấy... thì chúng ta sẽ ra sao nhỉ? Giờ này em ở đâu? Chắc cũng một tổ ấm. Biết đâu trong những đứa con của em, có đứa vừa dẫn người yêu về trình bố mẹ. Tôi từng giảng xé, ân hận về cái thuở sinh viên ấy, mấy ngày nghỉ hè còn lại, mà không tìm được em. Sau này có lúc định, toàn là định, rồi lại nghĩ, giờ người ta yên ả, có nên xáo động chẳng. Để rồi trăn trở, dằn vặt...

Ba mươi năm trước trên con tàu rì rì, dịp nghỉ hè năm thứ ba tôi từ Rumania về nước. Thật sốt ruột, chỉ ước ao giá như sau giấc ngủ, tỉnh dậy là quê mẹ. Nhà tôi ở cái thị trấn giáp Hà Nội. Thư nhà gửi sang, viết bom đạn bắn phá tan nát, thị trấn dân sơ tán hết. Lá thư mới nhận được, mẹ tôi cho hay, bố tụi đang phục vụ trên cung đường mạn khu Bốn, nơi máy bay đánh phá rất ác liệt. Cơ quan của mẹ sơ tán mạn Hưng Yên. Còn các em chạy theo trường. Về nghỉ hè đợt này, tôi tìm đến chỗ mẹ là dễ nhất.

Tôi đi học Rumania đầu năm 1965, mấy tháng sau sự kiện vịnh Bắc bộ. Ngày ấy chiến tranh với tôi khá mơ hồ, không hình dung hết tính khốc liệt của nó. Khái niệm về chiến tranh trong tôi ấy là: Dịp đó có chiếc máy bay trinh thám vào qua thị trấn quê tôi. Chẳng ai nhìn thấy hình dáng nó thế nào. Bất thần âm thanh xé tai. Chưa hiểu gì, ngẩng lên đã thấy vệt khói trắng vắt ngang trời. Người ta gọi đấy là máy bay không người lái, chúng do thám tình hình. Sau sự kiện đó thị trấn nhỏ quê tôi nhốn nháo. Có người mang loa đi rao dọc phố, giải thích máy bay vào thám thính, kèm theo là kêu gọi mọi người khăn trương sơ tán. Người người, nhà nhà vội vã thu xếp đồ đạc, tưởng như máy bay sắp rải bom, bắn phá đến nơi. Vì gấp gáp, chỉ những của nả gọn nhẹ mới mang đi, mẹ tôi xếp

gánh đồ: chần bông, nồi xoong,... đại ý là những vật dụng quý giá trong nhà. Tôi thấy sơ tán thật vui quá. Cả đoàn người lũ lượt tản về các làng xóm lân cận. Đám trẻ được dịp tụ tập. Tôi còn nhớ, thấy anh em tôi hơn hớn, mẹ đã máng cho một trận. Cuộc sơ tán diễn ra chóng vánh. Đi hai ba hôm chẳng thấy máy bay đâu, lương thực mang theo cạn, và rất nhiều thứ bất tiện khác, các gia đình lục tục kéo về. Đây, khái niệm chiến tranh của tôi là vậy - vui vẻ, ồn ào.... Sau này bên Rumani, tin về cuộc chiến tranh Việt Nam đăng tải hàng ngày trên các báo đài, nhìn cảnh làng mạc, trường học, bệnh viện bị ném bom, tôi mới hiểu tính khốc liệt của nó.

Tàu liên vận quốc tế dừng ở bên kia biên giới. Qua cửa khẩu Lạng Sơn, phải đi từng chặng, lúc thì đi tàu, lúc tăng bo ô tô, đoạn cước bộ. Có trăm cây số từ Lạng Sơn về Hà Nội, phải đi hơn ngày rưỡi trời. Tối mịt tàu mới bò về ga Gia Lâm. Không nhớ phải hỏi thăm bao người, những người đi xe đạp hay cước bộ, lủi cũi trong đêm, tôi mới mò ra cái bến xe sơ tán về tuyến Hưng Yên. Lúc đó khoảng quá nửa đêm. May hôm ấy cuối tháng, trăng muộn. Bến xe núp dưới lũy tre, xung quanh đen ngòm những hố tăng xê và lù lù mấy cái hầm kèo. Khách đợi nằm ngời vật vờ. Tôi chọn một chỗ trống, ngồi tệt xuống. Gió đêm lạnh. Chợt nhớ đến túi áo còn bao thuốc dở, tôi lấy ra một điếu. Vừa đánh diêm đã nghe tiếng người quát:

- Muốn chết hay sao mà hút thuốc. Máy bay nó không bắn cho bỏ mẹ bây giờ...

Tiếng ồn ỉ đánh thức những người đang lơ mơ ngủ. Tôi tự dưng thành điểm chú ý của mọi người. Mấy người lúc trước nằm ngời gần tôi, tự dưng tản dần qua chỗ khác. Rồi những tiếng bâng quơ:

Như quân du côn...

Thằng đảo ngũ thì có...

Ấy là họ đang nói tôi, một kẻ vừa từ nước ngoài về, mái tóc cạo vai... May mà ban đêm, chứ ban ngày, nhìn cái vẻ béo tốt, hồng hào, bời xoi lấm bơ, nhiều sữa của tôi, chắc họ còn ghét nữa. Tôi chỉ biết im lặng. Cuộc cạnh khoẻ không biết diễn ra bao lâu nữa, nếu như không có tiếng động cơ ô tô rì rầm. ai đó kêu toáng lên, có máy bay, nhiều người nhón nhác. Rồi sau lại hô, ô tô. Ngoài đường thấy chiếc xe tải từ từ dừng, động cơ vẫn nổ, thùng xe có người đứng ngồi lổ nhổ. Trên ca bin người lái nhòai ra:

- Xe bộ đội đây! Ai về phố huyện không?

Nhiều người ồ lên, quáng quàng thu dọn và nháo nhác chạy ra xe. Tôi cũng léch thệch kéo chiếc va li, chạy. Vừa bị xô đẩy, vừa vướng chiếc va li, tôi loay hoay mãi mà chưa leo lên được thùng xe. Chợt có giọng con gái vọng xuống: Anh gì ơi! Đẩy lên, em đỡ cho. Tưởng cô ta nói với ai, nhưng ngoái lại, duy nhất còn mình tôi. Hoá ra cô ta nói với tôi. Cô gái khom mình, hai tay giơ ra, tôi vội vàng nâng chiếc va li và chỉ kịp đu lên, xe đã chuyển bánh.

- Cảm ơn...!

- Dạ,... không có gì. ... Anh.... về đâu?

- Phố Giác! Còn em... về đâu?

Tôi không nghe rõ tiếng em trả lời. Định hỏi lại thì mấy người khách lên cùng quay lại nhìn, tôi đành im lặng. Dù trong đêm tôi vẫn biết, họ còn khó chịu với tôi lắm, cái thằng du côn, áo trắng bôm bốp, bằng nhử mồi cho máy bay,...

Trong ánh trăng tôi nhận ra người vừa kéo giúp chiếc va li - em đẹp và rất trẻ, trẻ lắm, một cô bé thôi. Bé bao nhiêu tuổi nhỉ? Tôi kín đáo quan sát. Mười sáu hay mười bảy? Trên xe chật cứng, cả tôi và em đều phải vớ vào thành xe cho khỏi nghiêng ngã. Khuôn mặt em kề sát bên tôi. Cảm giác như tôi có thể chạm vào hơi thở em. Hình như biết ánh mắt tôi đang chăm chăm nhìn mình, em ngượng ngùng, cúi xuống.

- à...

- Gì thế e..m?

- Không có gì ... Vừa nãy em cũng đợi dưới bến xe. Chắc anh g..i..ậ..n...?

- Không! Có gì đâu... Anh vừa từ Rum... về!

- Em cũng đoán anh từ nước ngoài về... Anh họ em cũng học đại học ở Liên xô đấy!

- Thế à! Thành phố nào?

- Ki... ép.

- Anh ấy học năm thứ mấy?

- Dạ, năm...

- Tên anh ấy là... gì?

- Dạ... tên Th..à...nh.

- Gì c...ơ ? Cùng năm học với anh đấy. Ngày ấy đoàn lưu học sinh của bọn anh đông lắm! Tiếc là anh không biết anh Th...à... em. Nhóm sang Rum là toán cuối cùng, xa nhất trên chuyến tàu chở lưu học sinh.

Động cơ ô tô ầm ầm và gió ào ào, tiếng em, tôi nghe câu được câu mất. Em giơ tay vuốt vuốt lọn tóc gió bay bay. Xe lúc lắc làm tay em va nhẹ vào cằm tôi. Em ngượng ngùng rụt lại. Tôi mỉm cười trong đêm. Gió lại tung tóc em bay, những sợi tóc quăn quýt vào má, vào cằm, vào cổ tôi. Tôi ước ao giá mà ... và tưởng tượng. ý nghĩ làm tôi rạo rục. Thoang thoang hương sả từ tóc em. Mấy năm rồi tôi mới gặp lại hương thơm xứ sở. Vô tình tôi buột miệng:

- Hương sả ...?

- Gì cơ?

Em hỏi và tôi thì thầm nhắc lại. Bé nhìn nhanh sang tôi, rồi thẹn thùng cúi xuống. Cái nét thẹn thùng của bé đáng yêu và duyên quá. Thật khác với phụ nữ âu châu...

- Em học ... lớp mấy?

Em nhại lại từ lớp mấy của tôi và khúc khích cười. Tiếng cười em trong vắt, ngây thơ thế. Rồi lại tiếng em:

- Em đang đi thực tập. Cô giáo làng...

- Cô giáo?

Tôi ngạc nhiên và lại thấy tiếng em cười.

Cười ... ?

Tôi hỏi và em đáp lại:

- Cười anh hút thuốc bị người ta mắng. Thấy bảo trên máy bay, phi công nó nhìn cái cặp tóc to bằng chiếc đôn gánh. Ban đêm, đom đóm bay, chúng còn nhìn rõ cơ mà!

Tôi thoáng nghĩ, em thật trẻ, trẻ như câu chuyện của em. Vẫn tiếng em:

- Thế mà có người dám bật lửa hút thuốc. Họ hiền đấy, chứ phải em...

Tôi chen lời em:

- Thì sao...?

Không biết từ lúc nào, bàn tay vịn thành xe của tôi đã áp lên bàn tay em. Như không biết, bàn tay em vẫn trong lòng bàn tay tôi. Rồi cả tôi và em im lặng, im lặng như để cùng tận hưởng cái cảm giác lạ lẫm, ngỡ ngàng. Bất chợt xe dừng đánh khục, mọi người trên xe nghiêng ngả, ngã dúi dụi vào nhau. Em cũng xô dạt, cả thân hình em, mái tóc em trợn trong vòng tay tôi. Như con thiêu thân, không biết xung quanh có ai, không biết mình đang ở đâu, ghì mạnh và cuồng nhiệt, tôi thì thào vào tai em. Em dùng dằng, nửa muốn thoát, nửa như nấn ná. Chợt anh chàng lái xe cắt ngang phút giây ngắn ngủi ấy:

- Đến phố... G..iác rồi đó. Ai xuống, nh...a...nh l...ê..n!

Xung quanh tiếng người giục nhau í ới, tiếng cảm ơn chú bộ đội lái xe cho đi nhờ... Em và tôi cũng bừng tỉnh, dứt khỏi cơn mê. Phố Giác, nơi mẹ tôi sơ tán. Tiếng em nhón nhác giục, tiếng tôi hỏi lại, chìm trong tiếng người và động cơ. Dưới mặt đất, tôi đang chơi với đống chiếc va li, thì một người nhảy ạch xuống. Cú đẩy bất ngờ làm tôi loạng choạng, chiếc va li đè sập lên người tôi. Trên xe, em thất thanh hỏi. Tôi còn đang lồm cồm bò, xe đã ì ì chuyển bánh:

- Đợi... đợi đã. Em, em ở đ..â..u....?

- Em ở... - Tiếng em nghe câu được câu mất - Nhớ tìm em ! E...m đ...ợ...i !

Tôi luống cuống chạy theo xe. Chỉ còn ý nghĩ đuổi theo em, tôi cuống dại chạy. Trên xe bóng em chơi vơi, hai tay vẫy vẫy. Xe xa dần, xa dần, chỉ còn lại tiếng động cơ ì ầm và mờ mờ bóng em. Tôi thờ dốc dừng lại, tự quở trách mình: sao lại xuống xe, sao ngốc nghếch vô hồn vậy, đến tên em, mà cũng không rõ... Trong đêm chỉ còn mình tôi bơ vơ. Đường khuya vắng lặng càng làm tôi thêm ân hận. Tôi ngồi phịch lên chiếc va li.

Không biết thời gian trôi qua bao lâu. Chợt xung quanh tiếng keng keng vang lên dồn dập. Gì thế nhỉ? Bất thần trên trời âm thanh chói tai xoẹt qua. Bầu trời đêm loé sáng, vun vút những vết lửa đan chéo nhau, cùng tiếng nổ đom độp. Bất chợt theo hướng con đường, bùng lên quãng lửa sáng, tiếp đó mặt đất như chao đảo. Tôi chợt hiểu, bom. Sau tiếng nổ phập phập, xung quanh ắng lặng đi. Im ắng đến ghê người. Vẫn hướng con đường, quãng lửa bùng sáng hơn. Rất nhanh, ý nghĩ trong tôi, ô tô em đang đi bị máy bay oanh tạc. Phản xạ tự nhiên, tôi vụt nhổm dậy, thực mạng chạy về nơi vắng sáng. Tôi chạy, chạy như kẻ điên. Tôi đã bỏ em, bỏ trong lúc em gặp nạn,... Mỗi lúc khoảng sáng trước mặt tôi một rõ hơn. Hình như có người chạy ngược lại phía tôi. Tôi vội vàng hỏi và tiếng đáp: ô tô bị rốc két bắn. Tìm tôi thất lại. Mặc cho người ta hét bảo: chạy lại làm gì; máy bay có thể quay lại oanh tạc. Rồi tôi ngửi thấy mùi cháy khét lẹt và lù lù bóng đen chiếc xe tải giữa đường. Tôi hốt hoảng hỏi mấy người đang dập tắt những đám lửa cuối cùng. Cậu lái xe cho biết, mọi người kịp tản ra trước khi xe bị bắn. Có hai người đàn ông trên xe bị thương, họ vừa được đưa đi cấp cứu. Những người khác tản vào trong làng rồi, họ sẽ theo đường tắt đi tiếp. Tôi thở phào nhẹ nhõm, em không việc gì. Biết tôi là khách trên xe, lại nghe ý định tôi rượt tìm em, mấy người xúm lại gần, đêm hôm khuya khoắt thế này, tìm sao được. Tôi thất vọng nhìn vào khoảng không tối mênh mông. Đúng, không thể tìm nổi. Chán nản, tôi đành quay lại. Chiếc va li của tôi để giữa đường, một toán dân quân tuần tra phát hiện thấy. Khi tôi quay lại, mấy họng súng bất ngờ bủa vây. Tôi lại phải trình bày, giải thích, đưa cả hộ chiếu. Cũng may, cơ quan của mẹ tôi sơ tán ngay gần đấy, mấy vị dân quân dong tôi đến tận nơi, xem lời khai có thực không. Mẹ tôi được bữa hoảng hồn, giữa đêm khuya, có người đập cửa và bất ngờ nhìn thấy con trai bị vòng trong, vòng ngoài dân quân vây bọc.

Hơn hai tuần về nước trôi vèo. Tôi đạp xe đèo mẹ vào tận Thanh Hoá thăm bố, tới mấy trường các em học sơ tán, rồi thăm viếng họ hàng nội, họ ngoại. Định dành mấy ngày cuối cùng tìm em, thì tôi lăn ra ốm...

Đúng như cậu phóng viên trẻ nói, làng cậu ta cổ và đẹp. Con đường làng quanh co vỉa gạch, nhiều cổng ngõ rêu phong. Vốn Trung văn học mấy năm cấp III, đủ để tôi lồm bồm đọc được dăm ba chữ, có cổng xây từ đời vua Tự Đức, có cổng xây từ đời vua Thành Thái...

Tiếp chuyện tôi là ông nội của cậu phóng viên. Tuổi ngoài tám mươi, râu tóc bạc phơ, da đỏ như quả bồ quân, cụ còn rất minh mẫn. Cụ cứ gọi tôi bằng ông, mặc dù mấy lần tôi thưa, mình chỉ hàng con cháu cụ. Cụ hỏi thăm tình hình chính trị, hỏi tôi nhận xét xem ông Thủ tướng hiện nay điều hành đất nước ra sao, rồi chuyện chiến tranh Chesnia.

- Tiếc quá, giá hôm nay có bố cả nó ở nhà, tiếp cơm ông...

- Dạ thưa cụ, trước lạ sau quen, rồi sau này thiếu gì dịp anh em cháu gặp nhau.

- Đường xá xa xôi, mãi tận thành phố HCM. Bố cả nó một năm chỉ một hai lần ra, dịp công tác. Ngày trước bố cả nó nhà tôi học giỏi lắm, thế mới được cử đi Liên Xô học đấy!

- Thưa... anh nhà ta đi học năm nào ạ?

- Đi sau cái đận thăng Mỹ gây hấn...

- Dạ có phải học ở Ki ép không... anh ấy tên Th...ành phải không ạ?

- Ồ kìa, thế ra ông cũng biết thằng cả nhà tôi! Đúng là đánh nhau vỡ đầu mới nhận ra người quen...

Tôi chưa kịp giải thích với ông cụ, nào tôi có học với anh Th...à... nh hay anh th...à con của cụ đâu. Tôi chỉ đoán vậy. Trí nhớ của tôi còn đọng lại cái âm thanh trong đêm, về tên người anh họ của em. Từ lúc ấy trong tôi cảm giác hồi hộp, chờ đợi. Mình đã tìm đúng quê em rồi ư? Số phận chăng? Hiện nay em ra sao? Tôi sốt ruột muốn hỏi, nhưng thấy chưa tiện. Tiếng ông cụ cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi:

- Tính đến lớp bố cả nó nhà này, làng có nó và con em họ là học cao nhất đấy ông ạ. Thằng anh thì sang tận Liên Xô, còn con em nghề giáo học. Chỉ tiếc là... - nói rồi ông cụ hươ hươ đưa chỉ về hướng cái ao rộng trước nhà - Nhà con em nó ở bên kia cái ao kia kia. Khổ, người ta có số cả đấy ông ạ!

Tôi lo lắng chờ ông cụ nói tiếp, nhưng ông cụ dừng lại nửa chừng và chuyển sang chuyện khác. Không lẽ tôi lại hỏi. Ngay sau bữa ăn, lấy lý do thăm cảnh xóm làng, tôi loanh quanh ra ngõ. Cứ theo hướng tay ông cụ chỉ trong bữa ăn, thì chắc là lối nhà em đây.

Cổng tre cũ dựa hờ, xiêu vẹo. Con đường nhỏ chạy men sát bờ ao.

Sao vắng lặng và quạnh hiu thế?

Tôi thoáng lo lo cho em, rồi lại tự trấn an, đã chắc gì, biết đâu chỉ là điều ngẫu nhiên, trùng tên, trùng tuổi. Ngày đó nào mình nghe có rõ đâu. ý nghĩ vậy làm tôi mạnh dạn, bước tiếp vào ngõ và hy vọng, không phải là em.

Ngôi nhà chênh chéch, hướng ra ao. Mái rạ lâu ngày mục xẹp. Vách đất tua tũn, nhiều chỗ trơ cả rường tre. Trong sân có người phụ nữ lúi húi băm bèo. Từ phía sau tôi có thể quan sát mà người đó không hay biết. Một người phụ nữ gầy guộc, khó đoán tầm bao nhiêu tuổi. Qua cách ăn mặc, chiếc áo nâu bạc théch, trên vai còn mấy miếng vá... thì đó là một phụ nữ đã đứng tuổi. Đúng, không thể là em. Em tôi khác cơ. Nhận xét ấy làm tôi hơi yên tâm, tiếp tục quan sát.

Dáng ngồi của chị ta hình như không được tự nhiên, người lệch về một phía. Đúng là nhầm lẫn rồi. Đã định quay ra, song tôi lại phân vân. Mái tóc người phụ nữ xoã dài, mái tóc chảy qua vai, chảy buông quét xuống mặt sân... Tóc em ngày ấy rất dài. Người phụ nữ vẫn lúi húi băm băm chặt chặt, không hề biết có khách. Tôi quyết định lên tiếng:

- ư ...m h...ừ. Dạ... tôi hỏi không phải...

Nghe tôi đánh tiếng, người phụ nữ chậm chạp ngoái đầu lại. Mái tóc xoã phủ, làm tôi nhìn không rõ khuôn mặt. Tôi chưa biết xưng hô thế nào cho phải phép, nhưng đủ thời gian kịp quan sát, khuôn mặt người phụ nữ da rám xạm, không linh động, mà dài dại, nhất là một bên mắt. Chắc là di chứng của một căn bệnh nào đó.

- B...á... c h...ỏ...i a...i...?

Giọng nói đơn đót - người phụ nữ hỏi và nhìn tôi, ông khách lạ. Tôi lúng túng cất lời xin lỗi, nói rằng mình vào nhầm nhà và giải thích là khách của nhà bên kia ao. Đã định quay

ra, tôi chợt thoáng thấy hình như khuôn mặt người phụ nữ có sự biến đổi, ánh mắt đại đại hơn... Kia đôi mắt người ấy trân trân nhìn tôi. Sao đến tận lúc đó tôi mới nhận ra, cái nét quen quen. Rồi những âm thanh lấp bắp, ngọng nghịu phát ra. Tôi nghe nhầm chăng? Không biết lúc đó tôi có động tác hay cử chỉ gì, chỉ thấy người phụ nữ chậm chạp quay lưng, một bên vai lệch xuống và bước đi khó nhọc.

Kìa em!

Tôi như một kẻ vô hồn thốt lên! Không quay lại, em vẫn tập tễnh bước. Mái tóc em buông dài lơ phơ... Tôi như trong mê... Tận khi em khó nhọc bước lên hiên nhà, tận khi em bước khuất sau khung cửa, tôi vẫn trân trân nhìn theo. Nếu không có bà cụ già khua gậy, rờ rẫm trong nhà bước ra, tôi sẽ còn đứng như trời trồng bao lâu nữa:

- Nghe như ai đến nhà ta? Có phải các ông bên uỷ ban... hay ông giáo bên trường sang chơi? Lâu lắm rồi các ông mới sang...?

Tiếng bà cụ thều thào, nghe câu được câu mất. Tròng mắt trắng đục, ghéch ghéch lên. Xen lẫn tiếng bà cụ là tiếng khóc thút thít từ trong nhà vọng ra. Lại tiếng bà cụ:

- Khồ! Khóc. Ngày nào cũng khóc. Ai người ta biết, mà ngóng, mà trông!

Tôi ngập ngừng định cất tiếng chào, nhưng nghe câu nói của bà cụ chợt tôi sửng lại. Mình mộng du ư? Không, bên tai tôi, kìa... còn tiếng em tan loãng trong đêm:

- Nhớ tim em! E..m đ...ợ...i.

Lời nguyên

Làng tôi ven sông Đuống. Nếu tính đường chim bay, làng cách trung tâm Hà Nội dặm cây số. Đứng trên đê là nhìn thấy mấy khách sạn liên doanh sừng sững mới xây. Tuy gần thành phố nhưng quê tôi ít ảnh hưởng cuộc sống thị thành, nếp quê vẫn giữ. Phải chăng nét quê sâu đậm mà đình làng còn giữ được. Hồi chiến tranh Tây không đốt sau làng cũng không phá. Nay người làng tôi tự hào lắm, quê mình đình cổ to nhất vùng, Thành hoàng là thượng đẳng thần còn sắc mấy đời Vua phong... Chẳng phải đến khi dân làng tự hào, ngày bé tôi đã yêu quý ngôi đình, có nhiều kỷ niệm về nó. Dịp nghỉ hè, tuần trăng, chúng tôi sinh hoạt thiếu niên nhi đồng trồng gỗ lũng từng suốt đêm. Mấy bận tôi ngủ quên, mẹ ra tận nơi tìm. Còn câu chuyện lời nguyên-chiếc đình đóng trên cột đình ông nội kể, nhiều lần vào đình tôi tò mò xem nó ở đâu. Sau này lớn, xa nhà, mỗi dịp về quê tôi đều tranh thủ ghé qua, thư thả thì chiều xuống thả bộ mấy vòng quanh sân đình, ngắm dáng cong cong đình đao hay lớp lớp ngói cổ rêu phong. Nhưng lúc ấy, tôi thường suy ngẫm về cuộc đời, về thời gian, về cái ân tình, sự cố hữu của người dân quê... Và rất lạ tôi cứ liên tưởng mái đình kia phủ dày quá khứ, mỗi viên ngói như một giọt thời gian. Đến khi đình chuyển thành nhà kho hợp tác xã, ít khi tôi tới nữa. Chợt lúc nào đó nhớ về quê mình, mái đình cổ kính lại thấp thoáng trong ký ức, cả câu chuyện lời nguyên hư hư, thực thực... Làng quê, nơi ấm áp những phong tục, cổ lệ, người ta sống trong khuôn mẫu lệ tục. Tục lệ là thứ nhiều khi rỗng rẫy, dồn đẩy dân quê đến chỗ lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, song cũng lại chính là nó, gắn hút họ với mảnh đất quê làng.

Các cụ làng tôi truyền rằng: Xưa, đã lâu lắm rồi, chẳng còn nhớ là năm nào, thầy địa lý Tả Ao qua làng. Cảm động trước tấm lòng của dân làng, thầy Tả Ao chỉ cho chỗ đất quý dựng đình. Theo thầy, ấy là kiểu đất: hổ trực quần dương. Tả hữu có thần Bạch Hổ, thần Thanh Long- hai gò đất cánh đồng bên đình. Hậu trảm là gò đất cao sau đình. Thầy lại mách dân làng phá bờ cho thông thương chuối ao hồ trước mặt đình và khơi con ngòi ra sông Đuống, long mạch sẽ khai thông, giữ được vượng khí. Về gò Cái Cờ, ngay đầu làng, chính hướng cửa đình, thầy Tả Ao dặn, phải hết sức giữ gìn. Đây là tiền án không cho tà thần hung khí xâm tới phạm chính đường. Nhớ lời thầy, dân làng tôi xem trọng gò Cái Cờ lắm. Cây cối trên gò um tùm. Trừ việc hương đăng ngôi miếu cổ, chẳng mấy ai dám lai vãng đến gò, kể cả đám trẻ trâu.

Thế mà một năm có chuyện. Ngày ấy không rõ ai tố giác trước quan viên có kẻ giấu diếm táng cốt cha ông vào gò Cái Cờ, nhà nào táng thì kẻ tố không nói rõ. Quan viên được triệu tập gấp ra đình. Hay tin các cụ xôn xao. Người lo xúc phạm chốn tôn nghiêm, chuyện này khôn. Thảo nào trong làng dịch lợn gà rộ lên, bao người đau bụng, đau mắt. Số quan viên khác nói lo cho dân làng nhưng thực bụng họ sợ kẻ táng mà ông mã cha kia, chúng sẽ phát. Mọi bận phạm đã việc làng thế nào quan viên chẳng ngả ra dăm măm đánh chén, vậy mà lần ấy diễn ra chóng vánh, cụ tiên chỉ quyết ngay. Việc phải nhanh, kéo lờ động, chúng biết, nó chuyển đi thì lấy gì làm bằng. Ngay chiều đó ông lý ộp đám lực điền, đích thân cụ tiên chỉ cùng nhiều quan viên giám sát. Trai đình sẫm soi thuôn khắp gò, thứ cần tìm đã thấy. Một gã trai đình thuôn thấy kịch, đứng kiêu gập gối. Người ta xúm vào đào. Cỗ quách vàng tâm mái cong mai rùa lộ ra. Bật nắp tấm thiên, hát gạch đậy tiểu, các cụ sững sờ, trong tiểu bộ cốt “vàng” ươm, đầy ăm ắp. Không thể tưởng tượng nổi! Quan viên tức giận, cụ rủa xả đòi quẳng ra sông, cụ hàm hàm giật mai đòi đập nát. Riêng cụ tiên chỉ chỉ cười nửa miệng tuy sắc mặt có tai tái. Chờ mọi người nói há cụ mới lành lạnh phán, đưa về làng. Quan viên nhìn nhau chưa rõ ý.

Cỗ quách bị điệu sênh sệch về sân đình. Theo lệnh cụ tiên chỉ, trai đình lôi ra đoạn chảo thông lọng cỗ quách lại, trói gô nó vào gốc si. Lúc đó là chập choạng tối, ông Lý vẫn sai mõ đi rao khắp ngõ, dân đình phải đến tập trung ngay. Tối xuống, sân đình đuốc đốt như đình liệu. Người ta điếm xem chi giáp nào thiếu vắng ai. Đám đông xì xầm: thiếu cánh cháu con ông lý cụ. Lý trưởng trình với cụ tiên chỉ mà giọng oang oang như nói với dân làng:

- Bẩm cụ, cánh con cháu nhà Lý Cụu... ồm, vắng mặt ạ!

Được phép cụ tiên chỉ, ông lý thông báo việc tày đình vừa xảy ra. Dân làng hồi hộp nín thở nghe. Thật là một tin sét đánh. Ồn ào càng ồn ào hơn khi cụ tiên chỉ phán: tất cả dân đình bước qua cỗ quách, nhổ nước bọt, táng một vò. Đột lặng im, rồi tiếng lao xao, kẻ tán đồng, người ghê sợ thất đức quá. Ông lý phải quát át đi. Nghi thức rùng rợn đã diễn ra. Từng người từng người một tiến đến. Có gã ráng sức nện vò đến mức chiếc vò nảy lên, xương cốt bắn cả ra ngoài. Đa số dân đình gượng gạo, làm chiếu lệ, nhất là phe cánh nhà Lý Cụu. Tới quá nửa đêm, lúc này bộ cốt như tử cùng mảnh vỡ tiểu sành lộn xộn thành đống trong quách, tưởng đã xong, chỉ còn việc lôi ra sông đổ, dân làng lại nghe cụ tiên chỉ sai. Loáng cái có tay trai nọ, mang chiếc đình sắt tướng tới khúm núm đưa cụ tiên chỉ.

- Trên có thần linh chứng giám, dưới có dân làng...- tiếng cụ tiên chỉ sắc lạnh, giữa sân đình đêm khuya nghe mà rờn rợn, dân làng như đứng sát vào nhau hơn- Cái đình này sẽ đóng lên cột đình. Hẹn cho ba hôm, tên láo xược kia chúng bay được phép nhổ, nhổ bằng tay. Bằng không, còn ở cái làng này, truyền rằng con cháu bay, đòi đòi kiếp kiếp không mọc mũi sủi tăm..

Chúng bay ở đây là ám chỉ ông Lý Cựu, là con cháu và vây cánh nhà Lý Cựu. Bộ cốt kia, lúc này mười phần chắc bảy tám là bộ cốt bố ông Lý Cựu. Ai vào đây nữa! Biết vậy nhưng vô bằng, làng bắt vạ sao được. Thời Lý Cựu còn đương chức, phe cánh ông mạnh nhất làng. Vật đổi sao dời, ông tính sai nước cờ nên tranh trượt cái triện đồng lý trưởng. Sau này làng đình đám, ông vẫn ra dự song ngồi chiếu các ông cựu. Tuy vây cánh chẳng còn bằng trước, nhà ông vẫn giàu nhất làng. Giàu tới mức ngày bố mất, ông chả vẩn tục hào trước hàng tổng, đưa ma bố ra đồng, rước xách đầu thềm nhờ vả qua đất ai. Từ nhà đến nơi hạ huyệt mấy cánh đồng, toàn rước trên đất ruộng tư điền nhà ông. Bố mất đã năm năm, chưa thấy Lý Cựu sang cát. Dân làng biết không phải thiếu tiền, ông đang chọn đất để mả. Một đạo dân làng kháo nhau, nhà Lý Cựu đón thầy Tàu về xem đất. Chỉ lạ, mãi không thấy động tĩnh gì. Đến khi chuyện vỡ ra mọi người mới hay...

Sau vụ hành hình bộ cốt cửa đình mở suốt ba đêm. Có người rình xem kẻ vào đình. Rình đâu để bắt. Trước có thù oán với nhà Lý Cựu nay được dịp nhìn cho bổ tức; rình vì tò mò hay rình chỉ để mà rình. Nào ai thấy gì! Sân đình tối om, đèn đuốc có đâu hoặc người rình chán nản không đợi được. Chỉ biết, qua đêm thứ nhất, đêm thứ hai, sáng sớm quan viên lữ lượt ra xem, chiếc đình vẫn trơ trơ. Chẳng phải tinh mắt cũng nhìn thấy những vết sẫm xung quanh chiếc cột và cả dưới sàn gỗ. Qua đêm thứ ba các vết ấy không chỉ sẫm màu mà còn có chỗ nhơm nhớp đỏ. Đã rõ đấy là máu. Có kẻ cố sức nhỏ. Đình dài, cắm sâu vào cột lim, nhỏ bằng tay làm sao được!

Câu chuyện nhà Lý Cựu mời thầy Tàu, giờ dân làng kháo nhau mỗi người một phách, không rõ thực hư thế nào. Người thì kể: nhà Lý Cựu mời thầy Tàu, thầy phán được ngôi đất tại gò Cái Cờ, táng mả bố ở đó còn phát nhưng vì không hậu đãi nên thầy phản mới ra nông nỗi này. Có người lại bảo, ông Lý đón phải thầy Tàu rởm, mắc mưu phe cánh trong làng vốn có thù oán cũ... Chuyện nhiều lắm. Nhưng thôi, kén đất kén cát mả kết phát đâu chưa biết, đã thấy bị quật lên rồi. Kháo mãi rồi câu chuyện cũng nhạt-còn phải làm ăn chứ, việc nhà người góp bàn được lợi lộc gì. Chỉ những kẻ nhớ dai thù sâu vẫn nhắc, rồi xem.... Thế mà có chuyện thật. Vài năm sau tự dưng Lý Cựu đang khoẻ mạnh lẩn đùng ra ốm, ốm nặng. Được dịp, ông Lý ốm chưa chết có kẻ đã kháo như chết rồi. Thật trùng hợp sao, Lý Cựu chết cũng nhanh, chết chưa kịp chia tài sản hay lập di chúc. Thế là xảy ra tranh chấp giữa các bà, bà cả, bà hai, bà ba và đàn con trai gần chục đứa. Việc phức tạp phải lên cửa quan kiện tụng, xác ông Lý cứ quàn lại. Lúc ấy vợ con còn đầu óc đâu làm ma. Rồi tài sản chưa phân, phí tổn tang ma ai là người gánh chịu? Vụ kiện cáo đó quan xử giằng dai, lâu quá. Tranh chấp tài sản xử chưa xong lại tiếp luôn cái án mạng giữa đám con nhà Lý Cựu. Từ lúc ông Lý nằm xuống đến khi ma ra được đồng tròn ba tháng. Xong vụ kiện, dân làng đồn, tài sản nhà Lý Cựu vơi quá nửa. Số còn lại phân chia, kẻ được hưởng thì đang ở tù hay bị đâm chết mất rồi, đám con trai các bà lẽ trắng tay.

Mấy mùa đình đám dân làng thấy cánh con cháu ông Lý Cựu cứ vơi dần. Họ lặng lẽ rời khỏi làng, đến lúc không còn ai nữa. Câu chuyện về lời nguyện cái đình, lâu quá rồi, qua mỗi người, mỗi đời kể, lại thêm mắm thêm muối nên càng huyền hoặc, không rõ đâu là thực, đâu là hư. Đến mức nhiều người nghĩ chuyện ấy có thật chăng? Đến như vết đình trên cột đình ai đã chỉ được nó ở đâu?

Làng tôi bằng đi mấy chục năm không mở hội. Gần đây, tục xưa được phục hồi. Hội làng năm nay câu chuyện thời sự ồn ào nhất: Trước hôm hội có chiếc xe con chạy về làng. Xe đỗ sân đình. Các cụ làng tôi tiếp ông khách lạ, sang trọng. Khách nhận mình vốn gốc ở làng, nay phiêu bạt nơi phương trời xa. Về thăm quê hương bản quán, ông còn có một nguyện vọng thành kính, xin dân làng rút lời nguyện cái đình xưa. Ồ, ra lời nguyện cái đình là có thật! Mười mấy chiếc cột đình đen bóng, to vượt vòng tay, được

các cụ trong làng và ông khách lạ sẫm soi. Không một dấu vết. Cho đến tận chiếc cột cuối cùng, tìm mãi vẫn không thấy. Chợt có người nhìn nơi cao cao, hình như có vết sẫm hơi gợn lên trên thân cột. Khách vừa chạm tay, những vảy tựa gỉ sắt là tả rơi. Trên gò má ông khách già lăn dài những giọt nước mắt!

Phụ đính:

Kỷ vật

Tốt nghiệp ra trường, tôi về dạy học ở một huyện vùng trung du. Cái thị trấn nho nhỏ. Ngôi trường ngự ngay trên đồi. Từ khu trường có thể nhìn bao quát xuống thị trấn, những mái nhà lô xô, cái mái ngói, cái mái tranh, trông đến vui mắt. Xa xa nữa, là những vạt chè xanh, trải dài ngút ngát. Một thị trấn thanh bình, mơ mộng!

Lũ học trò hiền lành, chăm chỉ. Cứ nhìn chúng tròn xoe mắt, lắng nghe từng câu, từng chữ trong các tiết học, trong những bài giảng của tôi, thấy chúng thật đáng yêu. Công việc, cuộc sống chỉ đến thế là cùng, mình có ước ao gì hơn nữa.

Năm dạy học đầu tiên qua đi tốt đẹp. Vào cuối năm ấy, tôi có người yêu, anh công tác ở một cơ quan trong huyện và hơn tôi dăm tuổi. Bước vào năm thứ hai, mọi việc diễn ra vẫn bình thường, nếu như không có chuyện, một cậu học trò thường gây khó chịu cho tôi. Ngay tiết học môn văn đầu tiên, lên lớp được chừng 5 phút, đang giảng bài, tôi chợt nghe có tiếng thưa rõ to:

- Thưa cô!

Nhìn ra cửa, một cậu học trò cao lớn, không cặp, không sách, áo bỏ ngoài quần và nhất là cái đầu - trọc lóc - nghênh nghênh đứng. Trong lớp nổi lên những tiếng cười khinh khích. Tôi khó chịu, song cố nén, cất tiếng hỏi:

- Cậu... tên gì?

- Thưa cô, em là Nguyễn Lê Tùng Sơn, mười tám tuổi, học sinh tổ bốn, ngồi bàn cuối, nhà ở thôn Chùa...

Cả lớp rộ lên tiếng cười

- Thôi! Cậu vào lớp ngay cho tôi nhờ!

Trường hợp này, chỉ còn cách xử lý như vậy. Nếu giảng co, làm căng, mất hết cả tiết học, mà lại là tiết học đầu năm. Cậu học sinh khùnh khùnh đi vào lớp, vừa đi, vừa đưa tay như như cậu này, hất hàm với cậu kia. Tôi cố nén, tiếp tục tập trung vào bài giảng. Một lúc sau nhìn xuống chỗ cậu ta, cậu học trò cũng kiếm đầu được cây bút, đang hí hoáy viết vẽ gì đó. Đến giữa tiết học, cậu ta không viết vẽ nữa, cái đầu trọc lóc gục trên mặt bàn. Cho đến tận lúc ra chơi, cậu vẫn ngon lành ngủ. Biết làm gì với thứ học trò này đây, một loại học sinh cứng đầu, cứng cổ. Tôi băn khoăn tự hỏi, cần phải áp dụng biện pháp cứng rắn, hay mềm dẻo. Nghe tôi phàn nàn ở văn phòng, cô giáo dạy văn năm trước của cậu ta, nhún vai:

- À, cái cậu Nguyễn Lê Tùng Sơn chứ gì? Chịu! Đến Tài thánh cũng chịu. Loại đó, chỉ có.... đuổi.

Đuổi thì đơn giản, tôi nghĩ. Trong những tiết học tiếp theo, cậu ta còn nghĩ ra nhiều trò quỷ quái khác. Cả lớp đang cắm cúi chép bài, bỗng dừng một cái máy bay giấy phi đánh vèo. Truy hỏi thủ phạm, cả lớp ngồi im lặng. Hay có lần, ngay trên mặt bàn giáo viên, một tờ giấy nguệch ngoạc những hình vẽ bậy bạ... Một hôm, tôi đang giới thiệu về tác giả, thì cậu ta đứng lên, cắt ngang:

- Thưa cô, cô cho em hỏi một câu ạ?

- Cậu hỏi gì?

- Thưa cô! Thế nhà thơ Nguyễn Khuyến ở đâu ạ?

- Cậu đã học chương trình văn học lớp dưới chưa?

- Thưa cô, rồi ạ! Sách viết, ông Nguyễn Khuyến quê ở Hà Nam, đỗ tam nguyên, ra làm quan... Thế mà nay ở quê em, hàng ngày vẫn thấy ông Nguyễn Khuyến dắt trâu ra đồng?

Cả lớp cười rộ lên. Tức quá, không kìm được, tôi quát to:

- Ra, ra ngay! Cậu ra ngay khỏi lớp!

- Thưa cô, em phải ra ngay ạ? Cô bảo em về mời ông Nguyễn Khuyến đến đây! Vâng, thưa cô em đi, đi ngay đây ạ!

Nói rồi, cậu ta tót nhanh ra khỏi lớp. Tôi chỉ còn biết nhìn theo, uất ức, không nói lên lời. Cố kìm nén mà nước mắt cứ trào ra. Học trò cả lớp cúi gằm. Ngay ngày hôm sau, theo kiến nghị của tôi, Ban giám hiệu nhà trường yêu cầu cậu ta lên văn phòng làm kiểm điểm. Tối ấy tôi đang ngồi chấm bài. Đây là bài kiểm tra văn đầu tiên của năm học. Nhìn đến cái tên Nguyễn Lê Tùng Sơn, tôi đã định cho con hai rở to, song chợt dừng lại. Kể chữ viết của cậu ta cũng đẹp, nó có cái vẻ khoáng đạt. Chữ như thế này mà sao người lại có những hành động như vậy nhỉ? Tôi chậm rãi đọc bài văn của cậu ta. Ừ, cậu ta viết khá, câu cú chuẩn xác, văn phong súc tích, ý tưởng của bài văn khá mới lạ. Đang vu vơ nghĩ, chợt nghe tiếng động cửa, ngẩng lên nhìn, tôi thấy cậu học trò tai quái kia:

- Thưa cô...

Khác với mọi khi, cậu học trò rụt rè. Tôi nghĩ bụng, hoá ra biện pháp cứng rắn lại có tác dụng. Tôi bảo đến mấy lần, cậu ta mới lúng túng ngồi xuống. Thấy cậu ta cứ ấp a ấp úng, tôi đành chủ động:

- Cậu.... Cậu đã thấy khuyết điểm của mình chưa?

- Dạ... thưa cô!...

- Tôi vừa đọc bài kiểm tra của cậu xong. Sơn ạ, tôi thấy buồn và hơi lạ, một học trò viết được những điều như thế, sao có thể....

- Thưa cô... Em...

- Em làm sao?

- Dạ... em phải nghỉ học.

Cậu học trò vốn có cái vẻ phớt đời, ngông nghênh, giờ hiền khô, tội nghiệp. Tôi thoáng thấy ái ngại và hơi mũi lòng:

- Sao, sao Sơn lại nghỉ học?

- Thưa cô... hoàn cảnh nhà em... Hôm nay em đến xin lỗi và chào cô...

Sơn đặt bản kiểm điểm lên mặt bàn, rồi lặng lẽ đứng lên. Bất ngờ khi biết ý định bỏ học của Sơn, tôi bảo cậu ta ngồi xuống, định có vài lời khuyên nhủ. Cậu ta vẫn đứng, lí nhí chào và dứt khoát ra về. Khi cậu ta đi rồi, tôi thoáng ân hận. Có phải vì mình mà cậu học trò bỏ học? Vài ngày sau, vào sáng chủ nhật, hỏi thăm địa chỉ, tôi đạp xe đến thăm nhà Sơn. Nhà Sơn nằm lưng chừng một quả đồi, căn nhà tranh ba gian, có vườn chè bao quanh. Sơn cời trần, đang lúi húi sửa cái xe cải tiến. Nhìn thấy tôi dắt xe vào sân, cậu ta có vẻ bất ngờ, miệng ấp úng chào. Trong khi tôi đang tìm nơi dựa xe, thì Sơn vội vã chạy vào nhà. Tôi ý tứ đứng lại ngoài sân, đợi cậu học trò mặc quần áo. Từ trong nhà, một người đàn bà xấp xỉ tuổi năm mươi, tong tả chạy ra:

- Cô giáo... cô giáo đến chơi. Thành cháu Sơn nhà tôi nó chẳng báo trước gì cả. Mời cô, mời cô giáo vào nhà...

Tôi bước vào nhà theo người đàn bà. Một căn nhà tênh toàng, nền đất gồ ghề, giáp tường có mấy bao sắn và bao thóc chồng lên nhau. Tài sản đáng giá nhất là ban thờ và cái giường gỗ rề quạt. Người đàn bà lúng túng giải thích, nhà chỉ có hai người, nên chẳng nước non gì cả. Nói rồi bà xách cái ấm xuống bếp. Từ trong buồng, Sơn ngập ngừng bước ra:

- Sơn... sao hai ba hôm rồi, không thấy Sơn tới lớp?

- Thưa cô...

Vẫn chưa hết lúng túng, cậu học trò tay vân vê gấu áo...

- Có điều gì mà Sơn lại nghỉ học? Có phải tại tôi...

- Dạ... thưa cô, không, không... Nhà em có chuyện. Khó...

- Khó thì mới phải cố gắng. Chỉ còn dăm tháng nữa. Sơn không nghĩ tới tương lai của mình sao?

Chúng tôi đang dang dở câu chuyện, thì bà mẹ từ dưới bếp xách ấm nước lên. Bà ngỡ ngàng khi hay tin con trai định bỏ học:

- Báo cáo cô giáo, thảo nào, mấy hôm nay, thấy nó cứ ở nhà. Hỏi thì nó bảo...

Sơn cắt ngang lời mẹ:

- Kia mẹ! Mẹ biết gì mà... Con, con đã quyết rồi!

- Thế có chết không cơ chứ. Đã đến đận gì mà phải bỏ học. Việc của bố mày là việc của bố mày. Làm sao mày phải bỏ học...

Tôi đã biết lý do vì sao Sơn bỏ học qua câu chuyện của bà mẹ. Vừa dấm dứt khóc, bà vừa kể: Bố Sơn là thợ xây, ông thường đi vùng nọ, vùng kia xây cất nhà cửa. Trước đây ông còn có trách nhiệm với gia đình, thỉnh thoảng mang về chút tiền cho vợ con. Hai ba năm lại đây, đã rất ít về, mà tiền nong cũng tịnh không thấy một đồng nào. Mãi cho đến gần đây, mẹ con Sơn mới biết, ông có vợ bé. Giờ đây mọi công việc đều trút lên vai người vợ. Bà lại hay đau ốm. Thương mẹ, Sơn quyết định bỏ học, để kiếm một công việc nào đó. Tôi ngồi lại qua trưa, ăn bữa cơm đạm bạc với hai mẹ con họ và rì rầm khuyên nhủ Sơn. Sau buổi tôi đến nhà, Sơn trở lại lớp học.

Từ buổi ấy Sơn như người khác lạ. Cậu học trò ngỗ ngược ngày nào, nay trầm tĩnh. Đúng là một học sinh có năng khiếu môn văn, những ý tưởng lạ, mơ mộng, những bài phân tích, bình luận sắc sảo, khúc chiết. Trong những giờ tôi lên lớp, cậu yên lặng, chăm chú nghe bài giảng. Một lần đang ngồi xem sổ điểm, trong khi cả lớp cắm cúi làm bài, bất chợt ngẩng lên, tôi vô tình bắt gặp cái nhìn của Sơn, cậu ta lúng túng, vội nhìn nhanh sang hướng khác. Tôi nghĩ ngợi, hình như gần đây Sơn có cái nhìn khang khác.

Lại một đợt chấm bài kiểm tra. Xem đến bài của Sơn, tôi hơi bất ngờ. Cậu ta không làm theo đề ra, mà kể một câu chuyện yêu đương, chàng trai yêu thiết tha, còn cô gái... Thế là linh cảm của tôi chính xác, Sơn đang yêu tôi, yêu cô giáo của cậu ta. Xử lý thế nào đây, một chàng trai mới lớn. Tôi dăm ra lúng túng. Không thể mang ra kiểm điểm, hay nói trước lớp. Khi trả bài kiểm tra, tôi giữ bài của Sơn và bảo cậu ta, cuối giờ ở lại gặp tôi. Nhìn cậu học trò mặt mũi đỏ rừ, ngắc ngứ ngồi sau bàn, tôi nhẹ nhàng nhắc, Sơn làm lại bài kiểm tra, còn câu chuyện mà cậu ta viết ra, thì ở cái tuổi và vào thời điểm cuối cấp học này, là chưa nên. Sau buổi đó, Sơn tránh gặp mặt tôi. Nhưng đôi lần, vô tình tôi vẫn bắt gặp ánh mắt của cậu ta, từ xa dõi nhìn tôi.

Giữa năm học đó tôi xây dựng gia đình. Đám cưới của chúng tôi diễn ra vui vẻ, nào bạn bè, đồng nghiệp hai cơ quan, rồi học trò các lớp. Trên hội trường khi cùng chồng đến các bàn chúc rượu và cảm ơn, tôi bắt gặp cái nhìn đượm buồn của cậu học trò sau khung cửa sổ. Rồi năm học sắp kết thúc, học trò tập trung vào kỳ thi tốt nghiệp, thi đại học. Trong buổi liên hoan chia tay, lớp Sơn tổ chức ăn uống, đàn hát đến khuya. Tránh tiếng đàn hát, chúc tụng ồn ào, tôi bước ra khỏi phòng liên hoan. Đêm hè sân trường yên tĩnh. Cái nóng gắt gao ban ngày đã dịu bớt. Ngẩng lên, thấy bầu trời đầy sao. Lâu lắm rồi, có lẽ từ khi ra trường, tôi mới có dịp ngắm sao. Nghĩ nhanh thật đấy, ngày nào còn là cô sinh viên mơ mộng, bao lần cùng đám bạn bè leo lên gác thượng, ngồi tán gẫu và ngắm sao. Đang thả hồn vẫn vợ giữa bầu trời đêm thăm thẳm, tôi chợt thoáng nghe có tiếng chân người bước sau lưng và đứng lại. Linh tính mách bảo, đó là ai. Một lúc khá lâu, vẫn không thấy cậu ta lên tiếng. Hình như có tiếng thở dài. Tôi chủ động quay lại, hỏi:

- Sơn đấy hả?... Sao không ở trong lớp vui với các bạn!

- Dạ...

- Chuẩn bị thi tốt chứ? Phải cố gắng lên nhé, Sơn!

- Dạ...

Rồi cả hai im lặng. Thời gian trôi đi. Chắc đã muộn rồi, tôi quay mình định vào chào mọi người, đến lúc này Sơn mới lên tiếng!

- Dạ... Cô... Cô cho Sơn gửi...

Sơn trao nhanh cho tôi lá thư, rồi vội vã bước vào khoảng tối trên sân trường. Lá thư tỏ tình chứa chan lời yêu đương. Phân vân, cuối cùng tôi quyết định, đưa lá thư của cậu học trò cho chồng tôi xem. Xem xong, anh mỉm cười, nói một mối tình học trò, chỉ tiếc là không có đoạn kết. Sau mùa thi, Sơn trúng vào trường sĩ quan công binh. Tiếp đó, thỉnh thoảng tôi nhận được những thông tin rời rạc về Sơn. Ra trường cậu ta được điều về một đơn vị công binh. Nghe nói đơn vị không đóng ở một chỗ cố định, mà nay đây, mai đó. Còn tôi, do bận bịu công việc và chuyện chồng con, nên ít có thời gian nghĩ về cậu học trò ấy nữa.

Số phận con người ai mà biết được. Cuộc đời của tôi tưởng như êm đềm, bất ngờ bị đảo lộn. Chồng tôi không may mắc một căn bệnh hiểm nghèo, bao thuốc thang, mà anh không qua khỏi. Những ngày tháng đó tôi như kẻ mất hồn. Ban ngày vì công việc có thể còn nguôi ngoai, chứ đêm xuống, trong gian nhà vắng lặng, nhìn đứa con nhỏ, tôi tưởng như không sao chịu nổi. Để dịu bớt đi nỗi buồn, tôi chỉ còn biết lặng lẽ thắp nén nhang lên ban thờ chồng. Nhìn làn khói hương chao lượn, cảm giác trong tôi như thấy anh đang về cùng với mẹ con tôi. Sau lễ cúng trăm ngày, lúc đó khoảng tám giờ, tám rưỡi tối, tôi nghe có tiếng ai gõ cửa. Thật bất ngờ, Sơn sừng sững đứng trước hiên nhà. Bộ quần áo sĩ quan làm Sơn thêm già dặn, cứng cỏi. Sơn đặt bó hương lên ban thờ và thắp một nén nhang. Tôi đứng khóc lặng sau Sơn. Đến lúc này tôi cảm giác, càng thấy mình mất mát lớn quá. Sơn nói mấy lời chia buồn, rồi lặng lẽ ngồi hút thuốc. Tôi cũng ngồi yên lặng.

Tối hôm sau Sơn lại đến. Một tối nữa, một tối nữa, cho đến hôm trước khi trở lại đơn vị:

- Lan... tôi yêu Lan. Biết Lan đang đau khổ... Nói chuyện vào lúc này thật không hợp, nhưng...

- Thôi, đừng nói nữa Sơn. Tôi biết, tôi biết Sơn... Nhưng... không thể. Có lẽ, không bao giờ tôi quên được anh ấy. Hãy hiểu tôi...

- Không... Sơn sẽ đợi. Dù là bao lâu... anh sẽ đợi.

Sơn trở về đơn vị. Qua những lá thư, tôi biết Sơn đang ở đâu, khi thì một thị xã miền Trung, lúc tại một khu phát triển công nghiệp. Nhận thư của Sơn, nhưng tôi không hề đáp lại. Có lẽ đó là cách trả lời tốt nhất. Tháng tháng, vẫn những lá thư Sơn đều đặn gửi cho tôi. Chợt bỗng đi một, hai tháng, tôi không nhận được thư của Sơn nữa. Thôi, thế cũng hay, có lẽ Sơn đã hiểu. Một buổi chiều đang đứng lớp, tôi thấy đám học trò lao xao, ngó ra ngoài sân. Trên sân trường, tôi nhìn thấy từ phía sau lưng, ông bảo vệ đi cùng một anh bộ đội. Tự dưng tôi lại nghĩ tới Sơn. Hết tiết học, đang ngồi trong lớp, thì một cậu học trò chạy vào báo, tôi có khách, đang đợi ở văn phòng.

Tôi hồi hộp nghĩ, hay là Sơn. Bước vào văn phòng, thì biết mình nhầm. Anh bộ đội từ tốn đứng dạy:

- Chào cô giáo!

- Chào anh!

- Có phải, cô là Nguyễn Thị Huyền Lan?

- Vâng...

Anh bộ đội về gần ngày, chưa biết bắt đầu chuyện ra sao. Rót chén nước mời anh, tôi chủ động:

- Dạ... Có việc gì thế ạ?

- Dạ. Tôi... Tôi cùng đơn vị với Sơn.

Anh bộ đội tân gần lời từ trong cặp ra cuốn sổ nhỏ.

- Đây là cuốn sổ tay của Sơn.

Tôi hơi bực mình nghĩ, cậu ta còn bày ra trò gì nữa đây. Thư từ gửi mãi rồi, chưa đủ sao. Giọng hơi bực bội, tôi hỏi:

- Sao... Sao lại gửi cho tôi?

- Đây là kỷ vật của Sơn. Cậu ấy đã hy sinh rồi!

- Sao?

- Hai tháng trước Sơn nhận nhiệm vụ tháo gỡ một quả mìn... Trước khi tắt thở, Sơn nhắn lại, muốn cuốn nhật ký này đến tận tay Lan.

Thế là một người nữa lại ra đi! Đặt cuốn nhật ký lên ban thờ, bên tấm ảnh của chồng, tôi thắp nén nhang. Chắc chồng tôi sẽ rộng lượng, cảm thông cho nén nhang thắp chung này, thắp cho một người đàn ông và một chàng trai, một người tôi yêu tha thiết và một người tha thiết yêu tôi.

Kẻ trông chùa

Chùa làng tôi nằm trên gò đất cao cuối làng, cây cối um tùm. Từ xa thấy tháp thoáng mái chùa và cây si già. Ngày bé, quăng chín mười, tuổi tôi thường theo bà đến đấy. Bà tôi già lắm. Cứ mùng một, hôm rằm bà đi lễ Phật. Bố sai tôi theo bà, bố sợ bà già yếu đi một mình. Bà rất nhớ ngày sóc vọng, trước một hai hôm, đã nhắc sắp và tắm gội sạch sẽ. Bà giờ bộ quần áo mới trong bồ, hay chọn thứ lành lặn mặc, khoác ngoài tấm áo dài nâu. Tôi xách làn đựng nải chuối, thẻ hương, lẵng xăng bước theo bà.

Trông nom chùa là một nhà sư nữ. Cụ cũng già như bà tôi, mặt mũi răn reo. Cụ luôn trùm chiếc khăn nâu, nhưng có lần tôi phát hiện, đầu cụ sư nhăn thính. Tôi ghé tai bà nội, hỏi:

- Bà ơi, sao đầu cụ sư nhăn thế? Tóc rụng à?

- Hồn nào! Cụ đi tu, cạo đầu. Lần sau cháu không được nhìn cụ thao láo như vậy!

Đến cổng chùa bao giờ bà tôi cũng dừng lại, soát hàng cúc, vuốt vạt áo, đưa gậy cho tôi, hoặc kẹp vào nách, hai tay bà chấp lại trước ngực thành kính. Tôi cảm thấy sờ sờ, bước sát theo bà. “Nam mô a di đà Phật!”- tiếng bà tôi dưới sân chùa; “Nam mô a di đà Phật”- tiếng nhà sư trong chùa vọng ra. Bà tôi thành kính xếp lễ lên ban. Khi bà lùi ra chuẩn bị lễ, cũng là lúc sư cụ thỉnh chuông. Tiếng chuông ngân nga... Tôi khấp nép túm vạt áo bà, đứng sát vào hơn. Nghe tiếng chuông tôi cứ tưởng tượng, các vị thần linh trên trời đang chứng kiến lời thỉnh cầu khẩn lạy của bà tôi. Qua làn khói hương, tôi thấy các pho tượng như xao động, mắt chăm chăm nhìn vào tôi. Sợ hãi, tôi cúi gằm, miệng luống cuống: “Cháu không phá tổ chim, cháu chỉ xem thôi. Cháu đi mót lúa hợp tác, chứ không bốc, tuốt trộm đâu. Cháu...”

Lễ xong bao giờ bà tôi cũng ngồi nói chuyện và uống nước với sư già, thứ nước vối nhân nhàn đắng và ngọt, quê tôi nhà nào cũng uống. Hai người già nói chuyện về con đường trước chùa, khéo mưa xuống lầy lội mất; về thời tiết thay đổi, các khớp xương đau; nói về thu hoạch mùa màng... Câu chuyện không mấy thú vị, đã nhiều lần nghe, tôi bỏ ra sân chơi, nhặt hoa dại, hay trái si vàng nhỏ rụng đầy sân chùa. Lần nào ra về bà cũng được nhà chùa phát lộc, khi chiếc oản, khi thì mấy quả chuối, có bận là vài trái chay chín vườn chùa. Miệng tôi ứa nước bọt, đến cổng đã háo hức mở ra xem, bà mắng:

- Hư nào! Để về bà chia, cả nhà thụ lộc.

Trẻ con nhanh nhớ chóng quên, chỉ quãng ngắn tôi đã quên chỗ lộc vì mãi hỏi bà những điều nhìn thấy ở chùa:

- Bà ơi, cái người nhỏ tẹo, đen sì, một tay giơ lên gò, một tay trở xuống đất là ông gì đấy?

- Hồn nào! Không được gọi Ngài bằng cái. Ngài là Phật Tổ.

- Thế cái Ngài nhiều tay là ai?

- Hư nào! Ngài là Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát, Ngài thấu hiểu mọi điều đau khổ của chúng sinh. Người làm điều tốt Ngài phù hộ; kẻ làm điều xấu Ngài quở phạt.

- Thế thằng Hải hôm qua trộm trộm bươi nhà ông Sửu, Ngài biết không?

- Chết chết! Ngài biết. Lần đầu Ngài tha; lần sau thì Ngài phạt đấy!

Bà tôi hay kể câu chuyện Ngài trị kẻ ác làm việc xấu. Hồi ấy Tây càn, Tây bắn súng cối vào làng tôi, một viên trúng chùa nhưng đạn thối. Bọn Tây không vượt nổi lũy tre làng, nhiều đứa phải bỏ mạng. Bao giờ bà cũng kết thúc câu chuyện một cách thành kính: Nhớ có Ngài phù trợ đấy! Và những câu hỏi bất tận, lời giải thích rì rả của bà cứ từ từ thấm vào đầu óc non nớt của tôi lúc nào không hay biết: Không được bắt giết chim chóc, không hái trộm quả nhà người, hãy thương kẻ khó... Song có những điều lớn lên tôi mới hiểu, như về cõi trời đất, về tạo hóa, về thế giới tâm linh, tinh thần, vật chất, về đạo sống ở đời. Giờ đây, có lúc chợt nhớ đến câu chuyện bà kể và những giấc mơ đẹp tuổi thơ, Bụt hiện lên, Ngài cho tôi đồ chơi, bánh kẹo, con ngựa hồng... tôi lại ước ao, giá được sống lại tuổi thơ.

Hồi ấy, một lần, bố tôi đi họp về. Trong bữa cơm tối, bố nói chuyện với bà và mẹ, làng sắp dọn chùa, tất cả tượng và đồ thờ chuyển xuống nhà tổ, người ta phân công bố vào đội dọn.

- Trời! Sao lại dọn chùa. A di đà Phật! Không được làm điều ác!

Bà tôi bỏ ăn đứng lên, bố nói thế nào bà cũng không ngồi xuống ăn tiếp nữa. Ngay tối đó bà sai mẹ tôi đốt ngọn đèn bão đưa bà ra chùa. Khuya mới thấy tiếng gậy khua lóc cóc trên sân của bà, hai người đã về. Lúc đó tôi lơ mơ ngủ, loáng thoáng nghe bà bảo bố:

- Con ơi! Con đừng theo ai làm điều xấu. Mẹ già rồi chẳng nói làm gì, đừng con phải nghĩ tới các cháu...

Tôi nghe bố dạ một tiếng nho nhỏ. Sáng hôm dọn chùa, bố mẹ tôi đi sớm. Nghe mẹ nói với hàng xóm, có tin nhắn sang, ông ngoại mệt - quê mẹ tôi ở làng bên. Hôm đó bà cấm tôi không được ra ngoài. Thắp hương quỳ lạy trước ban thờ, bà khóc nặn. Trẻ con hiếu động, nghe tiếng người lao xao kéo xuống cuối làng, không chịu nổi, tôi lên đi xem. Ngoài chùa, trẻ con người lớn vòng trong vòng ngoài, ông Hội là người chỉ huy việc dọn chùa. Chiều ấy bố về, tôi bị trận đòn nên thân. Tôi gào gọi bà như những lần bị bố đánh, bà không ra can, chỉ thấy mắt bà đỏ hoe, trong nhà nhìn ra.

Tượng, đồ thờ của chùa làng tôi gom hết lại, chắt đóng vào nhà tổ. Xếp không hết, chỗ thừa theo lệnh ông Hội chuyển đến trại chăn nuôi và lò gạch HTX. Ông Hội nói: Đám ấy toàn gỗ khô, than đượm, trại chăn nuôi và lò gạch không đun đốt cả tháng. Khu chùa dọn rồi, dãy nhà trống thành mấy lớp học của bọn tú nhau chúng tôi. Thỉnh thoảng tôi thấy sư già quờ quạng gậy, bước dưới sân sau chùa. Được vài tháng thì cụ sư mất. Đám ma của cụ nhiều dân làng đưa tiễn, nghĩa tử là nghĩa tận. Khổ thân, sư cụ về tu chùa làng tôi ngót nghét năm chục năm trời, vậy mà... Vài năm sau thì bà tôi mất. Tôi nhớ, buổi chiều ấy đi học về, mẹ bảo bà muốn gặp tôi. Tôi vội chạy vào, bà quờ, nắm tay tôi lỏng lẻo, giọng thều thào:

- Cháu ơi... bà sắp về nhà bà đây... Lớn lên cháu nhớ: Đức Phật... Ngài có ở khắp mọi nơi... Ngài biết việc ta làm... Kính bĩ... căm ghét của người đời... cũng là sự quả phạt của Ngài đấy... !

Tôi hiểu bà đang nói với tôi điều gì.

Thấm thoát đã ba chục năm rồi tôi xa làng đi học và ra công tác. Vì công việc, lại bận rộn chuyện gia đình, tôi hiếm khi về làng. Đợt này tôi mới có dịp cùng chồng con về thăm bố mẹ, thăm quê. Lâu ngày mẹ con bà cháu gặp nhau, biết bao chuyện. Đang câu chuyện chợt mẹ khoe:

- Làng ta sửa chùa rồi con ạ! Đình thì không dựng lại được, Tây càn đốt cháy tiệt... mà tiền của đâu. May còn ngôi chùa mới chỉ dột nát...

- Thế ai trông nom chùa làng mình? Sư già mà còn sống, nay cụ ngoài trăm tuổi!

Không thấy mẹ trả lời câu hỏi của tôi, chỉ thấy mẹ ngược nhìn ảnh bà nội trên ban thờ. Bố tôi ngồi đó chép miệng:

- Ôi dào, cái lão nhập nhằng sổ sách thời hợp tác, bị...

Bố vừa nói tới đây mẹ đã gạt đi:

- Thôi ông... có giờ...!

Rồi mẹ quay sang bảo tôi, mai vợ chồng nhớ đưa các con đi lễ chùa. Sáng hôm sau mẹ chuẩn bị sẵn đồ lễ trong chiếc làn, nải chuối, bó hương cùng đĩa hoa hái vườn nhà.

Trước khi đi, tôi thắp nén hương lên ban thờ bà nội:

- Bà ơi, cháu chuẩn bị ra chùa làng mình lễ đây! Cháu đưa cả thằng chắt Cún của bà đi lễ đấy, bà có dặn cháu gì không?

Từ xa đã thấy mái chùa làng tôi đỏ tươi màu ngói mới. Đám cây cổ thụ quanh chùa không còn nữa. Xung quanh chùa bờ tường cao mới xây vôi quét trắng toát. Nghe tiếng đay ken két của chiếc cổng sắt, cổng mới dựng, một ông già dáng đậm chạy ra. Tôi đứng lại, ông Hội. Ông Hội chưa nhận ra tôi, tiếng ông dềnh dảng:

- A di đà Phật! Cậu mợ là cánh con cháu nhà ông bà nào mà tôi chưa nhận ra nhỉ? À... à, cánh nhà cụ Nhất phải không? Giời ơi, có Phật đây chứng giám, tôi nghe nói cậu mợ trên Hà Nội làm ăn phát đạt lắm! Trời Phật phù hộ đấy. Hôm làng quyên giáo sửa chùa, hỏi thăm các cụ đằng nhà, dung Hà Nội rộng lớn vậy, biết đâu mà tìm. Có Phật đây...

Thoạt trông, có vẻ ông ta khác ông Hội năm nào, mềm mại trong bộ đồ ta màu hạt dẻ, ăn nói nhún nhùng, mỗi câu lại để thêm từ “có Phật”, nhưng nhìn kỹ tôi vẫn nhận ra cái ông Hội thuở nào. Ông đơn đả dẫn khách đi giới thiệu việc công đức sửa sang nhà chùa. Nào pho tượng Thiện, Ác là cánh con cháu nhà cụ Tuất ở Hà Nội cung tiến, ông nói, để làng ta nhiều điều thiện, ít cái ác. Còn pho tượng Thích Ca, chi phái nhà Mão, con cháu ở thành phố Hồ Chí Minh công đức. Nghe ông say sưa giới thiệu, tôi thoáng nghĩ, hay giờ ông ta ân hận những điều mình làm trước đây, ông ra chùa trông nom để chuộc lại...? Chờ tôi bày lễ thắp hương, ông Hội lùi xuống thỉnh chuông. Tôi lạnh người nhớ đến tiếng chuông của sư già thuở nào. Sao tiếng chuông ông Hội thỉnh nghe không giống tiếng chuông chùa ngày trước. Khi tôi lễ xong các ban, ông Hội mời vợ chồng tôi đến trường kỷ xơi nước. Tiếng cánh chè rơi loong coong trong chiếc ấm trà Trung Quốc làm tôi chạnh nhớ đến những chiếc bát sành cũ kỹ sư già mời bà tôi uống nước vối xưa. Ngay đối diện với bộ trường kỷ là bệ xây, ngày trước có đầu! Cùng với đồ thờ, trên bệ còn có chiếc hòm gỗ đỏ, đập vào mắt khách là hàng chữ CON ĐUC vàng chói. Vừa mời vợ chồng tôi xơi nước, ông Hội vừa giới thiệu việc cung tiến của dân làng, đặc biệt là người xa quê. Ông nói, chùa làng còn nhiều công trình cần công đức lắm, như cất tháp mộ sư già, xây sửa lại nhà tổ, sắm đồ thờ thiếu... Xen mỗi câu là tiếng cười của ông Hội.

- Cậu mợ... vâng, đây là điều để phúc cho con cháu. Phật - Ngài không quên đâu... He he he...

Tôi như đã nghe tiếng cười đó ở đâu? Còn chồng tôi, thấy ông Hội gợi ý, anh nhanh nhẩu rút ví. Rất nhanh cái đĩa đã sẵn trên tay ông Hội từ lúc nào, đón lấy những tờ xanh xanh đỏ đỏ.

- He he he... Phật, Ngài nghìn mắt nghìn tay, Ngài sẽ phù hộ độ trì cho cậu mợ và các cháu... He he he...

À, tôi nhớ ra tiếng cười ấy rồi. Khi đôi tay ngai đầu rỗng gầy cạc, sư già rúm ró sợ, là lúc tiếng cười he he he của ông Hội cất lên trên sân chùa thuở nào./.

Con nhà sấm

Giáp căn hộ nhà tôi là nhà ấy - vợ làm báo, chồng PTS, nay gọi tiến sỹ. Ngay buổi đầu họ mới dọn tới, nhìn anh chồng tôi đã ngờ ngợ. Lục mãi trí nhớ, vẫn không ra. Anh chàng trán dô, tai chuột. Dù cố ra cái vẻ khinh khỉnh, khuôn mặt vẫn không dấu được cái nét tội tội, hạ mình. Anh chồng kém tôi độ dăm, ba tuổi, cô vợ còn ít hơn. Là vợ chồng họ muộn tuổi, mà vẫn chân son, chẳng thấy móng con nào. Nhà họ chuyển đến tuần trước, tuần sau gia đình tôi bị cái vạ, nghe nhà ấy cãi, chửi nhau. Và từ đây... cứ đều đặn, tháng dăm ba bận, nhà tôi phải cái vạ, nghe họ chửi nhau. Không phải tò mò

chuyện gia đình nhà người, nhưng khốn nỗi, căn hộ áp tường, hai nhà lại chung hành lang, có đóng chặt cửa, bên này động nhẹ, bên kia vẫn nghe rõ mồn một.

Họ cãi nhau vì hai lý do: cô vợ ghen, còn anh chồng luôn nghi vợ chi tiêu hoang tàng và lợi dụng chấm dứt khoản đóng góp chung. Nhà ấy, vợ chồng đều kiếm được, kiếm ngang nhau. Cứ mỗi lần cãi cọ, họ phô ra, thì hàng xóm biết: Anh chồng kiếm bằng khoản cấu véo từ kinh phí đề tài nghiên cứu, từ quà cáp phong bì từ nghiên cứu sinh, cao học sinh cho đến sinh viên - kính biểu thầy hướng dẫn. Còn cô vợ, kiếm bằng khoản cơ sở bo cho những bài báo - bo thẳng bằng tiền, hay bo qua quảng cáo. Cứ như giọng anh chồng gọi, thì tiền ấy cơ sở bo cho công thổi kèn, khóc mướn: “Báo chí gì. Rặt cái thứ ...” Anh ta cười sằng sặc khi vô tình nhìn thấy bài báo có bút danh của vợ: “Khởi sắc trong thế đi lên” “Một giám đốc năng động” “Nhà doanh nghiệp nặng lòng với công tác từ thiện”... Mỗi lần như vậy, anh chồng đọc oang oang lên. Nghe giọng ngân nga, lên bổng xuống trầm, mà toàn nhẩn vào những từ, những chữ không cần phải nhẩn, với cái chất giọng mỉa mai, biết ngay là anh ta chả thường thức các thông tin giật gân, hay sốt dẻo trong bài báo của vợ. Trong khi đọc, thỉnh thoảng anh ta lại tưng tưng: “Thiếu cái dấu chấm”, hay “Cụt cái vị ngữ”, hoặc là “Thừa cái...”. Và thường sau khi đọc, anh ta thản nhiên tuyên bố, tuyên bố thẳng vào mặt cô vợ nhà báo: - Nếu là Tổng biên tập, tôi ấy à, cảm. Phí tiền, tốn giấy, mất thời gian đọc dạng bài vô bổ này. Thổi kèn, khóc mướn...

Cô vợ chả kém, đáp lại:

- Thổi kèn, khóc mướn! Còn hay hơn chán vạn sấm nhị cò cưa (!)

- Câm ngay!

Không rõ tại sao, cô vợ mới nhảm nhảnh đối có thể thôi, anh chồng đã gầm lên.

Thường là sau đó, vợ chồng ấy chấm dứt cuộc tranh luận chuyên môn, chuyển sang tiết mục tính tiền.

Tự biết, đàn ông, mà đàn ông trí thức hẳn hoi, ai lại đi quản tiền, thiên hạ trông vào, nom chả tiện chút nào, nên những khoản chi tiêu lật vặt, như đi chợ mua đồ ăn, thức uống, sắm chiếc phát trần, thùng đựng rác,... anh chồng giao quyền cho cô vợ, anh ta chỉ tối tối kiểm tra, đối chứng, rồi ghi lại, để cuối tháng, vợ chồng chia nhau cho minh bạch. Vào tầm cơm tối xong, bên nhà tôi hôm nào cũng nghe vợ chồng họ bô bô công khai tài chính: khoản rau mua hết bao nhiêu, thịt cá chi tiêu như thế nào, nước mắm, mì chính,... nghĩa là chi tiết, cụ thể, công khai. Có hôm nghe cô vợ kê vừa mua gói mì chính, anh chồng tra ngay: “Làm gì hết nhanh thế. Mới thấy còn nửa gói...” “Thì xuống bếp mà nhòm. Còn nửa gói hay đầy cả gói đấy!”. Lắm hôm nghe sốt ruột, tôi không con tâm trí đâu tập trung xem nổi chương trình thời sự trên ti vi.

Một lần có khách của cô vợ nhà báo đến chơi, khách đến vì cô vợ vừa có công “ca ngợi” cơ sở, giúp họ một bàn thua trông thấy. Tất nhiên khách không đến chơi suông, mà có quà và phong bì kính biểu. Tiễn khách xuống cầu thang, khi quay lại, cô vợ lục ngay túi quà và quắc mắt hỏi chồng: “Sao cái phong bì trống không thế này?”. Anh chồng thản nhiên trả lời: “Tôi biết làm sao được phong bì của họ có những cái gì”.

- Chẳng lẽ họ mang phong bì không đi biểu - cô ta lặc cả giọng...

- Rút ruột. Chắc mấy thằng nhân viên rút ruột. Tôi còn lạ gì trò này.

- Người ta, ai lại làm cái trò khi ấy.

Nói rồi cô ta sấn lại, thọc ngay tay vào túi quần của chồng, lôi tuột ra đám giấy bạc mới cứng. Anh chồng trơ tráo cười “Đùa một tý ấy mà”. “Đùa” - cô vợ bĩu môi.

Không biết trong thời gian tìm hiểu yêu đương, cô nhà báo kia có rõ tình yêu của anh chàng PTS dành cho mình, nó có sâu nặng bằng sự quan tâm đến đám tài sản nhà

đăng vợ tương lai hay không, chứ bây giờ, ông bố vợ còn sống lù lù ra đấy, rề ta cứ hồn nhiên tuyên bố với hai cậu em vợ và thẳng vào mặt ông nhạc:

- Ngôi nhà và đất, nếu bây giờ chia, dứt khoát phải phân bốn. Như giá thị trường nhà đất Hà Nội hiện nay, 200 cây, vị chi mỗi người 50 cây. Sau này cậu mất (tức ông nhạc), phần của cậu lại chia ba. Gái cũng như giai, không được hơn kém, dù là một cây. Thế mới công bằng chứ! Bây giờ, thời buổi bình đẳng, con nào chẳng là con.

Mấy sáng liền tôi mang tài liệu về làm việc ở nhà, vô tình thấy, sáng nào một cô sinh viên váy áo cũn cỡn thập thò đến nhờ thầy hướng dẫn luận văn. Hôm đó trò đến được một lúc. Mới đầu tôi còn nghe tiếng ông thầy giảng giải, phân tích, nào là mỹ học, nào là chân thiện mỹ, cặp phạm trù phạm chiếc gì đó. Rồi bên đó yên lặng. Thoảng hoặc nghe tiếng kinh... kịch. Chợt cái cửa rầm rầm mở - đấy là cách thức mở cửa hành lang của cô vợ, kèm theo tiếng nện giày cao gót công cốc. Sao hôm đó cô nhà báo lại về lưng chừng buổi.

Được một tý thì nghe tiếng cô học trò áp úng: “ Xin phép thầy, Xin phép cô” và tiếng cô vợ mát mẻ đáp lại “Không dám”.

Buổi tối hôm đó họ kê khai chi tiêu sớm hơn mọi ngày. Sau tiết mục tính toán các khoản, được một lúc, bên ấy âm ỹ. Thôi rồi, tôi lại mất buổi xem chương trình thời sự. Không như mọi bữa, thường anh chồng khai mào, lần này cô vợ khởi sự trước. Lý do vì chuyện cô sinh viên buổi sáng. Tiếng cô nhà báo the thé:

- Thứ gì đây. Uí giờ ơi! Hướng dẫn thế này đây ! Còn chối được không ! Gái này sáng nay lơ đi không thèm nói. Cái của bản tưởi này, chắc thầy hướng dẫn trò phòng chống ết! Thằng dê cụ !

Cô ta vườn gọi chồng bằng cụm từ thằng dê cụ.

- Câm!

Sau tiếng quát của anh chồng tiến sỹ là tiếng bốp rồ to, nối tiếp là những lời tru tréo của cô vợ. Chát, bốp... Chắc bữa nay có đập phá to. Bình thường thì anh chồng rất hà tiện, nhưng khi cãi cọ nhau, anh ta lại đâm ra hào phóng, có bữa anh ta đập cả cái gương treo tường to tướng và vị tiến sỹ này hay dùng tay chân, chứ không đem vốn học vấn ra giáo dục vợ. Bốp, bốp... nghe còn to hơn loạt bốp chát trước. Chắc anh chồng phải thẳng tay giáng vào mặt vợ. Tiếng cô vợ rống lên, to cũng không kém. Cũng chả đau đến thế đâu, nhưng đàn bà uất ghen, hét to phải biết. Còn từ ngữ, thì vẫn như mọi bận, thôi rồi... nhớ nhớp quá!

- Mà y tưởng thứ mày danh giá lắm à? Thằng bần tiện kia ! Tông giống gì ! Cái thứ con nhà sấm trôi sông, chết đò. May mà quạ chưa tha, cá chưa rĩa, còn xác chôn ở cái bến đò.... Tranh.

Ồ kìa, cô vợ nói gì thế nhỉ ? Tôi có nghe nhầm chẳng ? Lâu nay nom cái mặt anh chồng, thấy quen quen. Hoá ra anh chàng là một trong những đứa con nhà sấm ngày ấy.

Bến đò ấy ở quê tôi. Đò đưa khách từ Ninh Giang sang Vĩnh Bảo, một vùng đất trồng thuốc Lào nổi tiếng của tỉnh Hải Phòng. Khách đò không đông, đa phần là người đi chợ và ít khách qua đường. Thường thì nửa tiếng, hay cả tiếng, mới có một chuyến sang ngang. Thế mà bến đò vẫn có một gia đình nhà sấm kiếm ăn.

Không rõ quê quán họ ở đâu. Cặp vợ chồng này thật khéo chọn: Ông chồng mù hần, mù không nhìn thấy gì. Chẳng cần phải như bao tay sấm khác, đeo kính đen sì che mắt giả mù, mà ông ta cứ dương dương trông mắt trắng, kéo dây hai hổ mắt, kéo nhị và hát.

Còn cô vợ thì mù dờ, như các cụ gọi - thông manh. Họ không ngụ suốt năm ở cái bến đò này, mà mỗi năm chỉ thấy độ lại dăm ba tháng, rồi bồng bế nhau dời đi bến khác. Nửa, hoặc cả năm sau, mới thấy gia đình sầm quay lại. Khi trở lại, nhà sầm chẳng có gì khác, vẫn hát những bài cũ rích, vẫn cái nhị cò cưa kéo cưa, khi hát, ông chồng ngượng ngượng cặp mắt trắng nhờn, gân cái cổ gầy nhắng lầy hơi,... hát. Có khác chăng là vợ chồng sầm gầy yếu, tiều tụy hơn và thường đàn con tăng thêm một đứa, hay cái bụng cô vợ lùm lùm ra.

Năm ấy họ đến. Lần này những bốn đứa, đứa này nhỉnh hơn đứa kia chỏm tóc. Lại cái, con cái nhà sầm mà đứa nào, đứa nấy, béo nung núc. Thành nếp, nhà sầm đến, họ ngụ luôn mái hiên cái nhà đợi của bến đò. Nó thành nơi che mưa, che nắng, thành nhà của gia đình sầm.

Ban ngày thì chồng xuống đò hát. Thằng con lớn độ năm, sáu tuổi, xách cái nón tro vành, theo bố xuống thuyền. Đợi khi bố hát xong vài bài, đò sang được hai phần ba sông, thằng bé ngửa nón, riều một lượt trước mặt khách. Người vợ trên bờ khá bận rộn, không chỉ đánh vật với mấy đứa nhỏ, mà còn khối việc: kiếm củi, hái đám rau hoang và lúi húi đồ bếp cả ngày.

Buổi tối cũng như bao gia đình khác, sau bữa cơm, nhà sầm quây quần dưới mái hiên cái nhà đợi. Họ cũng nói chuyện, cũng cười đùa. Ông chồng mù rất quan tâm đến thời tiết, cứ luôn mồm hỏi vợ, giăng sao, trời đất ra sao...

Bọn trẻ con xóm tôi thường hay tụ tập ở bến đò. Cái nhà đợi là điểm chơi ồn ào nhất. Chúng sà quanh gia đình sầm. Có đứa còn trà trộn, lấp vào cái gia đình đông đúc ấy trong trò chơi trốn tìm. Hôm đó trăng rất sáng, lại đúng tối thứ bảy, bọn trẻ được nghỉ học, ra bến đò chơi rất đông. Nhà sầm không ngủ sớm như mọi tối. Ông chồng chắc có điều gì phờn chí, hát cả ngày mỗi mồm, mà vẫn đem nhị ra cò cưa. Cũng như mọi hôm, chốc chốc ông ta lại hỏi vợ, chuyện giăng sao, trời đất ra sao.

Không ai để ý, có một người đàn ông lạ lân la gần gia đình sầm từ lúc nào. Anh ta không phải người trong xóm, cũng không phải khách qua đường, nhờ đò ngủ lại. Nhìn vóc dáng và cách ăn mặc, có thể là dân thuyền bè, hay đội cát dưới bến. Loanh quanh, cuối cùng anh ta đã ngồi vào cái chiếu của nhà sầm.

Lũ trẻ con ồn ã chơi xung quanh. Người đàn ông bắt chuyện được với cô vợ sầm. Ông chồng mù hình như cũng biết. Không rõ câu chuyện của người đàn ông kia và cô vợ sầm thông manh nói với nhau những gì, cứ rầm ra rầm rứ. Lâu lâu thấy người này hỏi, người kia rầm rứ trả lời. Chồng sầm thỉnh thoảng còn góp chuyện: “Hử? Cái gì? Hả...”. Rồi cô vợ phản ứng, nhăm nhắng như là gắt gỏng với người lạ. Ông chồng mù ngượng cái mặt về phía vợ, hỏi: “Hử, cái gì? Hả...” Bất ngờ, đáp lại câu hỏi của chồng sầm là giọng một đứa trẻ con trong xóm:

- Đồng một mục. Người ta bảo đồng một mục.
- Hử? Cái gì? Hả...
- Người ta hỏi, đồng một mục, vợ ông có đồng ý không?

Sau tiếng đáp của đứa trẻ kia là đồng thanh tiếng cười cợt, rú rít của lũ trẻ: “Đồng một mục, ưng ý không?”. Chợt hiểu ra, chồng sầm hét lên. Người mù, lại làm nghề sầm, lúc tức giận hét to lắm. To đến mức xung quanh đang ồn ào, vẫn mồm một nghe rõ tiếng sầm chồng. Sau tiếng hét, sầm chồng quơ cái gậy, hướng về phía vợ và người đàn ông lạ mà khua, mà đập. Cô vợ bất ngờ bị ăn quật, rống lên. Tiếp đó là đàn con sầm vô

phúc bị đòn lây, đồng thanh kêu khóc rầm rĩ. Người đàn ông lạ lẫm nhanh từ lúc nào rồi, không ai rõ.

Mãi tới khuya, dân xóm bên đò còn nghe tiếng người đàn ông mủn chửi vợ - cái giọng đĩ thoã. Còn người vợ oan ức, lượn quanh, đề phòng cây gậy của chồng và rấm rức khóc.

Sáng sớm hôm sau, ngồi đợi chuyến đò sớm, mấy bà chạy chợ, thấy nhà sầm quày quần bên bếp lửa, ăn cơm. Nhìn cô vợ gấp gấp rau cho chồng, ông chồng mủn huơ huơ cái bát ra đón, khách đi chợ ai đó chõ vào: “Vợ chồng sầm có khác, tình cảm quá!”. Chẳng thấy nhà sầm đáp lại, chỉ nghe cô vợ rình rích cười, hoà cùng tiếng cười khờ khờ của ông chồng sầm. Không ai hay biết, tối qua vợ chồng sầm có trận đánh chửi nhau to. Chẳng rõ họ làm lành với nhau từ lúc nào.

Khác với mọi khi, buổi sáng đó, chuyến đò sớm, vợ nhà sầm thay thằng con lớn, xách cái nón cùng chồng xuống đò. Vợ chồng nhà ấy đâu có biết, đó là chuyến đò cuối cùng cầu xin sự bố thí của người đời. Đò gần cập bến, bất ngờ có cơn giông lớn ập tới. Gió xoáy lật chim đò. May trong mưa giông có sấm, sét, xác nhà sầm nổi lên rất sớm, nổi lên ngay ở khúc sông sát bến đò. Cho đến lúc được kéo lên bờ, hai cái xác vẫn ghì chặt nhau. Người ta phải rưới và bóp mấy chai rượu, rồi kéo mãi, hai kẻ xấu số mới rời được nhau. Bố mẹ chết, đám con nhà sầm bơ vợ. Dân xóm bên đò không rõ số phận chúng ra sao.

Bữa đó, cho đến tận lúc vợ chồng nhà hàng xóm đánh chửi nhau, tôi mới biết, một trong những đứa con nhà sầm ngày ấy, nay là anh chồng tiến sỹ.

Giờ thì vợ chồng nhà hàng xóm ấy, mỗi người một ngả rồi. Tất nhiên, trước khi ly dị, căn hộ được bán để chia đôi, đồ đạc cũng vậy, phân đôi rất công bằng. Chẳng như bố mẹ họ, chết rồi mà còn dùng rượu rưới bóp, mời ròi được nhau./.

Vụ thảm sát tôn thất nhà Lý nay ở đâu?

Vụ “tàn sát” tôn tộc nhà Lý sử ghi xảy ra ở Thái Đường, Hoa Lâm. Trong bộ Đại Việt sử Ký toàn thư, bộ sử đồ sộ nhất còn lại của nước ta, bản khắc in cũ nhất năm Chính Hoà(1697) ghi: “ Mùa đông năm ấy(1232), nhân người họ Lý tế lễ các vua nhà Lý ở Thái đường, Hoa Lâm,Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết”. Các sách hiện nay khi ghi chép địa danh Thái đường, Hoa Lâm đều chú thích nơi đó thuộc huyện Đông Ngàn cũ và ghi chú nay thuộc đất *Tiên Sơn, Bắc Ninh*.

Vậy vùng đất Thái Đường nay là đâu? Vùng đất ấy chính là đất xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Nếu ai có dịp từ Hà Nội, qua cầu Đuống, sang Đông Anh, quãng 500 mét, đến dốc Vân, phía bên tay trái chính là vùng đất Hoa Lâm Viên xưa.

Thái Đường, Hoa Lâm thuộc huyện Đông Ngàn, một huyện nổi tiếng đất Kinh Bắc và cả nước bởi số người đỗ đạt cao nhất thời xưa trong các phủ huyện cũ dưới thời kỳ phong kiến Việt Nam. Năm 1905 một phần huyện Đông Ngàn nhập vào tỉnh Phúc Yên, phần còn lại (có Thái đường Hoa Lâm) nhập vào phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 31/3/1961 vùng đất Thái Đường về huyện Đông Anh, Hà Nội.

Xưa các vua Lý lập vườn hoa lớn ở Thái Đường, với tên Lâm Hoa Viên. Từ Thăng Long theo đường thủy độ non chục cây số, các vua Lý về chơi vườn thượng uyển Hoa Lâm. Tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh ngày nay còn rất nhiều di tích, truyền thuyết gắn với vườn hoa xưa và các vua triều Lý. Các tên như Danh Lâm, Du Lâm là gắn với Hoa Lâm xưa. Dân **xã Thái Bình** ngày nay (tức trên đất Thái Đường cũ) đều biết về truyền thuyết thâm án tôn tộc nhà Lý.

Tám thôn thuộc xã Mai Lâm nay đều có đền chùa đình miếu thờ cúng, tế lễ liên quan đến sự kiện xưa. Đình làng Thái Bình, một di tích liên quan trực tiếp đến sự kiện vụ “thâm án”, thờ ba vị thành hoàng là Lý Chiêu Hoàng, Trần Cảnh và Trần Thủ Độ. Đình trước ở ven sông Đuống, sau bờ lở, sông chạy sát vào đình, năm 1990 dân làng chuyển đình vào trong đê. Đặc biệt là khu rừng Mai Lâm, dấu tích Hoa Lâm Viên xưa, những người tuổi ngoài 70 mươi ở đây còn biết cánh rừng cũ. Họ kể lại, vào quãng sau năm 1950, khi sang ga Yên Viên phải qua khu rừng Mai Lâm rậm rạp. Trong rừng, sung là loại cây nhiều nhất. Năm 1957, vì lấy đất hàn khẩu đê vỡ, vụ vỡ đê nổi tiếng hồi đó, rừng Mai Lâm bị chặt phá. Khu rừng xưa thành bãi đất, trồng ngô khoai như hiện nay.

Vậy tại sao nhà Lý lập vườn thượng uyển ở Mai Lâm? Đất Cổ Pháp, Đình Bảng là quê nội nhà Lý, còn quê ngoại nhà Lý ở đâu? Trong cuốn lịch sử xã Mai Lâm, xuất bản năm 1990, thì thôn Thái Bình có ngôi mộ bà Phạm Thị Ngà, mẹ vua Lý Thái Tổ. Theo cụ từ trông đền làng Thái Bình, gần đây khi sửa chữa chùa Thiên Tâm ở núi Tiêu Sơn, xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh, thấy bút tích cũ ở chùa ghi, mẹ của Lý Công Uẩn tên là Phạm Thị Ngà, quê ở Thái Đường. Theo sử cũ, Lý Công Uẩn sinh ở chùa Thiên Tâm khi bà mẹ đến lễ và vấn chùa. Sau khi phát hiện ra điều này, hàng năm dân Đình Bảng sang lễ bên ngoại - thôn Thái Bình, xã Mai Lâm. Vậy phải chăng quê ngoại ở đây nên nhà Lý lập Lâm Hoa Viên?

Sau khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, vai trò của nhà Lý chấm dứt vào năm 1225. Ngày 10 tháng 8 năm Bính Tuất (1226) Thái sư Trần Thủ Độ ép lý Huệ Tôn phải tự vẫn ở chùa Chân Giáo (nay thuộc địa phận quận Ba Đình, Hà Nội). Trong bộ sử Đại Việt sử kí toàn thư có ghi về vụ “thâm sát” tôn tộc nhà Lý ở Thái Đường vào cuối năm 1232, nhưng cũng chính trong bộ sử này còn tồn nghi sự kiện đó và chua rằng: “việc này chưa chắc đã có thực”, lại dẫn thêm, vào đời vua Trần Anh Tông (1293-1314) còn có người họ Lý làm tướng. Cứ theo bộ sử trên ghi vụ “thâm án” thì lúc đó tôn tộc nhà Lý đến tế lễ các đời vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm. Tại sao không tiến hành tế lễ các vua Lý tại Đình Bảng là quê nội nhà Lý, một điều thông thường của phong tục người Việt Nam, mà lại tiến hành tại quê ngoại?

Vào năm xảy ra vụ án (1232), lúc đó nhà Trần đã cầm quyền được 6 năm, tình hình chính trị đã tương đối ổn định, bởi trước đó, vào năm 1228, Chiêm Thành phải sang triều cống Đại Việt; năm 1229 hai lực lượng chống đối tương đối quyết liệt là lực lượng của Nguyễn Nôn cát cứ ở vùng Bắc Giang, lực lượng chống đối của Đoàn Thượng cát cứ vùng Hồng Châu (Hải Dương và Hưng Yên) đều đã bị tiêu diệt; đặc biệt cùng năm đó (1229) nhà Tống chính thức công nhận và phong vương cho vua Trần là An Nam Quốc vương. Với tình hình như vậy, một con người khôn ngoan, mưu lược như Thái Sư Trần Thủ Độ, ông đủ sáng suốt thấy không cần thiết phải tàn sát tôn tộc nhà Lý, để lại tiếng xấu muôn đời cho mình.

Hoa Lâm Viên- một di tích gắn với nhiều sự kiện, cũng mới bị xoá mất trong thời gian gần đây. Xung quanh khu vực này hiện còn nhiều di tích, công trình lịch sử - văn hoá gắn với nhà Lý và các sự kiện của một vương triều mở ra thời kỳ Đại Việt hưng thịnh. Nhân sắp tới kỷ niệm 1.000 năm lập đô Thăng Long, Hoa Lâm Viên theo đường chim bay chỉ cách nội thành Hà Nội dăm, mười Km, rất nên chăng vườn thượng uyển

Hoa Lâm xưa cần được phục hồi. Đây sẽ thành điểm du lịch lịch sử, văn hoá, môi trường thú vị và kề cận ngay kinh đô Cổ Loa, thu đô Hà Nội. Khu đất ấy nay chỉ dùng trồng ngô khoai, mỗi năm thu một vài chục tấn lương thực là không thích hợp. Thời gian trôi đi, nhưng xung quanh vụ “tàn sát” tôn tộc nhà Lý còn nhiều tồn nghi. Rất mong các nhà sử học, các chuyên gia có những công trình nghiên cứu tìm ra sự thật cách đây ngót nghét 800 năm rồi./.

Chị tôi

Tôi thờ phào nhẹ nhõm vì ở quê mọi chuyện bình thường, chị Gái lên chỉ cốt đón chúng tôi về quê ăn Tết.

Đúng là tôi sơ ý quá, không báo trước làm chị vất vả, Tết này chúng tôi đã có kế hoạch về quê. Tôi thấy ân hận, lâu nay mãi mê công việc, bận bịu chuyện gia đình, đâm lơ là, ít về thăm nom chị. Lần này chị lên, linh tính mách bảo, chắc chị còn việc gì nữa, mà chưa tiện nói ra.

Việc gì thế nhỉ? Hay câu đùa của tôi lúc chị em mới gặp nhau là thật, chị sắp xây dựng gia đình. Đang miên man, chợt tiếng chị cắt dòng suy nghĩ của tôi: "Lâu nay... em có nhận được thư của thầy và di không?". Tôi giả vờ như không nghe rõ, lại thấy chị hỏi tiếp:

- Em có biên thư cho thầy và di không? Vẫn còn giận thầy sao? Thầy năm nay tuổi đã cao, ngoài sáu mươi rồi. Đến bao giờ chị em mình mới gặp lại được thầy?... Nhiều lúc nghĩ, chị thấy thương thương thầy quá!"

Chị vẫn nghĩ tôi còn giận ông, chị đang thuyết phục em gái. Không, tôi có còn giận nữa đâu. Có đêm mơ, tôi gọi thành tiếng: Thầy ơi! Khi tỉnh giấc thấy nước mắt chảy dài trên gò má. Song tôi cố lấy giọng gay gắt:

- Thì có ai bắt thầy phải vậy đâu. Chính thầy đã gây ra như thế. Em không thể quên được cảnh chị em mình ôm nhau khóc và u ngồi lặng. Ông ấy - thầy... thầy đã bỏ chị em mình, bỏ u. Vì thầy mà u, mà chị...

- Kia Tý... em - chị ngắt lời tôi - Nếu u còn sống, chắc u cũng không còn giận thầy nữa!

*

Ngày ấy tôi đã giận thầy tôi lắm. Mãi sau này khi đã làm cha làm mẹ tôi mới hiểu. Mỗi khi chợt nghĩ đến ông, trong tôi cảm giác tui tui và hờn dỗi của đứa con sớm mồ côi mẹ và bần bật xa cha từ khi mới lên bảy, lên tám tuổi.

Với tôi, tuổi thơ trôi qua thật nặng nề. Dù lúc đó còn nhỏ, tôi vẫn cảm nhận thấy không khí gia đình mình. Thầy tôi lạnh lùng với vợ. Tuy chưa một lần nghe ông quát tháo, nhưng cũng không bao giờ nghe thấy một lời ngọt ngào của ông với u tôi. Tôi biết, bà rất sợ và yêu chồng.

U tôi, một người đàn bà nhu mì, lại không được khoẻ. Sau này tôi mới biết, nguyên nhân đau ốm của bà. Lần sinh nở tôi, ca sinh khó khăn, phải mổ, u tôi không còn khả năng sinh đẻ nữa. Và rồi tuổi thơ ấy, dù là nặng nề cũng có được kéo dài đâu, nó quá ngắn ngủi, kết thúc thật bất ngờ.

*

Tết năm ấy nhà tôi đựng nửa đùi lợn, có gói giò, nấu nồi thịt đông.

Sáng hai chín Tết, thầy tôi đi đâu đó, tôi hỏi, không thấy u tôi nói ông đi đâu, chỉ nghe tiếng bà thờ dài, nom bà đến tội nghiệp.

Biết mẹ buồn, tôi không dám hỏi nữa. Lúc mẹ cùng chị Gái lúi húi gói bánh chưng ngoài sân, tôi quanh quẩn nghịch rá gạo và nồi đậu xanh. Tôi làm gạo đổ vương vãi và lợn

xộn đám lá dong. Chị Gái hết dỗi dành sẽ gói cặp bánh đẹp, luộc rền cho tôi, rồi đến hứa mừng tuổi cho em Tý đồng năm xu mới bỏ ống, để tôi ra ngô chơi, tôi vẫn không chịu. Đến khi tôi làm đổ rổ lá, bực quá chị phát cho một cái.

Đúng lúc ồn ã đó, thì cánh cổng xích mở, thầy tôi xuất hiện. Cùng về với ông có người đàn bà lạ, tôi chưa lần nào nhìn thấy bà ta. Thấy tôi đang ăn vạ lăn lộn trên sân, gạo đổ thì vung vãi, thầy tôi quát mắng:

- Khốn nạn. Tưởng sung sướng lắm mà mày còn hành...

Sau mỗi tiếng quát là những cái phết của ông. Đau thì ít, tủi thân thì nhiều, tôi nấc lên, khóc không thành tiếng. U tôi thương con van vỉ xin chồng và người đàn bà kia cũng vậy. Bất chợt tiếng chị tôi thất thanh:

- U, u ơi, u làm sao thế!

Còn đang tức tưởi tôi vẫn kịp nhận ra tiếng kêu lạc giọng của chị, tôi ngoái đầu nhìn về phía u và chị Gái. Kìa, sao mặt u tôi xanh xám, người mềm oặt, ngồi dựa nghiêng vào chị Gái. Thấy ồn ào, hàng xóm đổ sang, mọi người xúm vào lay gọi u tôi, một bà hàng xóm cầm bát chạy đi xin nước tiểu trẻ con, mấy bà tìm tóc rối. Chỉ loáng sau bà hàng xóm bê bát nước tiểu tới, người ta thả bụi tóc vào bát nước giải, rồi múc từng thìa, cố đổ vào miệng u tôi. Mãi mới thấy mặt u tôi he hé. Rất lạ, cảnh tình như vậy mà thầy tôi lại thờ ơ. Suốt cả thời gian hàng xóm cứu chữa u tôi, ông và người đàn bà kia không hề lộ ra sân. Tôi loáng thoáng nghe người lớn nói, u tôi ngất vì ghen. Tôi không hiểu ghen là cái gì và tại sao bà phải ghen.

Khi u tôi đã tỉnh, hàng xóm tản về hết rồi, tôi thấy thầy tôi bực dọc bước ra sân, người đàn bà lạ bến lên bước theo ông, họ lặng lẽ ra đi, cả hai không một lời nói với chúng tôi. Mấy ngày Tết không thấy ông về, còn u tôi nằm bệt giường. Gần rằm tháng giêng mới thấy thầy tôi về, theo sau vẫn là người đàn bà hôm trước. Nhưng lần này thầy tôi có vẻ buồn, ánh mắt ông nhìn chúng tôi là lạ. Ông nói qua chị Gái tôi, bảo có chuyện muốn nói với u con tôi. Trong lúc chị Gái còn lưỡng lự, chưa vào buồng gọi, thì u tôi húng hắng ho, vịn cửa bước ra. Thầy tôi ngập ngừng, đáng vẻ căng thẳng, mấy lần châm lửa mà ông hút không xong điếu thuốc.

- U cái Gái... tôi có chuyện muốn nói...

Tiếng ông trầm và nhỏ:

- Chắc u nó cũng biết... nào tôi muốn cảnh này đâu. Bận sinh con Tý, u nó phải mổ, không sinh nở được nữa. Nhà lại chỉ hai mụn con gái. Tôi đã buồn, biết u cái Gái còn buồn khổ hơn. Mà thôi, không nhắc tới chuyện ấy nữa. Lâu nay, chưa nói ra, thì u nó đã biết... đây là cô ấy, người làng Hạ. Con Gái, con Tý chúng nó sẽ gọi bằng... dì. Cô ấy không ở đây đâu mà u con mày lo. Thầy và cô ấy sẽ đi xa, đi vùng kinh tế mới Sơn La. Thủ tục xong xuôi rồi. Hôm nay thầy về gặp mẹ con mày, chiều thầy và dì ra ga, ngược chuyến tàu tối. Thầy đã tính rồi, nhà cửa ruộng vườn thầy để lại hết mẹ con mày. Giờ cái Gái đã lớn, thầy đi rồi mày phải giúp u, bảo ban em Tý.

Chị tôi nức lên, còn u tôi lặng đi, không nói nên lời, mắt bà nhoà lệ, những giọt nước mắt thánh thót nhỏ xuống vạt áo.

Tuy mới bảy tám tuổi tôi vẫn cảm nhận được điều bất hạnh đang xảy ra với mẹ con tôi. Thầy tôi lục lục xếp xếp đám quần áo. Ông làm khá vội vã và cố giấu vẻ mất bình tĩnh của mình. Tôi kịp nhận thấy, khuôn mặt ông cũng nhòa trong nước mắt, mấy lần ông để tuột dây gói túi đồ. Người đàn bà - tức là dì - phải giúp ông thắt buộc lại. Bất ngờ tôi lao về phía thầy tôi, ôm ghì lấy ông. Thầy tôi hai tay giữ đôi vai bé bỏng của con gái đang rung lên:

- Tý ơi, con còn giận thầy phải không? Hôm trước thầy nóng, thầy đánh Tý, Tý đau không? Thầy có muốn thế này đâu. Bao giờ các con lớn, các con hiểu, các con sẽ tha thứ cho thầy...

Thầy tôi tay ôm, vai xách mấy gói quần áo, người đàn bà líu ríu khoác tay nải bước sau. Trước đó tôi nghe bà áp úng mấy câu gì đó, hình như là chào và xin u tôi tha thứ.

Tôi nghe tiếng chị Gái nấc thành nhip, tôi cố vùng ra mà không thoát nổi cánh tay ghì siết của chị. Ghì mãi, ghì mãi, tận khi thầy tôi đi đã khá xa, chị mới buông ra và cả hai cùng vọt ra sân. Chị em tôi đứng lặng nhìn theo bóng thầy tôi. Tôi còn nhớ, ông và người đàn bà bước vội vã, họ đi như là chạy trốn. Chúng tôi trân trân ngó theo, tận khi hai người khuất sau rặng cây xa xa trên cánh đồng...

Hình ảnh ấy khắc sâu trong đầu óc non dại và qua suốt những năm tháng cuộc đời của tôi.

Sau dịp ấy, sức khoẻ u tôi suy giảm rất nhanh, vài tháng sau thì bà mất.

Chị tôi phải nghỉ học. Mười ba tuổi chị thành lao động chính, nuôi mình và nuôi em ăn học. Nhờ có người chị tần tảo mà tôi tiếp tục được đến trường, tôi là người đầu tiên ở làng bước chân vào đại học.

Mấy năm học xa nhà, những dịp nghỉ hè, nghỉ Tết, tôi biết có người đang theo đuổi chị, không hiểu sao, chị không nhận lời. Tôi hỏi thì chị chỉ ập ù, trả lời cho qua chuyện hay chị lảng sang chuyện khác. Trong thâm tâm tôi biết, lý do - chị quyết chí nuôi em ăn học đến nơi đến chốn.

Bao năm đằng đẵng nuôi em ăn học, em ra trường và xây dựng gia đình, chị vẫn phòng không. Người con gái có cái nóm đồng tiền rất duyên và đôi mắt đen thăm thăm năm nào, nay đã quá tuổi xuân.

*

Lại nói về thầy tôi. Sau ngày ông bỏ đi xây dựng kinh tế mới Sơn La, chúng tôi thỉnh thoảng nhận được thư ông. Cuộc sống của ông bà khá khó khăn, lại sinh nở nhiều, chúng tôi có thêm bốn em gái và hai em trai nữa. Rồi thư ông cũng thưa dần, năm hay vài ba năm một lá. Có thể do thư về mà không có thư đi, chúng tôi giận ông, nhận được mà không một lần đáp lại.

Trên chuyến xe về quê ăn Tết, bất chợt tôi nghe chị Gái nói, mới nhận được thư trên ấy. Cậu em trai lớn của chúng tôi vừa sinh cháu thứ hai, còn cậu út mới lập gia đình...

Tôi buột miệng:

- Thôi thế thì thầy và dì giờ cũng đỡ vất vả. Chắc cuộc sống đã ổn định. Tuổi già của thầy sẽ đỡ khổ.

Nghe tôi nói vậy chị có vẻ rất vui, tiếng chị nho nhỏ:

- Thế là em không còn giận thầy và dì nữa. Chị lên chuyện này bảo các em về quê ăn Tết cũng là chuyện ấy...

Từ lúc nghe chị nói vậy tôi thấy sốt ruột quá, rất muốn rõ chuyện gì.

Về đến nhà, cổng ngõ không khép, giữa sân có đôi trai gái vừa gói bánh vừa chí chèo đùa nhau. Hai đứa con gái tôi, ỉn chị, ỉn em lanh tranh chạy trước, thấy cánh đó chúng dừng cả lại. Quá bất ngờ tôi thấy thầy tôi đang đứng trên hiên nhà. Hơn ba mươi năm rồi tôi vẫn không quên khuôn mặt ông. Tôi đứng như trời trồng, không rõ có thốt nên câu gì không, kể cả câu chào cha. Tận khi chị Gái thảng thốt giục, tôi mới nhớ:

- Thầy!

Lâu lắm rồi tôi mới được gọi lại câu gọi ấy. Với tôi, tuổi thơ quá thiếu thốn tình cảm, tình cảm của cha, của mẹ, chợt nay nó mới đến, đến trong muện mẫn. Lâu lắm rồi tôi mới thấy chị Gái vui như vậy. Chị như trẻ đi đến chục tuổi. Nhìn chị Gái cười tôi lại thấy cái nóm đồng tiền rất duyên và đôi mắt thăm thăm như xưa./

Cuốn sổ tay

Đã mấy tuần nay tôi cảm thấy con gái có điều gì khác. Linh cảm của người mẹ, tôi nhận thấy điều đó.

Con lúc vui, lúc buồn, có lúc nhí nhảnh đến đáng yêu, lúc trầm tư, nói không nghe, hỏi không đáp.

Con gái tôi đã yêu rồi chẳng? Tôi giật mình lo lắng cho con. Vâng, ngày ấy, cái thuở như tuổi con gái tôi bây giờ, mười sáu, tôi đã từng yêu. Yêu cuồng nhiệt, yêu hết mình. Mọi lời phản đối của mẹ cha, đều bỏ ngoài tai. Để cuối cùng tôi đã chuốc lấy tất cả, buồn chán, vô vọng, hận thù. Tôi đã từng đốt biết bao lá thư, những chiếc mùi xoa, những bông hồng ép, nghĩa là tất cả những kỷ niệm yêu thuở ban đầu, duy còn giữ lại một cuốn sổ nhỏ do hấn tử mẫn kẻ viết. Mấy chục năm rồi không một lần nào tôi mở ra nữa. Dù đã cố, song tôi không thể nào quên được những câu thơ nồng nhiệt, những lời thề non hẹn biển, mà gã viết tặng. Giữ cuốn sổ lại để tôi còn hận thù con người bội tình ấy.

Mười sáu tuổi, đời người con gái biết bao mộng mơ, bao nhiêu hứa hẹn, thề mà chảm hết. Ngày ấy tôi tưởng như không thể sống nổi, chỉ muốn kết thúc cuộc đời bằng liều thuốc ngủ, một cú lao xe, hay một chiếc dây thừng. Nhưng bàn lĩnh quá yếu ớt, đến phút chót, tôi không dám làm.

Để quên đi mối tình sầu muộn ấy, tôi nhận ngay lời cầu hôn đầu tiên của người đàn ông, anh chính là cha của con gái tôi bây giờ. Anh hơn tôi khá nhiều tuổi. Phải nói rằng, anh đầy đủ các tiêu chuẩn của một người chồng, nhẹ nhàng, tế nhị và hết sức chiều chuộng vợ con. Song không hiểu sao, mấy năm chung sống, trong tôi vẫn không hề gợn nên một chút yêu anh. Kể cả đến khi, vì một tai nạn, anh đột ngột mất. Trong đám ma, những giọt nước mắt của tôi rơi là những giọt nước mắt xót thương cho chính cái số phận hẩm hiu, eo le của mình.

Ngoài hai mươi tuổi tôi thành goá phụ. Biết bao đám theo đuổi, nhng trước họ, tôi không hề mảy may rung động. Họ sao được bằng người chồng quá cố của tôi, người ta lại càng không bằng cái gã từng phụ bạc tôi. Và thế là tuổi xuân của tôi lặng lẽ trôi qua.

Đến cả năm nay rồi tôi không ngủ cùng con gái. Chính ra con gái tách ra khỏi tôi. Con một phòng, mẹ một phòng. Nó ngăn cách bằng căn phòng khách nhỏ. Mấy năm trước khi nó còn mười ba, mười bốn, con gái thường bá cổ mẹ, huyền thuyên kể đủ thứ, chuyện lớp, chuyện cô giáo, chuyện bạn bè và tối nào cũng quặp chặt lấy mẹ mà ngủ. Có một lần nó thì thầm hỏi tôi, chuyện ngày xưa của mẹ,.... người ấy thế nào? Vậy là nó đã phong thanh biết chuyện ngày xưa của tôi. Thấy tôi im lặng, con gái chẳng gặng hỏi nữa.

Qua bạn bè, thông tin về hấn đôi lần tôi nhận được. Hấn vẫn chưa xây dựng gia đình, vẫn sống tại thành phố mà mẹ con tôi đang sinh sống. Giờ hấn chuyển hẳn sang dạy nhạc và vẫn săn tìm nhưng cô bé mới lớn. Một con người truy lạc.

Từ khi con gái ngủ riêng, tôi thỉnh thoảng bước chân vào phòng con gái. Bước là bước vào gọi con dậy, mỗi khi nó lơ thức khuya, hôm sau ngủ trễ giờ lên lớp, hay thu dọn, nhặt nhanh chiếc quần, cái áo của con cho vừa mẻ máy giặt. Nhưng tôi hết sức tôn trọng, không hề một lần đọc hay lục lọi sách vở, sổ sách của con. Con đã lớn, nó có thế giới riêng tư của nó.

Sáng nay con dậy và đi học từ sớm. Mấy hôm nay nó thường như vậy, không ăn sáng, cứ vội vội vàng vàng, hỏi thì ậm ừ, rồi nháo nhào xuống gác lấy xe đi luôn. Tôi vào phòng con gái. Căn phòng bừa bộn, nào áo quần, sách vở, cái trên bàn, cái vứt giữa

giường. Tôi lác đầu, chỉ biết im lặng thu dọn. Trên mặt bàn, sách vẽ ngồn ngang. Tôi thoáng nhìn thấy cuốn sổ nhỏ, nửa gấp, nửa mở. Nhìn cuốn sổ tôi thấy quen quen. Tò mò cầm lên, vừa mở trang đầu, trời ơi, tôi không còn tin vào mắt mình và không giám mở thêm một trang nào nữa.

Từ lúc cầm cuốn sổ, tôi chỉ muốn con gái về ngay. Tôi sẽ tra hỏi, sẽ mắng nhiếc, rửa xả con bé. Không, không thể như thế được. Cảm nhận con gái đang yêu là đúng rồi, những sao số phận lại lỡ tai quái thế.....

Thế mà đến lúc con gái về, tôi lại lặng im. Tôi không biết bắt đầu câu chuyện với con gái từ đâu. Khác với mọi hôm, hôm nay con gái tôi có vẻ hớn hờ. Nó nhí nhảnh cười nói với mẹ, khoe một đứa bạn nào đó tặng cái cặp tóc bằng vỏ trai. Vứt cặp lên bàn, nó nhanh nhẩu xuống bếp, tí tởn hỏi mẹ, hôm nay nấu món gì và nhanh nhẩu xắn tay lên nhặt, rửa rau. Tôi thỉnh thoảng liếc trộm con bé bằng con mắt u uất. Chợt nhận ra thái độ của tôi, con bé im lặng, cầm củi rửa rau. Bữa cơm của chúng tôi nặng nề, con bé uể oải ăn được bát cơm, rồi buông đũa, quay vào phòng nó. Loáng cái, con bé xông xộc chạy ra, quát mắt lên với tôi:

- Mẹ! Sao mẹ lục phòng của con? Cuốn sổ tay, cuốn sổ tay của con đâu?

Lòng tôi quặn đau. Ngày xưa con còn bé, cũng chỉ vài ba năm trước, khi tuổi mười hai, mười ba, những lần tôi xem nhật ký của con, con chỉ hờn dỗi, những nhẹ qua loa với mẹ. Con gái hý hoáy viết nhật ký, hờ hờ kín kín giấu không cho mẹ xem, nhưng nhật ký quên vãi khắp chỗ, khắp nơi. Mẹ có xem và thỉnh thoảng trêu chọc, trích đọc mấy câu, con gái ngượng ngùng, phụng phịu. Thế mà hôm nay, con gái tôi có thái độ như vậy với mẹ sao. Nhưng tôi sống sờ không phải là thái độ của con, mà....

Tôi biết nói với nó thế nào đây. Chợt nhớ đến ngày trước, khi mẹ tôi đã khuyên hết lời, mà tôi có chịu nghe mẹ đâu. Cuối cùng bà chỉ lặng khóc, còn bố tôi thì hùng hổ quát tháo, ông dọa sẽ từ tôi. Tất cả mọi lời khuyên nhưng, tôi đều bỏ ngoài tai. Ngày đó tôi đã định bỏ nhà theo con người ấy.

Tôi lặng lẽ vào trong buồng mình, lục từ đáy hòm cuốn sổ mà lâu nay tưởng như quên lãng. Cuốn sổ ó vàng, bìa đã long ra, những tờ giấy lâu ngày xộc xệch. Ngắm nhìn cuốn sổ một lúc, rồi tôi chậm rãi gõ cửa phòng con gái. Con gái tôi đang ngồi yên lặng trước bàn. Bước tới gần con, con gái tôi vẫn không hề ngẩng lên. Tôi vừa đặt hai cuốn sổ xuống bàn, con gái định chớp lấy, nhưng thấy những hai cuốn sổ, nó lưỡng lự. Tôi lật trang đầu cuốn sổ. Vừa liếc nhìn, nét mặt con bé thoáng ngạc nhiên. Nó liền lật nhanh sang mấy trang sau, những bài thơ, những bản nhạc đều đã úa vàng...

Ngẩng lên nhìn mẹ, con gái tôi như muốn hỏi, mà không nói lên lời. Trên mặt bàn hai cuốn sổ giống hệt nhau. Ngay trang đầu, một khổ thơ yêu, nét chữ bay bướm, cả đến cái chữ ký cuối trang, cũng là lướt và giống nhau như đúc.

- Mẹ....sao....?

- Con ơi, chính là kẻ ấy đấy, kẻ ngày xưa...

Con gái tôi ngồi lặng trên bàn, mắt nhìn chăm chăm vào hai cuốn sổ, nước mắt lăn dài. Lòng quặn đau, nhưng tôi chỉ còn biết lặng lẽ bước ra khỏi phòng./.

Kỷ niệm thơ

Thấy tôi mở cái hộp, hai con gái rượu của tôi xán lại. Vốn chúng vẫn tò mò muốn xem

trong cái hộp ấy của mẹ chúng có gì. Mấy thứ linh tinh thôi, của tuổi thơ và riêng tư thời con gái, ai mà chẳng có: cuốn nhật ký, cái nhẫn dứa za, tập thư từ...

- Mẹ, cái gì thế này? Cho con nhé!

Tiếng con gái cất dòng suy nghĩ tôi.

- Đồng xu đấy con ạ! Đồng năm xu.

Đồng xu trên tay con, chợt nhắc tôi nhớ đến câu chuyện thời thơ ấu của mình.

Ông già ấy hom hem lắm. Bao giờ cũng thấy ông khoác bị, lóc cóc gậy và đội chiếc nón rách. Không hiểu dải dề mưa nắng hay lâu ngày huơ huơ ra xin làm chiếc nón tả tơi, nó chỉ còn cái chóp cũn cỡn như nón anh tốt rìn. Cứ định kỳ dăm bữa nửa tháng, ông lão lại đến xin ở xóm tôi, một xóm nghèo hẻo lánh.

Đường vào xóm gập ghềnh, quanh co trên cánh đồng. Nhà tôi ngay rìa làng. Hễ ai vào xóm, từ nhà tôi đều trông thấy. Giáp cánh đồng và kế xóm có bãi trống, chơ vơ cây si già.

Các cụ trong làng bảo, cây si trồng từ hồi xưa hồi xưa, buổi mới lập làng, để đến mấy trăm năm.

Còn thầy tôi bảo, hồi nhỏ ông đã thấy cây si xum xuê. Không hiểu sao tôi hay đem so cây si với ông lão ăn mày nọ, cây si và ông lão giống giống nhau, đều già nua và tội nghiệp.

Mỗi lần vào xin xóm tôi, hành trình của ông không thay đổi, lão cứ chầm chậm lần gậy, điếu khắp các nhà trong xóm. Có điều lạ, không bao giờ ông già ghé vào nhà ai, chỉ lóc cóc gậy, dừng lại gần cổng ngõ nhà ai đó, tận bên ngoài hàng rào, miệng lầm rầm và mắt thần thờ, chẳng ra chờ đợi, chẳng ra cầu xin. Tiếng lầm rầm nhỏ, lại đứng mãi xa, người trong nhà sao nghe rõ. Ấy thế mà khi ông già tới, dừng cổng nhà ai, nhà đó khắc biết.

Xóm tôi nuôi nhiều chó. Con người già nua khốn khổ kia, dù bao lần đến cái xóm quanh hiu của chúng tôi, lũ chó vẫn không nhận đây là người quen, chúng cứ xúm lại, sủa râm ran. Rồi con này truyền con kia, ngõ này truyền ngõ khác, lão ăn mày tới đâu là người xóm biết tới đấy. Có con chó sủa chưa hẳn, còn những nhặng đuổi theo. Một bận có con chó đẽ không sủa, lão ăn mày vừa lóc cóc khua gậy dừng trước hàng rào chủ nhà nó, con chó xô ra đớp ngay một nhát. Vết cắn sâu quá, có người thương tình, cho lão nắm thuốc lào tương, rịt vào máu còn chảy đẫm gấu quần, lướt thướt ướt xuống cả gót chân. Mấy tuần sau, lão già ăn mày quay lại xóm tôi xin, chân đi còn cà nhắc.

Xóm tôi nghèo, ông già đến xin ít người cho. Vậy mà dù nắng mưa, chả bao giờ lão thay đổi vệt hành trình.

Không như các nhà khác, lão ăn mày chỉ đứng ngoài xa, duy nhất với nhà tôi, bao giờ lão cũng vào tận sân. Rất chiếu lệ lão lầm rầm cầu xin, lời cầu xin hình như nhỏ hơn các nhà khác. Và thường là sau đó, lão chầm chậm tẹt xuống đầu hè, để cái gậy, cái nón xuống một bên, ngã bị trên vai. Lần nào tôi cũng tò mò ngó nghiêng bị của lão, xem trong ấy xin được những gì. Hôm thì mấy củ khoai lang, hôm ít lát sắn khô, hôm củ

hùng tinh, nhà ai mới bới, chưa kịp rửa, vỏ còn bám đất. Trong bị có cái ruột tượng đen rách, vá buộc chằng tùm. Cái ruột tượng ông già dùng đựng gạo người ta cho.

Nhà tôi không nuôi chó, nhưng mỗi khi lão tới, bu tôi vẫn biết. Nếu không do tiếng lục vắn đủ điều, hay tôi đòi xem trong bị có gì, thì tiếng gậy lóc cóc của lão đã đủ báo hiệu lão ăn mày đến. Từ trong nhà tiếng bu tôi vọng ra, trách mắng tôi sao lục vắn ông lão và cấm tôi không được thóc mách nhòm ngó bị của lão. Rồi bà chạy ra.

Một bận ông già đến vào đúng bữa cơm trưa nhà tôi. Chắc nghe tiếng bát đũa lách cách và cả mùi cơm độn khoai khô thơm lừng, lão ăn mày biết đang bữa cơm nhà người. Hình như lão đã định bước đi, rồi lại thấy gậy lóc cóc gõ xuống sân. Tiếng gậy ngập ngừng, nhỏ hơn mọi bận. Bu tôi biết ông lão đến. Bà sai tôi lấy thêm bát đũa, tự tay xới bát cơm đơm đầy, rưới tương và gấp mấy gấp rau lang, rồi bà dõm mâm. Tiếng mẹ tôi mời ông lão vào nhà, đến mấy lần bà giục, mới thấy ông lão thập thò ở cửa. Dù cả thày tôi mời nữa, nhưng ông cụ chỉ run rẩy đón bát cơm, lùi lùi ra, lặng lẽ ngồi ở bờ hè ăn. Lúc thày bu tôi mời, tôi nghĩ ghê ghê, chỉ sợ lão ăn mày ngồi xuống, người ông ta hôi bẩn lắm.

Ông lão tới nhà tôi, không bận nào là bu tôi không cho, lần thì dùm khoai lang khô, lần dùm gạo... Cứ mỗi lần, nếu cho khoai thì bà nói, hôm nay nhà cháu không có gì, chỉ có mấy củ khoai đái cụ; hôm dùm gạo thì bà nói, hôm nay nhà cháu không có gì, chỉ đái cụ giùm gạo. Tôi rất lạ, sao đã cho, mà lại cho một ông ăn mày, việc gì phải nói “đái”. Tôi thắc mắc hỏi bà:

- Bu ơi, sao phải nói vậy? ông ấy là ăn mày cơ mà!

- Ăn mày là ai? Ăn mày là ta! Đói cơm rách áo hoả ra ăn mày!

Đó là câu mẹ tôi, một người đàn bà chưa bao giờ được cấp sách đến trường, dạy bảo con. Sau này nghe từ “đái” ấy, tôi không còn thắc mắc với bu tôi nữa.

Ngoài ti?ng chó sủa và tiếng gậy gõ, tín hiệu lão ăn mày đến, cũn là tiếng nheo nheo của lũ trẻ lau nhau kéo theo.

Xóm tôi hẻo lánh, ít người lạ đến, mỗi khi lão ăn mày tới, lũ trẻ đều bu lại, chúng lảng nhặng bám theo và bày ra đủ trò. Chúng nhòm ngó xem trong bị có gì, ào sát vào người ông già, rồi lại tán loạn chạy xa và bịt mũi kêu oai oái: Eo ơi, chúng mày ơi, hôi hôi lắm! Có đứa nhặt đất, bẻ que rào, ném lên người lão. Sự trêu chọc của đám trẻ không làm lão ăn mày tức giận. Hình như lão không biết tới sự vây bủa, trêu chọc của đám trẻ, lão ăn mày chỉ làm lui bước. Tuy thỉnh thích, nhưng chưa lần nào tôi dám hòa theo trò chơi của đám trẻ. Tôi biết thày bu tôi rất ghét trò ấy. Có bận ông già vào sân nhà tôi, lũ trẻ bám theo. Ông lão vừa ngả cái nón để xuống hè, một đứa chộp lấy, chộp vào đầu đứa khác và cả lũ hô hố cười. Thày tôi tức quá, quát cho một trận, cái thằng chộp nón suýt bị ăn vút.

Một lần thày bu tôi ra đồng, tôi cùng đám trẻ trong xóm đang chơi ngoài bờ rào dưới trước nhà. Chúng tôi chơi trò đánh cóc. Bốn chân con cóc bị căng ra, mỗi đứa cầm một roi dâu vút. Con cóc bị những trận roi túi bụi, mới đầu còn phình bụng, đầu nghênh nghênh chịu trận, sau bụng xẹp dí, nằm đơ đơ.

Chơi mãi trò đánh cóc đã chán, chợt lũ trẻ thấy ông ăn mày tới, chúng hò reo vây quanh ông lão. Thế là lũ trẻ có trò mới, như mọi bận chúng thường bày ra với ông lão. Tôi nghe một đứa hét to: Con cóc cụ, cho lão ăn mày con cóc cụ chúng mày ơi! Đám trẻ nhao nhao hưởng ứng. Lúc đầu tôi chỉ nghĩ, đó là câu nói đùa hoặc dọa ông lão. Lão ăn mày đâu có biết đâu trò đánh cóc vừa diễn ra, lão vẫn bình thản như mọi khi, chậm chậm lần gậy bước. Kể đầu têu xách dây buộc con cóc, tôi vừa ghê sợ vừa tò mò ngó xem. Thằng ấy giơ tay làm dấu cho đám trẻ chúng tôi im lặng, nhằm đánh lạc hướng chú ý của ông lão ăn mày, còn nó rón rén bước về phía sau lưng lão. Rất nhanh, ào một cái, nó tuồn con cóc vào cái bị. Tưởng chúng chơi trò giăng lục bị như mọi hôm, ông ăn mày vội kẹp tay cho cái bị chặt hơn. Nhìn phản ứng của ông già, đám trẻ nhảy cẫng lên, hò reo. “Ông ăn mày cóc chúng mày ơi! Ê ê! làng nước ơi có ông ăn mày cóc. Trong bị của lão ấy đựng cóc ê ê...” Con người khốn khổ kia dù già nua, phản ứng chậm chạp, cũng nhận ra đám trẻ vừa dở trò tai quái với mình. Cảm giác về sự động chạm cái bị vừa nãy, chắc chúng lại nhét vào một thứ bần thiêu gì đó. Lão ăn mày ngồi tết xuống đất, chậm rãi gỡ cái bị trên vai xuống. Tôi rùng mình hình dung, trong bị một con cóc máu mê, nhớp nháp mũ trắng, nằm sòng soài trên mấy củ khoai hay những lát sắn khô... Đám trẻ tò mò nhìn lão ăn mày thò tay sờ rầm khua bị. Chúng chờ đợi. Thật ghờ sợ, tay ông ăn mày giơ ra và từ từ đưa vật lạ lên sát mặt. Khi nhận ra con vật bần thiêu và sòng dở chết dở, lão lẳng lặng vứt tọt con vật xuống ngay bên cạnh chỗ lão ngồi. Đờ đẫn lão ăn mày quay ra nhìn đám trẻ. Từ đôi mắt già nua, cùi trắng lèm nhèm, dòng nước mắt rịn rịn, cái miệng lão thì méo xệch. Không làm rầm như mọi khi, tiếng lão rên lên thống thiết:

Các con ơi, các con tôi đâu rồi. Sao để bố khổ thế này!

Đấy là lần đầu tiên tôi thấy một người già khóc, khóc thành tiếng, những tiếng khóc hàng hặc...

Nghe tiếng khóc của ông già, tôi sợ hãi chạy vụt về nhà, đám trẻ cũng sợ hãi, tán loạn chạy. Hôm đó không thấy ông già vào sân nhà tôi như mọi bận.

Tôi nhớ mãi dáng đi của lão, trên con đường giữa cánh đồng thất thểu rời xa khỏi xóm.

Tôi đứng lặng nhìn theo, nhìn khi lão ăn mày bước qua cây si già, nhìn tận khi bóng lão còn như cái chấm, rồi mất hút trên cánh đồng.

Thầy bu tôi không rõ bọn trẻ bày trò gì trên ông lão, song biết chuyện ông ăn mày thất thểu khóc.

Ông cụ ở làng bên, nhà ven sông. Xưa ông cũng có nhà, có ruộng, có vợ cùng hai người con. Ông vừa làm ruộng vừa thêm nghề sông nước, chổng bè thuê. Mới đầu còn chân chổng bè thuê, sau dần có lưng có vốn, ông mua một vài hộp nữa, tự mình xuôi dòng. Vừa làm chủ, vừa làm công, nhà khá lên. Những chuyến xa nhà sông nước của ông cũng lâu hơn, nửa tháng, một tháng. Cho đến một bận ông về cầm nhà, cầm ruộng. Nghe nói để có vốn xuôi bè lớn. Cũng từ đấy, cả vợ chồng con cái nhà ấy cùng nhau xuôi bè. Cậu con trai mười bốn tuổi đủ sức giúp bố làm chân chổng sào, cô con gái mười hai phụ giúp mẹ cõm nước trên bè. Chuyến bè đó lớn lắm, nghe nói đến hơn chục hộp nữa, cả gỗ nữa và thuê đến mấy tay sào. Quá rằm tháng chín, ai cũng yên tâm chẳng còn bão lớn. Chuyến bè tận bến chợ Mới sông Đà, xuôi dòng. Nhỏ sào được hai ngày, đã qua ngã ba Việt Trì, từ sông Đà vào sông Cái. Trời đang quang, mây đang tạnh, bất chợt một cơn bão lớn ập đến. Cứ như các cụ nói, trận bão ấy lớn lắm, bão làm đổ cả đình. Sóng to gió lớn, con bè chổng chọi chẳng được mấy nổi thì tan tác. Đến mấy tay chổng sào quen sông nước, mà cũng kể mất, người còn. Gia đình ông chủ hai

đưa con đều bị dòng nước cuốn mất, may vợ chồng ông chủ túm được cái mảng, dạt vào bờ mà thoát chết. Mất con, trắng tay, sau lần ấy người vợ ông trở lên điên dại. Gần mười năm sau thì bà ta chết....

Kể câu chuyện ấy, thầy tôi chép miệng: Đầy buồn tàu buồn bè không bằng ăn dè hà tiện. Người ta có số, chả ai biết đời người thế nào. Còn bu tôi thì nói: Giá mà không chết đuối, người con trai lớn của ông lão giờ cũng trạc tuổi thầy tôi, người con gái thì cỡ tuổi bu tôi.

Tôi thấy ân hận. Dù không phải kẻ đầu têu nhưng tôi đã a dua theo lũ trẻ. Sao lúc ấy tôi không ngăn cản?

ý nghĩ cứ dần vật. Thế là tôi moi hai đồng xu trong ống tre, những đồng xu tiền mừng tuổi, mà chỉ khi thật thèm tôi mới dám moi ra một đồng mua cái bánh đa.

Thấp thỏm chờ đợi ông lão quay lại, tôi sẽ đãi ông lão ăn mỳ hai đồng xu. Một tuần, hai tuần trôi qua, tôi ngong ngóng về hướng cây si già, về con đường dẫn vào xóm. Thấp thoáng bóng ai đấy, tôi lại hy vọng, đó là ông lão ăn mỳ.

- Khổ thân chưa! Cái ông lão ăn mỳ vẫn đến xóm ta, chết rồi đấy! Vừa chết rét, vừa chết đói. Thấy bảo sáng ra, gác chợ biết thì người đã lạnh cứng...

Đấy là người xóm tôi đi chợ về kháo nhau. Hai đồng năm xu ngày ấy tôi chuẩn bị đã không bao giờ còn được đãi ông lão ăn mỳ nữa./.

Khóc ngựa nghè

Hắn khóc vợ, khóc thảm thiết. Sao trên đời có người đau khóc vợ thê lương đến vậy! Tiếng khóc khàn khàn, lặng tặc như phát ra không phải trong họng mà từ phổi ruột tim gan. Nghe, chú ý mới rõ lời than khóc. Hà nghệ sĩ, dân làng gọi như vậy, hắn khóc kể về tình cảm buổi ban đầu, kỷ niệm như tươi nguyên nóng hổi. Rồi hắn kể bày con dại cùng hắn bơ vơ cô cút trên cõi đời này. Đàn bà khóc chồng là thường tình, cảnh đàn ông khóc vợ nghe thật náo lòng. Lắm lúc khóc hắn kể cả cái chuyện ái ân, nghe phát ngượng. Nghĩ, ai lại than chuyện ấy làm gì. Nhưng thôi, người ta đặng mắt vợ, đầu óc không tỉnh táo, biết đâu chọn lựa câu khóc:

- Hu hu... em ơi, em ơi!... Sao em nỡ chết khi anh còn sống... Hu hu hu... em ơi tình ta đang dở!... Hu hu

" Choang... choang"- máy cái bát vỡ tan. "Xoảng"- lại chiếc mâm vèo ra sân. Tiếng trẻ con giật mình ré lên.

- Ông cấm chúng mày nhặt, đám ăn hại đá nát... kia! Xéo, xéo mẹ chúng mày đi cho khuất mắt ông. Hu hu hu... em ơi! Nếu mai anh chết thì cõi lòng ai tan nát em ơi!

Thế là bắt đầu kể lễ đoạn trường. Hàng xóm biết hết đoạn này sẽ tới đoạn hắn chửi rồi lại bắt đầu khóc cha, khóc mẹ. Hắn khóc cha mẹ giọng cũng ai oán, lâm li vậy:

- Hỡi cha mẹ ơi, bao công sinh thành nuôi dưỡng... hơ hơ... Cha ơi mẹ hỡi có hay! Linh hồn xin giáng về ngay linh sàng! Hoặc cha mẹ ở thiên đường cực lạc, xin lệnh trên cửỡi hạc kíp về. Hoặc về địa phủ âm ty, xin đức Địa tạng, hộ trì cho lên... hu hu... cha mẹ hỡi!

Hoá ra thằng cha đó bố mẹ đều chết. Thảo nào tiếng khóc nghe buồn thế. Khổ thân hắn thật! Sao có người số phận đến không may. Như hắn chẳng hạn, vợ đã chết, bố mẹ lại cũng chết! Có lẽ chết tai nạn giao thông. Còn giọng hắn chửi phẫn uất, chắc đưa thất

nhân nào lừa đảo hần. Tiếng khóc chửi nhỏ dần, yếu dần, hực cái, hực cái, lịm hần. Khốn khổ hần chưa khóc chửi mệt không còn sức là đi rồi.

Vợ hần người đàn bà mảnh như dải khoai, xanh như tàu lá, hai tư tuổi mà gặp ai cũng đồ đến ba lăm. Nhìn khuôn mặt cô ta đoán ngay một cuộc đời khổ ải. ánh mắt len lét ngược nhìn vợ cụp xuống. Không phải ánh mắt vụng trộm gian xảo, nó tội tội và khiếp nhược. ở cái làng này, con gái mười sáu mười bảy là lấy chồng, học cao hết cấp hai, đại học chẳng đến lân, có trúng lấy tiền đâu theo đuổi, chưa kể ra trường ngược xuôi chạy việc. Vậy vào cấp ba mà làm gì? Tiền ấy, sức ấy, thời gian ấy, còn ở với bố mẹ, chịu khó đồng áng, khéo léo dành dụm giấu diếm được chỉ vàng là của hồi môn ngày cưới, không đốn hèn thì may lấy vài bộ quần áo, kéo khi về nhà chồng mang tiếng tay không. Người đàn bà nom như dải khoai kia lúc cưới tròn mười bảy. Đám cưới nhà trai tổ chức to, ngả hai lợn tổng cộng chín mươi mâm, ba ngày ăn chưa hết cỗ. Chú rể, thằng Hà không hiểu tán tỉnh cách nào qua mặt được mấy đứa. Đẹp giai không bằng chai mặt. Giống con gái mới lớn thích ăn bánh phính cộng thêm tính huyênh, một tác lên đến giới của thằng Hà và thời buổi yêu đương tự do, tìm hiểu kiểu dấm dúi bờ bụi, bụng phưỡn ra, thằng Hà chứ thằng phát văng nào chả phải đồng ý.

Cưới cỗ bàn chưa ráo mâm bát, ngoài sân người còn dờ rập khênh bàn, bố mẹ thằng Hà đã lôi vợ chồng nó vào công khai tài chính, chứng kiến việc bóc phong bì và liệt kê đồ mừng. Tính ra, đồ tiền mừng không đủ khoản vay mượn cưới, lồm một triệu không trăm ba bảy nghìn đồng chẵn. Bố mẹ thằng Hà gàn trước rồi, bảo cưới nhỏ nhưng thằng này hống không nghe, quyết cưới to. May bố mẹ nó mặc cả trước, giao kèo ba mặt một lời hần hoi, cưới to, lố vợ chồng nó hoàn toàn gánh chịu. “Vợ chồng mày ăn chung với nhà hết tháng là ra ở riêng. Sau mày còn đống em. Khu đất nhà ngoài trại tao tạm giao cho vợ chồng mày. Ra ở riêng, thế là sướng quá. Ngày trước chúng tao ấy à... tay trắng” Nghe bố nói sốt ruột, thằng Hà nhếch mép cười, kiêu: “Biết rồi, ông bà muốn vỗ tuột thằng tôi cho nhẹ nợ. Đây cũng đếch cần.” Chẳng phải chờ đến cuối tháng, ngay đêm tân hôn thằng chồng quyết, vợ chồng chúng chần gối nôi xoong tếch thẳng ra trại luôn.

Năm năm ba đứa trẻ liên tiếp ra đời, đứa này nhỉnh hơn đứa kia chòm tóc. Năm miệng ăn chỉ anh chồng kiếm, thằng Hà lại vốn chơi bời rượu chè nhà càng thêm túng. Cái làng nó kiếm việc không dễ, quanh đi đội cát, đóng gạch, quần lại phụ nê, thò than... Thằng Hà làm đủ, dầm tháng nó lại bỏ. Cai không thái thì nó chán cũng bỏ, mà chủ yếu là cai bỏ, thằng nghiện ngập cờ bạc, lúc cần thì nó lại say bí tỉ hay dúi ở chiếu bạc. Máy bận nó suýt ngã trên giáo xây cao tít vì ngái ngủ hoặc lơ mơ say. Giờ ở làng đổ ai dám gọi nó đi làm nữa. Thằng Hà dâm thất nghiệp.

Cơ may thế nào trong một bận say nó hát, cười, ngâm đủ giọng bi ai hài tiếu. Hôm ấy là ở đám cưới trong làng. Thành lệ rồi, làng cứ đám xá mời hay không mời dân làng già trẻ tới ăn cỗ ráo. Cỗ bàn thì phải rượu, không rượu thịt tử tế có đứa đốc chứng cà khịa là khốn. Lâu rồi thằng Hà chưa được bữa rượu nào hả hê vậy, hần say. Tính thằng này rượu vào là hát, nó trích đủ tuồng, chèo, cải lương. Lão cai Bền khách xã bên sang mừng đám cưới thấy thằng Hà hát đến vỡ vai làm quen. Lão khen: “Này thằng em, cái giọng chú mày vang, khoẻ! Hừm... đi làm với anh đi. Ngày cơm nuôi ba bữa, rượu thịt đánh thẳng rồn còn giắt về cho mẹ đĩ mười nghìn. Đây là mới vào nghề, sau giới giang tay nghề lên còn kiếm nhiều, có đám... tiền trăm. Chết đuối vợ được cọc, dù lơ mơ thằng Hà vẫn tỉnh ngay, dòng tai nghe. Hần cười hỏi khách, giọng vừa nghi ngờ vừa khấp khởi hy vọng: “Ông anh không đùa thằng em chứ?... hi hi...” Khách liền rĩ tai. Khách nói thằng Hà chưa rõ hỏi lại. Nghe thủng ra mắt nó chọt cụp xuống, lưỡng lự. Vốn lỏi đời, khách biết cu cậu sĩ diện, ngược, liền khích:

- Xi... Việc quái gì mà ngược! Có phải đánh đĩ trộm cắp đâu... Khó đùa đánh đĩ ăn cắp đầy ra đấy vẫn vênh vác, diện ngất trời. Chú mày không tin à? Lên thị xã, phó

huyện mà xem. Anh hỏi mấy cái quán ka ra ô kê chẳng bán tròn nuôi miệng công khai à! Hò hát gì!

Thằng Hà nghĩ: Có lý. Mà thá nó con ông cháu cha gìđâu phải giữ gìn! Hấn bùi tai, nhưng vẫn gãi gãi đầu, làm mẽ với khách:

- Em là em ô kê... đừng bác thư thư cho thằng em về hỏi thử ý kiến mẹ đi...

- Vê!- ông khách bĩu môi khích- Đàn ông mà phải hỏi vợ, vút! Chỗ quý chú anh mới bảo. Giờ ới cái người có cá đồng. Nào chú quyết đi, tôi chờ!

Làm quái gì có chuyện không đồng ý. Khách rút ngay tờ mười nghìn mới khự nhét vào túi thằng Hà, hợp đồng mồm luôn.

- Có việc, anh ới chú phải đi ngay. Còn tuần sau sang anh tập trước vài buổi. Tất nhiên tập chỉ côm nuôi thôi. Không có anh bán xối đi ăn mày à!

Thằng Hà về bảo vợ. Vừa nghe cô vợ giãy lên như đĩa phải vôi:

- Anh không sợ dân làng cười cho à?

Nghe vợ nói vậy thằng Hà quắc mắt:

- Thằng nào con nào dám cười tôi. Ông tha cười cho chúng là phúc! Mà tôi nói cho cô hay, tôi biết tổng ra rồi, nhà cô, bố con cô cười chứ ai. Này, cô đừng tưởng nhà cô danh giá, cảnh vàng lá ngọc nhé! Bố cô, cái chức chủ tịch xã về hưu chục năm nay, vút ra đường chó nó không thềm ngủi. Mà thằng này kiếm không đồ riêng lỗ mồm nó. Đồ... đồ cho tất cả lũ lý nhà cô kia kia. Hừ... khóc, ông đã chết đâu mà khóc. Ha ha ha... khóc được đấy, lời dài, giọng khoẻ như chúng nó vừa khen ông!

Người đàn bà còn biết nói gì nữa, thằng chồng cô chuẩn bị đi làm nghề khóc mướn.

Những giọt nước mắt thánh thót rỏ xuống cái bụng thảng thứ tư, thứ năm nhình nhình của cô. Hấn đi làm. Buổi đầu gặp người làng hấn cũng sùng sượng. ánh mắt họ nhòm ngó, cạnh khoé, mỉa mai. “Chúng mày khinh ông à- hấn nghĩ- Đây thịt xôi giò chả bọc tưng ông mang về, vợ con ông cần ngập răng. Nhìn thấy, chúng mày lại không thềm rỏ dãi, không ghen lồng lên thì ông đi đầu xuống đất!”. Đám con cháu chục mỗi bận hấn về, hau háu lục ca tấp lầy đùi gà, xôi, chân giò ngấu nghiến ăn. Tiền hấn mang về cho vợ nhiều dần, một chục, hai chục, ba chục, có bận cả tờ năm mươi nghìn cạo râu được. Nghe mọi người xỏ xiên gọi mình là Hà nghệ sĩ, Hà nhà báo, hấn chẳng lấy thế làm nhục. “ừ , nghệ sĩ đấy, nhà báo đấy! Được như ông chúng mày đã phúc bày mười đời”. Và thế là từ dạo ấy hấn vênh vào hãnh diện luôn với cái danh hiệu nghệ sĩ người làng mát mẽ gắn cho. Hấn là nghệ sĩ khóc mướn. Đi làm chưa đầy nửa năm hấn nổi như cồn. Khắp huyện, dần dần lan ra cả tỉnh, phường kèn trống lão cai Bền nổi tiếng nhờ tay khóc mướn Hà nghệ sĩ. Tiếng khóc của hấn mới thảm thiết bi ai làm sao, giọng to, lời dài... Từ khi có hấn các phường khác trong huyện vều mồm, nhìn phường hấn hốt bạc thiên hạ mà tức. Tiếng đồn nhanh thế, đến cái huyện Hải Tiên cuối tỉnh nhà đám cũng lặn lội đến nói khó rước kỳ được phường kèn trống cai Bền. Hà nghệ sĩ được cả phường trọng vọng. Lão cai Bền nhũn như con chi chi, một điều chú, hai điều anh với hấn. Làm gì không anh anh em em, nhờ hấn mỗi ngày lão đút túi ngon ơ trăm nghìn, chưa kể tiền thưởng.

- Nhìn chú vát vả anh xót quá! Thôi cố mà giữ cái sức khoẻ chú Hà ạ. Ăn đi, ăn đi em.

Này miếng phao câu,... Không không gì cả, anh gấp chú phải cố- đấy là lão cai Bền đang chăm sóc, cời gan cời ruột với Hà nghệ sĩ trong bữa ăn khuya nhà đám phục vụ- Bảo việc khác như gánh nặng thì anh em san đỡ , chứ khóc, không năng khiếu, có tài như chú, cứ chịu!

Vát vả quá đi chứ, có ngày buổi sáng lặn gô bồ chừng gào khóc đám này, chiều đã ngồi sau xe lão Bền phi đến hồ đám khác. Ngang diễn viên hát sô, chạy rạp ngoài thành phố. Hấn biết người ta cần, nên cũng làm mình làm mẩy ra phết, yêu sách đủ điều. Mà phải thế nào mới mình mẩy được, không tài như hấn, khóc có mả có nghề, khối ra chúng cầu cạnh. Phải nói thằng cha giỏi. Còn nó thì nghĩ: Trước đây nhờ nghe nhiều nhạc vàng, lại sẵn đầu óc biến báo, mồm miệng ứng khẩu nhanh, mới mấy tháng đã

khối kinh nghiệm. Khóc mượn xứ ta đâu có bài bản dạy truyền. Vào nghề học lỏm được câu nào, đoạn nào thì được, như bài khóc bố mấy câu thế này, khóc mẹ mấy câu thế kia, quanh đi quẩn lại có vậy, đến hần còn thấy nhàm. Chón quê đám xá lăm thầy nhiều ma, bình luận khen chê mỗi người một kiểu. Người ta đến nhà đám để ý kỹ lắm. Khóc phải sao cho nó thật, giả mà như thật. Khó là vậy đấy. Cứ xem người đến phúng viếng kia kia, họ có buồn thương đến vậy đâu, nhưng mặt đều buồn rười rượi. Kể cầu cạnh thì đến cốt phúng viếng người sống; còn kẻ tò mò thì đến xem nhiều thứ lắm: chia cửa; xem anh em mâu thuẫn cạnh qué nhau; xem con cháu đứa nào đóng góp nhiều và ai bài bậy, quýt, không chi đóng góp. Càng có chuyện giạt gân càng hay, tỷ như, tự dưng nẩy nòi ra đứa nhận bố, nhận mẹ, khăn trắng áo xô chờ người khuất. ái chà chà, chuyện ấy tha hồ kháo, cả tháng chưa hết. Đấy người dự nhà đám vậy đó. Mà ở quê đến chỗ ma chay như đi xem tuồng xem hát, cứ mấy lời cũ rích ai người ta còn thiết nghe, thiết rung động buồn thương nữa. Chưa kể đồng tiền bát gạo bỏ ra, nhà đám họ phải gỡ lại cho xứng.

Nghĩ vậy nên hần để ý. Đầu tiên tới nhà đám hần hỏi tỉ mỉ thân thế, sự nghiệp, nếp ăn nhẽ ở người khuất, tình cảm quan hệ với họ hàng thân tộc ra sao, thế là đầu hần phác họa nhanh sườn bài khóc. Riêng với nhà đám chết trẻ cần nhất cái bi ai. Thứ này lời điệu hần thiếu giống, cứ mô ni phê anh nhạc vàng, tân cổ giao duyên, miễn đừng bê nguyên xi, như “Nếu mai anh chết em có buồn không...”, lại nữa “Anh đâu ngờ, có ngày đàn đứt dây tơ... hơ hơ”, rồi thì “ Một hôm mưa bay được tin em chết... ơ ơ ”. Vô thiên ủng. Vậy là thằng cha tha hồ thả hồn khóc. Một bận có tay giám đốc già ở thị xã, vợ chết. Thằng cha quá yêu cô vợ trẻ. Đoán trước mổ vàng thổi đây, hần chuẩn bị lời điệu bài khóc rất chi là cẩn thận. Y rằng, lần đó hần trúng quả đậm. Nhà đám này quan hệ rộng toàn khách khứa sang, tay chồng dù tiếc thương vợ vẫn phải kìm nén đứng gượng đáp lễ người phúng viếng. Thằng cha giàu nên cầu kỳ cho tận xe con về đón phượng kèn trống, yêu cầu đích danh Hà nghệ sĩ. ở nhà đám, thằng Hà vừa cất giọng lời khóc khúc mờ màn- kể lễ nỗi chồng đau mắt vợ, gã giám đốc kia đã nức lên, rồi mặc quan khách cứ thế vật vã gọi vợ. Cảnh tượng thương đau đến độ, tự dưng chủ khách- cả rạp tu tu khóc theo. Đám xứ dự nhiều nhưng chưa có bận nào hần thấy đám tang mà buồn đến thế. Tang ma xong anh chồng ghi công cậu chàng khóc mượn, kể thay gã nói lên tác lòng thương tiếc cô vợ yêu, gã hào phóng thưởng riêng Hà nghệ sĩ năm trăm nghìn đồng. Ở hơ ngon ở ba tạ thóc, lại còn đánh bạc nhòe! Phượng kèn trống mỗi người được năm chục nghìn tiền thưởng. Chưa có đám nào công xá hậu hĩnh vậy. Hần nổi tiếng càng trở nên nổi tiếng. “Cứ đà này chẳng mấy nổi chú lên rim, có khi tậu cả mô bin phôn đeo đít”- lão cai Bền nịnh hần. “Chứ không à. Lúc ấy ông thêm vào bảm đít cái bẩy tám ghê của nhà mày”- thằng Hà nghĩ bụng vậy.

Sông có khúc người có lúc, đang lên như điều, đánh đùng cái, giọng như chuông như khánh của hần tự dưng khàn khàn tịt tịt, tiếng khóc nghe chẳng thấy đâu mà cứ khùng khực. Người ta bảo lộc trời cho hần thế thôi. Lúc trước tiếng tốt giọng dài lão cai Bền sẵn đón, phất cái lạnh nhạt liền. Đến khi giọng hần khóc không ra hơi, tiếng tắt lịm trong họng, ngay lúc nhận tiền công gia chủ thanh toán, lão Bền gọi thằng Hà tới cất hợp đồng. Vừa nghe lão cai nói, Hà nghệ sĩ quáng quàng trình bày lẽ thiệt hơn, tình cảm lâu nay và hoàn cảnh gia đình hần. Lão Bền cười khẩy:

- Tôi thương cậu nhưng gia chủ người ta không thương tôi. Mà họ không thương là không thương thật! Không kiểu thương vay khóc mượn như loại nhà cậu. Thôi ông biến cho tôi nhờ. Cất!

Nói tới đây lão tót lên xe, rồ ga phóng thẳng, để lại Hà nghệ sĩ trân trân ngó theo. Cái thá thằng Hà đấu sao lại với cai Bền. Hần dần dựa nước mắt, những giọt nước mắt thật hần hoi, tuy không lời kể bi ai như lâu nay hần thường rặn ra ở nhà đám nhưng lòng hần buồn rười rượi. Lúc kiếm ra tiền ngày hơn bù ngày kém, bình quân tháng già triệu bạc, tưởng là nhiều. Khi thất nghiệp tiêu vào một cái, tra tiền vợ thấy sạch như chùi.

Lâu nay ăn uống ngày ba bốn bữa rượu thịt nhà đấm thành quen, tật nghiện rượu của Hà nghệ sĩ càng nặng. Kiếm không ra nhưng sáng trưa chiều tối hẳn vẫn phải có chai rượu. Ngồi uống suông một mình thằng cha nghĩ ngợi tợn. Càng nghĩ càng cảm lão Bền, đồ bất nhân, phường giả dối, quân khốc thuế hờ mướn. Cảm, thằng Hà chửi. Chửi lâu ngày thành tật. Nó nói cũng như chửi, chửi cũng như nói. Chửi chán lão cai nó quay sang chửi vợ, con vợ lười chầy thây, chỉ biết ăn và đẻ, không biết kiếm tiền để hẳn khổ. Cho há cơn giận, hẳn lôi vợ ra đánh. Phàm đã say, nó không phân biệt đâu là hiện tại đâu là quá khứ, nhầm lẫn thời nọ, thì kia. Ngồi nhà mà hẳn tưởng mình còn đang buổi nổi như cồn- Hà nghệ sĩ khóc mướn, oanh oanh liệt liệt. Cái giống hành nghề, phải bỏ, người ta nhớ nghề ghê lắm. Hẳn cũng nhớ nghề khóc mướn của hẳn y vậy. Lúc tỉnh còn giữ ý với xóm giềng hẳn chỉ lầm nhầm bài khóc trong miệng, song khi say hẳn nào biết ý tứ gì, cứ rống lên: Con khóc cha, anh khóc em, vợ khóc chồng. Trong các bài, bài khóc vợ là hẳn hay mang ra nhiều nhất.

Hôm nay cũng vậy hẳn uống rượu và say. Người vợ ngồi trong buồng, cô cho lũ con ăn cơm trưa. Khi đưa nhỏ mới đầy chín tháng bú xong, lừa nó xuống giường, giao đứa lớn trông, người vợ lên đi ra. Cô định nhân lúc thằng chồng say không để ý mà lên ra ngoài. Mấy tháng nay từ khi nó thất nghiệp cô ra bờ sông đội cát thuê kiếm mấy nghìn đồng gạo. Không làm chết đói cả nút mắt. Vừa mới lò dò bước, thằng Hà nhìn thấy quắc mắt lên, quát:

- Đi đâu? Mày định... mày bỏ ông... theo giai à... con đĩ kia! Mày... mày định giở mặt như cái thằng phường kèn trống kia phải... kh..ô..ng...?"

Vừa nói nó vừa giơ cái chai không lên như như. Người đàn bà rúm lại. Nó phang thật đấy, không đùa đâu. Bao trận đòn thì biết rồi, nó đánh vũ, phu man rợ, khắp người cô còn đầy vết tím bầm. Người vợ lại len lét vào buồng ôm con, nước mắt lưng tròng. Sao ông trời sinh ra giống người lại còn đầy ải, có những kiếp người như mẹ con cô. Cô có thể cắn răng chịu đựng, nhưng lũ trẻ kia chúng có tội tình gì? Như mẹ chúng, đấm trẻ nép vào nhau sợ. Chúng biết tý nữa người đàn ông kia sẽ đánh mẹ, đánh đau lắm, có khi còn đánh cả chúng nữa. Người vợ chờ đợi thằng chồng đánh. Càng say nó càng đánh vũ phu. Chờ mãi... chờ mãi nó vẫn chưa vào cô sót ruột. Cứ vào đi, con cầu Trời cầu Phật nó đánh nhanh lên. Người ta chỉ sợ khi roi giơ lên chứ khi vọt xuống rồi là hết sợ hết đau. Mà cái lệ thằng chồng đánh cô xong, mệt nó lăn ra ngủ. Nó đánh sớm, ngủ sớm, thì cô mới kịp ra đội cát ca chiều. Chủ bãi họ thuê công nhật, không khoán khối khoán thùng, đến làm muộn, chủ bãi cắt buổi ấy liền. Thế là người đàn bà mong thằng chồng vào đánh mình nhanh. Còn điều nữa cô mong hẳn vào đánh - tiếng khóc. Tiếng khóc của hẳn cô sợ lắm, sợ nhất bài chồng khóc vợ. Thà nó đánh còn hơn.

Thằng Hà lại rề rà chưa vào buồng đánh vợ. Người đàn bà đợi hẳn đến khi bóng nắng xiên xiên hẳn vẫn chưa vào. Hẳn còn tiếp tục chửi thằng cha cai phường kèn trống. Rồi bất chợt bật tiếng. Im lặng... "Choang... huych" Người đàn bà tưởng tượng cảnh thằng chồng đứng lên. Chắc hẳn loạng choạng ngã nghiêng, nó đang quơ quéo tìm thứ gì, như đoạn gậy, chiếc cán vò thậm chí cả cái chày giã cua để vào đánh vợ. Song, sao lâu thế? Chợt giọng hẳn hực lên. Trời ơi... thôi chết rồi! Người đàn bà hai tay vội vàng bịt lấy tai. Thằng say bắt đầu bài chồng khóc vợ. Lời bài khóc và thứ tiếng lờ phờ, ào phào của hẳn như tiếng ma tiếng quỷ- thể lương, rùng rợn. Nghe nó người đàn bà kinh hoàng tưởng tượng: Cô và bầy con như đang nằm dưới huyết sâu; trên kia, nơi trần gian, thằng chồng- một con quỷ dang tay phủ phục huyết mộ, gào thét./

Ngõ quê

Có nhà lại trồng râm bụt, thấp thoáng những bông hoa phớt đỏ. Về làng, từ xa tôi đã thấy cây gạo bóng cao vút, đỏ ối hoa. Làng tôi có câu:

*Đầu làng cây gạo
Cuối làng cây đa.
Con gái làng Đà,
Như hoa thiên lý.*

Từ đường cái vào làng có hai trụ gạch sừng sững, người ta gọi ấy là cổng làng. Bà tôi bảo, trước cổng làng to lắm, có mái, phía trên đắp nổi mấy chữ Nho, nay cổng làng sót lại là hai cái trụ gạch đấy. Cổng làng có cánh cửa lim to dày, đêm đêm đóng lại phòng cướp. Tôi ngây thơ hỏi: Đóng cổng lại kẻ cướp vòng qua bên cạnh vào thì sao - đấy là cánh đồng và những bờ rào lúp xúp sát ngay bên trụ gạch. Bà cười bảo: Ngày trước, làng không trồng tền, trồng toàng như bây giờ, mà có luỹ tre dày trồng trên bờ đất bao quanh, đến đạn Tây bắn còn không xuyên nổi. Tôi không hình dung được luỹ tre và bờ đất dày đến cỡ nào mà đạn cối tây bắn không qua, nên cứ ngạc nhiên mãi cái cổng làng phòng cướp...

Cổng làng như vậy, nhưng cổng của ngõ xóm nhà bà nội tôi lại còn khá nguyên vẹn. Thành cổng tường xây dày đến ba, bốn mươi phân, trên là vòm xây khum cong cong. Từ đường làng rẽ vào, phía trên nhìn thấy mấy chữ Nho đắp nổi, to bằng cái bát ô tô. Chỉ còn mấy cụ cao niên trong làng là đọc được. Đấy là chữ ghi lại năm xây dựng cổng. Nghe nói xây từ đời vua Tự Đức. Đôi cánh cổng lim dày, vẫn còn đóng ra khép vào được. Lớp gạch hai bên bị xe cải tiến va quệt và trâu, bò qua lại gõ sừng, làm vệt lõm, trơ ra mạch vữa và những hàng gạch mỏng quệt. Người ta bảo ngày trước vữa xây bằng mật mía, muối và vôi cát đánh nhuyễn; còn gạch dùng rơm rạ đốt. Tôi cứ phân vân, cổng ngõ to lớn thế, phải tốn nhiều mật mía để xây và rơm rạ đốt gạch lắm. Thảo nào bao năm, vữa xây còn bền, gạch thì không phồng mà mỏng đều và một màu gan gà, trơ trơ trước thời gian cùng mưa nắng.

Làng tôi đường đất, duy nhất con đường ngõ nhà bà nội tôi là vữa gạch nghiêng nghiêng. Quảng giữa ngõ, có cái bệ thờ. Không hiểu sao tôi lại nhớ như in cái bệ thờ đó. Nó bé nhỏ, khiêm nhường, không mái, nằm hơi lồi trên một khúc tường đất. Bát hương trong bệ thờ bao giờ cũng có cụm chân hương. Chân hương cái thì màu phẩm còn đỏ tươi, cái lâu ngày xỉn thẫm. Bà tôi gọi là thờ hậu và bà kể: Trước ở làng có những người mua hậu - tức là nộp tiền, hiến ruộng cho làng, cho chùa để làm một công trình nào đó. Thường là những nhà ấy không có con giai, mua hậu, sau này họ mất đi, được làng xã, hương khói, cúng giỗ. Trước tiên họ phải bỏ một số tiền nộp lệ cho làng, cho chùa, cho bản tộc làm công trình, sau đó hiến một số ruộng để làng xã lấy hoa lợi cúng giỗ. Hậu có ký hậu làng, ký hậu xóm, ký hậu chùa, ký hậu họ. Ngõ nhà bà nội tôi trước có gia đình không con cái, ông bà mua hậu ở chùa, ở đình và còn mua hậu ngõ bằng con đường gạch. Chuyện mua hậu con đường gạch của gia đình ấy mất nhiều công sức và cũng cầu kỳ lắm, phải bao lần lên xuống, làng và dân xóm mới đồng ý. Chỉ riêng khâu cuối cùng là việc xây dựng đã rất nhiều khê, kỹ càng. Gạch đặt trước, rồi chọn lựa từng viên. Xem xét, chọn lựa mãi qua mấy ông thầy, mới được ngày giờ tốt khởi công. Công trình xây dựng rất kỹ càng. Trước hết người ta san phẳng nền đường ngõ, rồi rải một lớp ba ta vữa, sau lát một lớp gạch nằm, tiếp đó lại một lớp ba ta vữa và trên cũng vữa gạch nghiêng. Công trình cẩn thận như vậy, trước đây lại chỉ độc người đi bộ, cùng trâu bò gia súc, chứ không công nông, xe máy như bây giờ, nên trải qua mấy chục năm, nó vẫn tốt như nguyên. Thế nên sau khi ông bà già mua hậu mất, đã thành lệ, hàng năm vào lúc trước giao thừa cúng thổ công, cúng gia tiên, dân ngõ ra bệ thờ dâng đĩa hoa, thắp nén hương, khấn người mua hậu ngõ con đường.

Ngày bé mỗi dịp về quê, đi qua bệ thờ, tôi thấy sờ sờ, nhưng vẫn lăm lét nhìn vào, rồi rảo cẳng bước nhanh. Tôi cứ tưởng tượng ấy là nơi ma quỷ trú ngụ. Sau này lớn về quê, nhớ chuyện xưa, qua bệ thờ tôi lại băng khuâng nghĩ về tuổi thơ, dừng lại thành kính thắp nén hương, cúi đầu lẩm rằm khấn tiền nhân. Nhìn làn hương mong manh mà nghĩ về thời gian trôi, nghĩ về một tập tục, nét văn hoá chốn quê.

Giờ quê tôi đường làng mở rộng, đổ bê tông. Con đường ngõ nhà bà nội tôi cũng bê tông phẳng phiu. Nền đường tôn cao, làm cổng ngõ thấp xuống, vướng chân tầm cao người qua lại, nên nó bị dỡ bỏ. Còn gạch vỉa đường, trước nhà nào, nhà ấy khuôn vè, mỗi nhà được dăm chục, một trăm viên. Khuôn vè nhưng ít ai biết gạch ấy nguồn gốc do đâu. Bà nội tôi sai xếp thành đống ngay ngắn trong sân và bà lại kể câu chuyện mua hậu con đường xưa...

Trước hai bên ngõ là bờ duối, hay rặng cúc tần, râm bụi, người ta còn để đất rộng, nay tường gạch nên nhà nào nhà ấy đều xây sát đất, tường cao vượt cả tầm nhìn. Nhà nào cũng một cổng xây, tường gạch bao quanh, cánh cửa sắt ra vào tiếng đẫy kết kết.

Đâu rồi đậu râm bụi điểm hoa phớt đỏ, bờ duối lăm tằm quả vàng. Băng khuâng tôi dỗi tìm bệ thờ mua hậu xưa mà không rõ là đâu.

Phụ đính II :

Con vờ vờ trên sông

Sau đợt rét đậm, sẽ có ngày thời tiết ấm áp. Vào những hôm như vậy, buổi sáng trên sông, thường sương mù mờ mịt. Cảm giác đi men sông, ta như bồng bênh trong mây và có rất nhiều vờ vờ, chúng chập chờn bay trong sương mù trên mặt nước.

Vờ vờ to bằng độ con châu chấu, nhưng trắng muốt, mỏng manh. Thấy bảo có người bắt vờ vờ về ăn, món vờ vờ rang. Chắc chẳng ngon nghề gì. Thế nên vùng quê tôi, cái thị trấn Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, bên bờ sông Luộc, có thành ngữ: Xác như vờ vờ.

Vào những hôm sương mù, bọn trẻ xóm tôi đi học, chúng cứ men theo mép nước đến trường. Đường xa hơn đấy, nhưng bọn trẻ vẫn chọn con đường đó. Bởi chúng còn nghịch ngợm và xem vờ vờ.

Trên sông, sáng sớm, vờ vờ khoẻ, rập rờn bay. Sau bay lượn mệt, chúng sà thấp dần, chao đảo, có con rớt xuống nước, rồi vùng vẫy, cố cất mình lên. Dưới sông, đàn cá mương hau háu đớp bóng, quấy đạp, chờ đợi... Mặt trời cao dần, ánh nắng chiếu rọi, cũng là lúc vờ vờ đuối sức, bắt đầu có con rớt xuống mặt nước, mà không cất mình lên nổi. Đám cá mương châu chực, lúc này xúm lại. Quy luật của tự nhiên, "cá lớn" nuốt cá bé.

Nhìn những con vờ vờ xấu số, bị lũ cá mương đớp rĩa, thân mình tả tơi, để cuối cùng mất dạng dưới làn nước mùa đông lạnh giá, nghĩ mà thương!

Mặt trời lên cao, không còn con vờ vờ nào nữa.

Trên mặt sông chỉ còn thấy những cánh vờ vờ mỏng mảnh trắng, rập rờn trôi.

Đàn cá mương cũng kết thúc cuộc săn, lặn mất tăm.

Dòng sông mùa đông ken lững lờ trôi.

Nếu không có những chiếc cánh vờ vờ mỏng manh, lơ vờ, ai mà biết được, trên sông vừa xảy ra cái quy luật khắc nghiệt của tạo hoá...

Con vờ vờ yếu đuối đã làm một mặt xích của tự nhiên.
Thương cho vờ vờ, nhưng có thương những kiếp phận như vờ vờ?

Chết... vì nhục

Đây không phải lần đầu tôi ra Hà Nội. Nói chính xác, đây là lần thứ ba tôi ra Thủ đô, ra vì động cơ tiền, kiếm tiền cứu nhà, cứu vãn hoàn cảnh bi đát, khốn khó của nhà tôi. Thày tôi, một ông giáo hom hem, hưu non vì căn bệnh nghề nghiệp - ho lao. Mẹ tôi cũng đau yếu luôn. Lại thêm chị gái và đứa con nhỏ, vừa quay về, chồng chị mất vì một vụ tai nạn giao thông. Tôi không muốn nói, không muốn nghĩ về hoàn cảnh khốn nạn của nhà tôi.

Cảm giác đến Thủ đô lần này chẳng như những lần trước, như ngày bé, hay hồi học phổ thông, đi tham quan, du lịch theo chương trình của trường. Nó cũng chẳng như thằng bạn, tên Việt, người cùng làng, mấy năm ra Hà Nội làm ăn, về nghỉ Tết, khoe trong bữa rượu. Cứ như nó, ở Hà Nội, xúc được bạc. Cái mặt nó hôm ấy đỏ nhẫy vì rượu, thịt, huyền thuyên, mỗi tháng kiếm ngon ơ dăm triệu. Vừa nói, nó vừa dúm điều ba số mới hút được vài hơi vào cái gạt tàn. Nhìn cử chỉ ấy, mà tiếc và ai cũng hay, thói chơi ngông của kẻ lấm tiền. Đấy, cứ nhìn mái tóc nhuộm vàng hoe, rồi cả quần áo của nó nữa, lũ trai làng, nào mấy ai bằng. Tôi như chết đuối vớ được cọc, xoắn lấy và nó hào phóng gạt đầu, sẽ dắt tôi ra Hà Nội làm ăn.

Sau Tết, tàu xe chen chúc, xếp người như chõ lợn. Thôi thì chen đẩy, đứng ngồi chông lên nhau, nhà xe thoải mái chém, bắt khách. Ngoài thân hình to cao và cái mặt đẹp, thì tôi mang theo, chỉ có hai trăm mẹ gói gém cẩn thận và của cả tôi nữa, tổng cộng bảy trăm ngàn - vốn liếng chuyển đi làm ăn đầu đời của một thằng trai.

Sau chặng xe khách từ quê ra, thêm tuyến xe buýt và cuộc bộ, vẫn chưa đến nơi. Hà Nội ồn ào, tàu xe ngược xuôi, người ta phi xe như lao vào nhau, phi lấy được, ngang ganh đua vào chỗ chết. Ô tô, xe máy ganh đua nhả khói, hối hả bóp còi. Chắc họ nghĩ, đi đường, toàn kẻ điếc với người mù. Sợ nhất là lúc sang đường, tim tôi thót lại, nhắm mắt, lao bừa sang, để lại sau lưng những lời nguyện rửa:

- Tiên sư thằng nhà quê! Muốn chết à. Văn Điền chúng ông, chặt chỗ rồi.

Kệ xác họ, mồm liền tai, tôi học nhanh được cách cư xử của dân kẻ chợ.

Chúng tôi rẽ vào một ngõ hun hút sâu, đường nhóp nháp nước. Người cảm thấy bết bát, chỉ ước được lăn kèn ra làm một giắc. Rồi cũng nghe tiếng thằng Việt:

- Đến rồi!

Thở phào nhẹ nhõm. Thôi rồi, đã đến! Sau bức tường cao là mấy dãy nhà cấp bốn, lợp phi bờ rô xi măng thấp tè, ngăn nhau ra thành từng ô, như trại lính. Một bể nước tương và giáp đó là căn nhà đá, ỉa. Mấy dãy nhà, cái cửa mở, cái cửa đóng. Thằng bạn đẩy cửa một căn phòng, tôi theo nó vào. Trong phòng có độ dăm người, kẻ nằm, người ngồi. Chẳng thấy ai đáp lời hai đứa lấy một câu. Thằng bạn thông báo như chốn không người:

- Thằng này cùng quê. Đi làm. Nó sẽ trọ ở đây!

Nói xong, thằng đồng hương vút bịch cái ba lô lên phản và chỉ cho tôi chỗ giáp ngay bên cạnh. Dãy phản gỗ liền kề, chạy suốt từ tì gian nhà dài chừng chục mét. Chỗ có chiếu, chỗ không, những chiếc chiếu tua rua rách, lên nước đen sỉn màu mỡ hôi.

- Mỗi ngày trả 10 ngàn. Trả tháng thì bớt hai ngàn. Tối lão chủ đến thu. Thiếu một đồng, lão chửi cho ừng mã!

Sao lúc này nó chả vênh vang như khi nói ở bữa rượu quê, kiếm tiền Hà Nội dễ như bỡn. Nó nằm ườn ra và một tý đã ngáy o o...

Tôi lơ ngơ ngó qua cửa sổ. Ở mảnh đất choen hoèn này, gia chủ vẫn hào phóng để lại khoảnh đất trồng cây khế. Nhìn cây khế, tôi lại nhớ nhà, nhớ cây khế cuối vườn. Cây khế trĩu trĩu những quả là quả và vàng ươm. Khác với cây khế nhà tôi, cây khế kia toàn lá là lá, không thấy bóng dáng quả nào, kể cả quả non. Chắc đám người trọ, ra quả nào, vật trụi quả đó. Nhìn cây khế, tôi lại nhớ tới cha mình, ông giáo hưu non. Thầy tôi nghỉ hưu được dăm năm. Cái nghề giáo để lại cho ông căn bệnh phổi. Chữa chạy bao năm không khỏi, cứ húng hắng ho, cứ đờm rãi nhỏ. Từ khi đau ốm nặng, không mấy khi thầy tôi rời khỏi căn buồng chật hẹp, tối tăm. Phần nghèo túng của nhà tôi cũng do phải thuốc men, viện phí chạy chữa cho ông.

Thầy tôi, một ông giáo được xóm làng kính trọng. Dân làng một điều ông giáo, hai điều bà giáo. Ông là người kiệm lời, mực thước, một ông giáo làng. Những điều ông hay rủ rỉ, răn dạy con cái: “Sống phải có trước có sau. Sống phải nhân đức. Sống phải ngẩng cao đầu, không gì mà hổ thẹn...”

Tại sao lúc này, trong căn nhà trọ tênh toàng, tôi lại nhớ tới lời khuyên dạy của ông – Không có gì... hổ thẹn. Dù hai lần con trai thi trượt đại học, tôi biết, ông vẫn hy vọng, con trai thi tiếp. Rồi ông im lặng, không biết trả lời thế nào, khi tôi bảo: Nếu thi đậu, sẽ sống bằng gì, học phí ở đâu. Dáng ông trước hôm tôi đi, yên lặng ngò, đờ đẫn nhìn ra sân. Bao hy vọng của ông về đứa con trai ngoan hiền, học giỏi, mà nay đành lơ ngơ ra Hà Nội kiếm việc. Khốn khổ lắm đấy, ông biết, dù có nghe thằng Việt nói, tiền kiếm dễ như bỡn. Chắc thầy tôi bắt lực, im lặng nhìn thằng con ra đi làm cừu vạn.

Quê tôi vùng chiêm trũng, sống ngâm da, chết ngâm xương. Nhà tôi giờ thành nông dân không ruộng đất. Giữa quê lúa xanh rờn, mà nhà không tấc đất. Cha tôi dân giáo học, loại không được chia, giao ruộng; chỉ có mẹ, chị và tôi được chia. Tổng cộng ba sào. Bỗng dựng cái doanh nghiệp may mặc nước ngoài ào ào về cắm đất, ào ào về liên doanh đầu tư xây dựng. Khoảnh ruộng nhà tôi nằm trọn trong khu công nghiệp liên doanh ấy. Nghe nói, liên doanh bồi thường mỗi sào 36 triệu. Không hiểu sao, về đến tay dân, chỉ còn 12 triệu. Sau vụ bồi thường và giải phóng mặt bằng, mấy dân làng bị bắt, bị tòa xử và đi tù, tội chống đối người thi hành công vụ, rồi cả gây mất trật tự và tý nữa không được khoản bồi thường. Lần ấy, tôi định cầm dao, lao đến nhà lão chủ tịch xã, đâm cho hấn một nhát. Mẹ tôi quỳ xuống, khóc máu, van xin thằng con là tôi:

- Mẹ xin con!

Tôi khóc lặng, nuốt nước mắt và căm hận trào lên vào lòng.

- Mẹ... mẹ ơi!

Số tiền bồi thường vừa đủ cho chuyển cha tôi nhập viện, bệnh nặng vì cảnh nhà nhận bồi thường, mà ông con trai cứ nhắm nhắm đòi đi đâm người, suýt còn mắc vào vòng tù tội.

Hà Nội ồn ào quá, náo nhiệt quá. Mới tờ mờ đất, ngõ đã inh ỏi tiếng xe và còi máy bim bim, công thêm cái đài phường oang oang tuyên truyền về chính sách kinh tế - xã hội, rồi an ninh trật tự, diễn biến hòa bình, đặt vòng tránh thai, hiến máu nhân đạo, Dân trọ lâu bầu chửi cái loa phường, nó làm họ tỉnh giấc. Mắt nhắm mắt mở, tôi loạng quạng theo thằng Việt ra bể nước. Không xô chậu, không bàn chải, hai đứa vục tay vọt nước xúc miệng, rửa mặt. Bên cạnh, khu nhà đá, tiếng kêu ồ ồ và khai nòng.

- Đò đặc có gì quý, mang theo. Nhất là tiền ấy. Mà có đéch gì quý!
Giọng thẳng bạn đay đả. Ô hay, sao nó lại khó chịu với tôi. Chính nó chẳng hên hoang,
Hà Nội xúc tiền dễ như bỡn.

Nơi xúc tiền thẳng bạn rất tôi ra là chợ người Giảng Võ.

Mưa xuân lất phất. Chợ người vắng teo. Đầu năm, ai đã mượn gọi. Chợ chỉ có mười người, toàn dạng người không ra ngợm, èo uột, xanh mướt, què một cục, mắt hong hóng đợi khách. Thẳng bạn dấm dẳng giải thích, khi tôi hỏi nó, làm gì:

- Làm tất. Bốc vác, dọn nhà, chùi rửa, đít cũng rửa!

Tức là làm tuốt.

Rét và đói. Bữa sáng làm ổ bánh mì ở đầu ngõ, đứng hóng khách gần ba tiếng, chẳng ma nào thuê mượn. Còn dạ dày bắt đầu lên tiếng.

- Thôi! Kiểu này chẳng có chó nào đâu. Đi ăn, rồi về khềnh.

Tiếng thẳng đồng hương. Buổi xúc tiền đầu tiên của tôi là hai đứa kéo nhau vào quán, làm hết chai rượu, cùng bát tiết canh đồ lợn, đĩa lòng và hai đĩa bún tú hụ. Tổng cộng hết bốn chục, chia đôi, mỗi thẳng một nửa, dù là đồng hương làng, đồng hương xóm, vẫn sảng phẳng. Công nhận lòng lợn, tiết canh Hà Nội ngon thật. Lòng thì trắng hồng, ròn sừn sực như sụn; tiết đỏ au, rắn thành cục, xắn, nhấc lên được. Chỉ phải bà bán hàng chửi khách như chửi chó và khinh khích cười, khi ai đó khen đều cặp đào tiên của mẹ. Đúng là cặp đào tiên của bà này thây nẩy, dùn đầy ra một ngục.

Người Hà Nội đến lạ, đàn bà, con gái, từ già, chí trẻ, rất thích khoe ngực hở, bụng hở và cả đùi nữa, trắng tợn tợn như lợn cạo. Tôi mới đầu nhìn cũng ngượng, chỉ dám liếc trộm, sau lâu thành quen, đâm ra bạo, đứng đón khách, cứ trừng trừng nhìn, cùng ngắm...

*

Trở lại buổi đầu săn việc của tôi.

Ngày săn thứ hai.

Ngày săn thứ ba.

....

Y như ngày đầu, chẳng ma nào gọi. Người ta bảo, đầu năm dân Hà Nội đi lễ chùa Hương cầu lộc, đi hội bà Chúa Kho vay tiền, ... nên chẳng ai phá nhà, sửa cửa, chúng tôi đâm thất nghiệp.

Bảy trăm ngàn mang theo, cứ mỗi ngày vui bót đi hai, ba chục. Tôi lo lắng, sốt ruột. Đúng là cũng có một vài bận kiếm được việc, đến thông và lau chùi nhà vệ sinh tắc. Chắc Tết nhất ăn nhiều quá, đâm tắc cống; rồi vụ bê giường tủ từ tầng bốn, tầng năm xuống, trong vụ ly hôn, vợ chồng nhà nọ chia tài sản,.... Vụ ly hôn, tổng cộng tôi vớ được hai trăm. Bà chủ còn khuyến mại tám bánh chưng xanh. Lâu ngày để trong tủ lạnh, nó cứng nhắc. Giờ vợ chồng bỏ nhau, chả ai còn tâm trạng ăn uống nữa.

Thẳng bạn tôi, đôi bữa thấy biến đi đâu đấy. Nó đi đâu nhỉ? Tôi thoáng nghĩ, mà không dám hỏi. Trong một bữa ngồi quán, thẳng bạn thăm thì, việc kiếm tiền của nó, bảo địa chỉ, cả phố, cả số phòng cho tôi. Cái phố ấy tôi biết, một lần đến đấy cừu vạ. Nghe nó mách, tôi đờ mặt, đổ lên vì ngượng.

Ở quê, tôi biết chuyện ấy, nhưng là của lợn. Người ta nuôi con lợn đực, to cỡ một, hai tạ. Giống lợn Tây trắng nhõn, bừu dái to lũng lảng đến mấy cân, thốn thẹn bước. Ông

nái lợn nón trên đầu, tay nọ cầm roi tre vung vẩy, tay kia nắm dây thừng chòng cổ con lợn, rong khắp xóm, rêu rêu rao:

- Lợn nhảy đi! Nhảy lợn đi!

Nhà nào có lợn động hớn, muốn nhảy, thì gọi vào. Giá một lần nhảy, một trăm. Xua con lợn đực vào chuồng, vừa nhìn ả lợn cái, nó đã phăm phăm nhảy. Còn ả lợn cái thì ỳ ra, đứng chịu đực. Mắt lim rim, y như mặt đàn bà ấy. Trẻ con, người lớn xúm vào xem. Đại ý lợn nhảy là vậy. Ngoài lợn nhảy tươi, còn thứ tạo lợn con nhân tạo. Quê tôi, nẻo đường nào chẳng thấy treo biển rao: Đây, bán tinh lợn ngoại. Thấy bảo, con lợn đực được nuôi ăn sượng lẩm, toàn rá đồ non với trứng gà tươi. Lợn mà sượng thế, bồi bổ hơn cả người.

Không phải thằng bạn bảo tôi đi nhảy lợn, nó bảo việc khác cơ, cũng không phải nhảy người.

Trời vẫn mưa xuân. Mưa như vậy chợ người ai mua bán. Giữa tháng hai rồi, tôi vẫn cơ bản nằm khan ở nhà trọ. Số tiền mang theo, chẳng còn đáng bao nhiêu. Càng nằm, càng lo... lo đến thất ruột, rồi việc, lại mang tiền ra đếm lúc ấy. Đầu óc tính toán, lẩm nhẩm cả ra mồm. Càng tính đếm, mỗi ngày số tiền càng vơi hụt. Thấy tôi tính đếm nhiều quá, thằng Việt phát bản, gắt:

- Đếm c... gì, mà lẩm thế.

Nói rồi nó bỏ đi. Chả rõ đi đâu. Còn lại một mình, tôi lại nghĩ đến chuyện thằng Việt mách cách kiếm tiền. Hay nó đang đi kiếm tiền kiểu ấy.

Ngày thứ nhất, thứ hai,... thứ bảy, thứ tám, sau hôm thằng Việt thì thảm, mách việc cho tôi, mưa xuân vẫn rơi, vẫn lất phất, vẫn lâm thâm. Nằm khan, ngó mưa rơi, tôi chợt nhớ tới bài thơ của ông nhà thơ Nguyễn Bình:

*Bữa ấy, mưa xuân phơi phới bay,
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đây.
Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ,
Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tối nay”.*

Thấy bảo ông nhà thơ này chết vì đói, chết vì rét, ngã rúi xuống cầu ao mà chết. Thương thay cho ông ta. Thương người, lại nghĩ đến số kiếp mình, hơn gì mấy ông ta. Nhà trọ vắng tanh, chẳng rõ mọi người đi đâu, chỉ tối tối mới quần tụ về. Về là ngủ, hoặc cầm câu, cắn chí nhau vì những chuyện không đâu.

Công việc mà thằng bạn mách, thỉnh thoảng lại lờn vờn trong đầu óc tôi. Cuối cùng, tôi quyết định... đi. Nơi tôi đến, dù là tiết xuân mưa lất phất, người người vẫn đến đây tập nập. Nào người đi để, nhưng bà bầu ngổn ngộn bụng, nào người nhà tháp tùng. Rồi đám nạo thai, vì vỡ kế hoạch. Già có, trẻ có. Đám gái mới mười bốn, mười lăm cũng vỡ kế hoạch, mang bụng đến đây nạo vét. Đưa thì nhí nhánh, váy áo tũn tởn diu bước cùng người yêu, đưa thì ỉu siu, thân nữ một mình.

Tôi đến đây không phải vì nạo thai, đàn ông, ai chữa để được.

Nơi đông vui vậy, hóa ra lại may. Nếu không, tôi chỉ còn nước chui đầu xuống đất giấu mặt vì ngượng. Tôi cũng không phải hỏi han ai, tự mò được địa chỉ cần tìm kia. Căn phòng cửa nửa đóng, nửa mở, treo lơ lửng tấm vải hoa. Bước vào phòng, thoáng nhìn thấy dăm người đang chờ: một ông chừng bốn mươi, ăn mặc nhếch nhác, dáng vẻ dân xe ôm; một vị trẻ hơn, khoảng độ hăm hai, hăm ba, mặt trắng nhớn, cộng thêm cặp kính ba, bốn đi ốp, rõ là dân có chữ, chắc một cậu chàng sinh viên; một người nữa... Tôi ngượng, không dám xoi mói tiếp, cụp mắt xuống. Âm thầm tôi chọn chiếc ghế trống,

ngồi vào đấy. Tôi cố nghĩ, cố lẩm bẩm để đủ can đảm ngồi đợi: "một trăm ngàn, một trăm ngàn đồng,..."

Được một lúc có người đàn ông bước ra. Ông ta mặc áo blu trắng - nghề y. Ông ta nói gì đó, nghe như là phiếu ấy. Mấy người kia đồng loạt đưa tấm bìa ra cho ông ta. Đến lúc ông này giơ tay về phía tôi, tôi áp ứng. Ông ta như hiểu ra:

- Lần đầu hả. Thế thì kiểm tra, khám. Đợi ý nữa...

Thu phiếu của mấy kẻ kia xong, ông ta quay vào phòng. Chỉ thoáng nghĩ tới khám, kiểm tra, tôi rùng mình. Người ta sẽ lật trần, lật trường tôi. Hình ảnh con lợn đực thốn thẹn, bừu dái ngổn nghện, nhẩy lên con lợn cái và người người nhua nhúa đứng xem, tôi tá hỏa. Ngó trước, nhìn sau, không thấy ai để ý đến mình, tôi đứng lên, chuồn nhanh. Thôi, tôi không dám khám đâu, không dám khám để bán tinh – cái mà người ta vẫn gọi, thụ tinh nhân tạo, công việc do thằng bạn mách cho, một trăm ngàn một bận.

Tưởng việc ấy rồi quên, mà nó cứ ám ảnh. Hai, ba tuần sau khi đứng đón khách, nghe mấy kẻ ở chợ Giảng Võ kháo nhau, chuyện đi bán máu, tôi rùng mình, lại nghĩ vụ đi bán tinh hụt của mình. Nghe họ nói, bán máu một lần 250 ml được trăm rưỡi. Anh bạn chợ người vốn đứng gần tôi, hướng dẫn tận tình phương cách bán máu, địa chỉ bán máu: Viện C, Viện Huyết học, Viện... Cậu ta bảo, lấy phiếu loại màu xanh - loại phiếu được trả tiền. Cậu ta hướng dẫn thêm: Mua hộp thuốc sắt, mà bồi bổ, chỉ có bốn ngàn. Rồi mỗi tháng, bán mấy lần. Sau khi kiểm tra máu xong, téch ra ngoài làm bát phở, cố uống lấy vài cốc nước đá, tốt nhất là nước muối nhạt, đỡ mệt, mà dôi máu. Kiến thức dồi dào vậy, mà chính cậu ta có bận vừa bán xong, ra đến cửa, lặn kèn ra ngất. Đi bán máu, chắc chắn không ngưng, nhưng nghe chuyện cậu ta ngất, tôi phát khiếp. Thôi, dù chết đói, tôi cũng không dám đi bán máu.

Giữa tháng hai, đầu tháng ba, dạo này, mưa đã ngớt, tôi túc tắc có việc, kiếm đủ sống và dư dư chút đỉnh, gom góp gửi về nhà.

Chiều đó quãng ba giờ, tôi đang gà gật đợi khách. Buổi sáng được khách gọi - chuyển gạch vữa lên tầng tư. Làm từ 8 giờ đến 12, mỗi đũa được một lít. Khuân vác xong, anh em rủ nhau vào quán lòng lợn tiết canh, mỗi người xơi vài chén, chiều đâm buồn ngủ. Đang lơ mơ, chợt có tiếng xe tạt vào, choàng mở mắt. Hóa ra là thằng bạn học phổ thông. Nó ngoác miệng cười, hát hàm bảo, nhờ tôi, nên nó được con đề hơn triệu. Chẳng là hôm trước, vô tình thằng bạn thấy tôi đứng ở đây. Thằng này số may, ngay năm đầu thi, đỗ luôn đại học, hiện học năm thứ ba trường Nhân văn. Hồi cấp ba, tuy khác xã, nhưng tôi và nó chơi khá thân với nhau. Thằng bạn rủ tôi đi cà phê. Trong lúc hàn huyên, nó lại nhớ và nhắc, hôm ấy là sinh nhật của tôi. Tôi, thân phận thằng cừu vạn, sinh nhật sinh nhéo làm gì cho rách việc. Kể cả đến việc nhớ, tôi cũng chẳng thiết nữa. Tối về, thằng bạn làm con đề. Đảo ngược, quay xuôi ngày sinh của tôi, nó trúng luôn. Nhờ cái lộc ấy, nó quay lại, rủ bạn đi uống.

Ngồi sau xe, tôi nghe nó huyên thuyên đủ chuyện, tâm trạng phấn khởi của thằng trúng đề. Xe tạt vào quán bia hơi ồn ào ở một phố lớn, mỗi đũa làm dăm vại, ăn đến mấy đĩa rau muống xào thịt trâu và vó bò luộc. Mặt thằng bạn đỏ tía như gà chọi. Thanh toán xong, tôi trèo lên xe, tưởng nó trả về khu trọ, thằng bạn lại đèo tuột đến quán mát sa. Giọng thằng bạn oang oang, làm châu mát sa và cười hềnh hếch, loạng choạng bước. Nể bạn quá, tôi không tiện từ chối. Ra Thủ đô kiếm tiền, nhiều lần nhìn và nghe mát sa gie, nhưng đây là lần đầu tiên thằng tôi bước chân vào đây. Cái giống lao động, lại lao động phổ thông chân tay, quần quật vận động suốt ngày, gân cốt việc gì phải mát sa mát gân cho giã.

Thằng bạn mua hai vé, mỗi vé một lít, khật khưỡng nó kéo tôi lên gác. Qua cầu thang nhỏ xíu và dốc ngược, tầng hai là căn phòng rộng chừng 50 mét, chia thành từng ô, ngăn cách nhau bằng tấm ri đô lửng. Vừa bước vào phòng, mấy cô mắt xanh mở đồ ngó ra, rinh rích cười, chào mời khách. Hình như thằng bạn là khứa quen, một em vừa tý tởn ngó ra, thằng bạn đã quàng cổ, hôn đánh chụt và vỗ đét một cái vào mông cô nàng. Cô hàng mát sa ré lên cười, cả hai như ngã kềnh sau tấm ri đô. Tôi cũng được một cô em, phải gọi là chị mới đúng, dù chị ta cổ bơi trát phấn son, vẫn không giấu bớt tuổi tác, kéo tuột tôi vào giường. Tôi chả dám nhìn ngắm mặt chị ta, chỉ đăm đăm ngó tấm ri đô.

- Ở kia, anh trai, à em trai... cời ra chứ!

Tiếng chị mát sa gie. Không đợi tôi, chị ta đưa tay cời phất hàng cúc, lột áo và kéo xoẹt luôn phéc măng tuya quần, tiện thể hất bàn tay, mà theo phản xạ của thằng trai, tôi giơ ra giằng giữ.... Chị ta khúc khích cười. Tôi còn đọc chiếc quần đùi. Ngược thay cho chiếc quần của tôi, vừa cũ, vừa bẩn. Xoay người, tôi úp mặt xuống gối. Bàn tay chị mát sa cứ tự nhiên xoa vuốt tấm lưng trần của tôi, rồi nắn bóp cổ, nắn bóp vai, nắn bóp mông, nắn bóp đùi,.... Thằng trai tôi ngược chín cả người, úp mặt, vui thêm sâu vào gối. Chị hàng mát sa đang nắn vuốt mông, bất ngờ kéo tuột quần của tôi. Quá bất ngờ, thằng trai tôi chỉ kịp giơ tay giữ huyệt. Quần cũ mủn, kịp nghe tiếng rách đánh xoẹt và nhà chị mát sa cười lên sảng sặc:

- Em trai. Hôm nay chị phá trình cho nhá.

Tiếng cười, nói nhao nhao của các cô nàng nhân viên mát sa mấy giờ đồng giáng xung quanh.

- Trai tân à, phá, phá.....

Tiếng cười, nói đồng loạt rú rít, có cô còn nhón chân, ngó sang xem.

Tôi chỉ còn biết cắm mặt sâu thêm vào gối. Không lẽ tôi, một thằng trai, nhồng nhõng chạy....?

Ngày ở quê, tôi đã nhiều lần tò mò nhìn ngó gia súc, gia cầm giao hợp, giao phối. Con gà trống hồn nhiên cùng cục, mỏ giỡn hờ hờ sỏi. Nó lừa con mái, lượn vài vòng, rồi bắt ngờ... nhảy. Động tác ấy của gà, người ta gọi là đập - đập mái. Gà trống chưa đập, gọi là gà trống tơ, như dạng loại tôi bây giờ - gọi là trai tơ. Tôi cũng nhiều lần nhìn thấy chó... đi tơ. Con đực, con cái, giữa ban ngày ban mặt, hồn nhiên ăng ẳng giằng kéo nhau. Có lẽ trong các loài vật, thì chó là giống yêu nhau khốn khổ nhất, ăng ằng, đau đớn giằng kéo nhau ra. Lắm khi hai con chó đang yêu, lũ trẻ ríu rít đứng xem. Một bận, có thằng bé chạy về nhà, bốc nắm tro bếp, tung vào đấy.....

Không ngờ rằng, hai mươi một tuổi, tôi bị cưỡng hiếp thành đàn ông, thành đàn ông bởi nhà chị mát sa, kiêm nghề nghiệp ca ve. Tôi không còn trong trắng của thằng trai quê nữa.

Ngay chiều hôm ấy, vào lúc nhọ mặt người, thằng Việt làm lũi vác cái mặt sưng vù về nhà trọ. Môi nó đỏ tấy, sưng húp, còn trán u lên một cục tương bằng quả ổi. Hỏi tại sao, đã không thèm trả lời, nó còn văng tục, rồi lên giường cuộn tròn, trùm kín chăn ngủ. Đám bạn trọ thì thảm, thằng Việt cứu vạn cho một nhà. Trong khi gia chủ không để ý, nó khuáng được cái ví. Sau gia chủ phát hiện, khám túi, bắt tươi tang vật. Lũ con nhà chủ xúm vào táng cho thằng Việt một trận lên bờ xuống ruộng. Tối ấy, tôi thì mới bị cưỡng hiếp thành đàn ông, lủ lủ, nằm xuống là ngủ như chết, ngủ đến tám chín giờ sáng hôm sau mới dậy. Nhìn sang giường thằng Việt, không thấy nó đâu nữa, không thấy cả đồ đạc của nó nữa. Thằng này đi đâu nhỉ, hay về quê, hay chuyển nhà? Sao nó không bảo tôi lấy một câu. Tôi đâm bơ vơ, không biết đi hay ở.

Ăn sáng ở quán đầu ngõ xong, móc ví ra trả tiền, tôi giật mình, ví rỗng không. Trời ơi, thằng đồng hương trời đánh, đã khoảng sạch tiền của bạn.

Câu chuyện buổi ban đầu đi làm ăn xảy ra đã dăm, bảy năm rồi. Giờ tôi không trọ ở xóm nghèo tồi tàn ấy nữa. Tôi đã có nhà riêng, tuy không rộng rãi, nhưng có chốn đi về. Sau bao tháng ngày vật lộn kiếm sống, tôi - thằng trai quê thành kẻ dày dạn kinh nghiệm, khối công việc để xúc tiền... kiếm không phải năm triệu, mà mười, mười lăm triệu, hay còn cao hơn nữa. Công việc lại nhàn tản, sáng sủa nhâm nhi tách cà phê, thả hồn theo làn khói thuốc, nhấn, nghe điện thoại và tối tối, dập dìu tiếp khách ở một vũ trường, hay nhà hàng nào đó. Đôi khi tôi còn bay cùng khách vào Nha Trang, Vũng Tàu, phơi mình trên bãi biển lộng gió, sóng và nắng. Nay về quê, tôi là cậu trai đẹp mã, sành điệu trong bộ đồ hàng hiệu, dây chuyền lủng lẳng, tóc nhuộm hai lai và mới đây thôi, sang trọng trong con xe hơi đời mới, hai chấm, trắng muốt. Giờ trong mắt dân làng, tôi là người phố, người Thủ đô chính hiệu. Họ ngưỡng vọng, thèm thừng nhìn theo, thì thầm ao ước và cả chửi rủa, ghen tị nữa.

Con trai thành đạt, thày tôi chả ra mừng vui. Chỉ đôi lần ông thủng thảng: Đói cho sạch, rách cho thơm con ạ. Lừa đảo, trộm cắp, làm ăn thất đức, chả lâu bền đâu. Tôi có trộm cắp, làm ăn thất đức đâu. Im lặng, thằng trai tôi không đối lại ông bố già giáo học.

Sau buổi thằng Việt nằng sạch tiền và bỏ đi, tôi không gặp lại nó nữa. Về làng, loáng thoáng nghe đồn: thằng ấy vào Nam; nó hình như nghiện; rồi trộm cắp;... Tưởng chả bao giờ gặp lại, đúng buổi từ một nhà hàng sang trọng tôi đang cùng khách rập riu bước ra, thằng cô hồn kia sừng sững chặn lại. Hình hếch nó cười:

- Ô kia, chào đồng hương. Làm ăn khá giả quá. Nhớ thằng bạn này không? Ân nhân... Một thằng người nghiện, tong teo, ngoắc mồn ra ngáp vì đói thuốc. Tôi rơi vào tình thế khó xử, chỉ còn nước rút ví, móc tờ trăm ngàn, ném thằng vào mặt nó, kèm theo lời cảnh cáo:

- Cạch mặt tao ra nhé. Ân nhân gì hạng mày. Quân ăn cắp!

Thằng Việt trả thèm đối lời tôi. Cúi xuống, nó nhặt nhanh tờ tiền. Thằng nghiện hình hếch cười, bông dưng xoay được tiền đi hít. Rồi chuyện tôi cũng quên, bởi hơi sức đâu nhớ thằng người làng nghiện. Giờ dân nghiện hút đây.

Tôi vừa có chuyến làm ăn ở bãi biển Nha Trang. Khách đi cùng là bà chị sồn sồn, tuổi chừng ngoài bốn chục. Lúc đi vội, tôi quên mang theo chiếc sạc pin, điện thoại mang theo thành vô dụng. Nghĩ, càng đỡ mệt, khỏi nheo nhéo quấy rầy. Sau cả tuần tắm biển, rong chơi, ăn nghỉ phố biển, bay ra Hà Nội, tôi ngủ như chưa bao giờ được ngủ. Chín giờ sáng hôm sau, vẫn còn ngon giấc, thì bị điện thoại khua tôi dậy. Nhìn số gọi đến, tôi giật mình, điện thoại từ quê. Vội vàng bấm máy, tiếng chị tôi thỏn thức:

- Cậu đấy à. Sao cả tuần... gọi mãi không được. Thày... thày mất rồi...!

Thày tôi mất rồi sao? Tôi rụng rời chân tay.

Trong bãi tha ma, người khuất đã mờ yên mà đẹp. Thấp nén nhang cho bậc sinh thành, lòng tôi thất lại. Giá mà... giá như... Chị gái đứng sau lưng, thút thít khóc, đứt quãng, nói không liền mạch:

- Tạicậu, mà thày... mất đấy!

Trời ơi, sao lại là tôi? Tại sao tôi là thủ phạm gây ra cái chết ông?

Thằng cô hồn nghiện ngập kia về rêu rao khắp làng, công việc của tôi – công việc kiếm tiền của tôi.

Gái làng ra phố làm ca ve, làm gái, thì đầy, nhưng làng tôi, trai bao, dĩ đực, thì mới có tôi là một.

Thầy tôi chết vì nhục./.

TÔI CƯỚI VỢ

Bước sang tuổi 40 rồi, tôi vẫn phòng không. Về sự nghiệp công danh thì tạm ổn, tiền sỹ, nhà riêng, trường phòng cấp bộ, toàn tiêu chuẩn đẹp.

Người bảo, tôi hâm rồi, đêch lấy được vợ; người bảo, học lắm đâm ngô chữ; người bảo, nhà to, sợ lấy vợ, ly hôn nó chia nửa.

Chẳng đúng tẹo nào cả. Lúc trẻ lao vào học, mãi mê phấn đấu, đến lúc muốn lấy vợ, thì ngại. Ngần này tuổi còn đi cửa kéo, đưa đưa đón đón, dung dăng bẻ hoa, bắt bướm,... ngại. Lòng thì muốn lấy vợ quá!

Hôm rồi gặp bạn bè đại học nhân kỷ niệm 15 năm ra trường, chúng nhâu nhâu vào thúc giục, tôi ngẫu hứng tuyên bố:

- Được! Năm nay tao lấy vợ. Tao mời chúng mày ra Đai – U. Mà tuyên bố: Cưới, cấm tiết phong bì. Bằng này tuổi, còn nhận phong bì cưới, ngưng bỏ mẹ. Con cái chúng mày nhìn, lại tưởng phong bì chúng mày hối lộ tao!

Nghe tôi tuyên bố vậy, cả lũ vỗ tay rào rào tán thưởng.

- Cưới đê... thẳng hâm, cưới đê!

Chẳng hiểu sao, tuyên bố ở bàn nhậu và toàn bạn bè, mà chuyện lại vọng về tận nhà tôi.

Cũng phải giới thiệu qua về đại gia đình của tôi – tức là bố mẹ, anh em ruột tôi đấy, không phải vợ con tôi, vì tôi đã vợ con đâu.

Ông bố, tôi gọi cha, năm nay cụ tròn 90 tuổi; còn bà mẹ, cũng chín chục, tôi gọi là đê, cái thứ văn hóa thị thành thực dân, nên gọi như vậy. Cha tôi có năm người con trai và hai người con gái, tôi là trai út. Các anh, chị đều phương trưởng.

Hiện tôi độc thân, sống riêng, tự mua nhà đất, trên 100 mét vuông, xây chót vót ba tầng, ngay quận Cầu Giấy.

Chút nữa thì quên, tôi có mấy ông chú và bà cô ruột. Riêng bà cô, vẫn chưa chồng, năm nay vượt quá tuổi 40, đang sống cùng bố tôi, tức anh trai cả.

Bố mẹ tôi sống trong căn nhà hương hỏa của ông nội tôi để lại, sống cùng con trưởng. Nhà to, đẹp, ngay phố cổ, lòng nhà sâu hút. Bố tôi vốn là kỹ sư lục lộ, sang thời ta là công chức lưu dung, rồi về hưu. Kể nếu ai cũng hưởng lương hưu dai như cụ, thì nhà nước ta.. toi. Hơn 30 năm cụ hưởng lương hưu rồi. Cứ đà này, cụ phải hưởng thêm vài chục năm nữa, vì mỗi bữa cụ đánh ba bát cơm tú hụ và hai lạng giò lụa, mà vẫn cần nhân, con cái cho ăn đói.

Hôm ấy là giỗ ông nội tôi. Ngoài các anh chị, anh trai, chị gái, anh rể, chị dâu, còn có bà cô ế chồng và mấy ông chú đều lụ khụ. Bố tôi hôm ấy phần khởi ra mặt, vì hôm nay thị cấ ê hề thể kia, chắc chắn được bữa no thẳng rốn.

Trước khi cỗ bàn, tự dưng bà chị dâu trưởng đưa ra thông tin, tôi sắp cưới vợ. Nghe vậy, cả nhà mừng. Lâu nay ai cũng bàn tán, tôi hâm, rồi bị bệnh... Nghe mọi người ồn ã, cha tôi ngẩng tai lên hỏi:

- Hà hờ...

Chị dâu thứ gào lên:

- Chú... ấy... cưới... vợ... cha ạ!

- Hà... hờ... Hôm nay sinh nhật tao hờ?

Giời ơi, 90 còn đòi sinh nhật.

Cha tôi nghe ngẫm nặng, trí nhớ quên quên nhớ nhớ. Đến ngày ký bố, ông lại tưởng là sinh nhật của mình. Gào lên giải thích mãi, cụ mới hay, là ngày giỗ bố, cụ cười hềnh hếch:

- Giỗ giỗ...thịt rọu hờ!

Sau khi chị dâu thứ giải thích xong, bà dâu trưởng lên tiếng tiếp về việc tôi cưới vợ:

- Theo tôi, cái lễ ăn hỏi chú út, bánh phu thê, nhất quyết phải đặt ở phố hàng Than; phải cửa hàng bà Cả Đấy. Không mua ở những cửa hiệu lem nhem. Hôm trước, có đám chia lễ ăn hỏi, cái bánh phu thê, tôi ăn một nửa, còn một nửa cho thằng cu Ti, thế mà bà cháu đi ỉa ba ngày không hết ỉa...

Nghe chị dâu trưởng nói vậy, chị dâu thứ cắt ngang:

- Chuyện cưới xin của chú út, sao bác cả lại mang ỉa đái ra bàn, rông cho chú ấy! Theo em thì...

Và chị dâu thứ khuyên nhủ chú em chồng các điều kiện cần và đủ đưa ra với cô dâu tương lai. Theo chị, một trong những điều kiện tiên quyết là giấy tờ phải chặt - khóa chặt ngay từ thuở ban đầu. Tôi đang sở hữu căn nhà to, phải rạch ròi chung riêng. Đây là chị dâu muốn bảo vệ quyền lợi cho cậu em chồng, chứ không có ý nghĩ chiếm đoạt. Chị dặn dò:

- Phải rõ ràng! Tài sản của riêng chồng là của riêng chồng, tài sản của riêng vợ là của riêng vợ, không đấu vào nhau, lộn xà ngẫu. Không mặc cả chặt, sau này nó đòi ly dị, bao công sức làm ra, chia đôi, có phí không. Công, thành công đã trảng, công cốc. Lúc đăng ký....

Nghe con dâu thứ nói, để tôi, chùi mắt, nghe ngẫm lên:

- Hà?... Ký di chúc rồi đấy nhá. Chúng mày ký hết lượt rồi, ký lại nữa à?

Để tôi cũng điếc, nhưng không đến nỗi điếc đặc như cha tôi, chỉ phải cái cụ hơi lẫn. Chị dâu thứ lại phải gào lên giải thích:

- Không.... Không phải ký di chúc. Đây là kết hôn. Đang bàn chuyện chú út đăng ký...

- Đăng ký hả, tưởng nó đăng ký rồi. Thế hóa ra nó chưa có vợ à?

Chả chấp bà mẹ điếc và lẫn, anh trưởng tôi chỉ muốn tranh luận với em dâu, đến lúc này, mới lên tiếng:

- Thím cứ lo bò trắng răng! Nhà chú út mua, xây từ đời tám hoánh nào rồi, giấy tờ rõ ràng, ai cướp được. Mà chưa cưới, đã bàn chuyện ly hôn, ... Hay chữa!

- Ấy là em cứ nói thế. Ai mong chú ấy li dị vợ đâu.

Tiếp ngay lời bà chị dâu thứ là chị gái lớn của tôi. Theo chị, tôi phải lấy gái tầm hăm mốt, hăm hai thôi. Tuổi ấy, dễ nó dễ. Chứ lấy nữ ngoài ba mươi, dễ đáí khó lắm. Chị mang ví dụ cô con dâu hàng xóm nhà chị, gần bốn mươi mới cưới chồng, khó khăn dễ quá, hết viện nọ, viện kia, đến lúc đậu, nằm yên năm tháng, nó vẫn tuồn tuột ra... Bà chị mới tả đến đây thôi, bà cô tôi xe xé cắt ngang:

- Nhà chị không phải cạnh qué nhé. Chị bảo tôi đang thành gái già, không dễ, không đáí được phải không?

- Ở hay ... cháu đâu dám nói cô. Cháu nói là lo cho chú út...

Bất chấp chị gái tôi phân trần, chị gái tôi hơn bà cô đến hai chục tuổi, bà cô già vẫn xía xói. Nói gì thì nói, cô tôi là bậc bề trên cơ mà, chị tôi đành nín thin thít.

Khiếp thật, bà cô khiếp thật! Ở cái ngữ quá bốn mươi rồi, trang phục của cô nom rất lạ và vui mắt, ăn bận cứ như tuổi teen, áo hở ti, trễ rốn, còn váy tũn tởn, khoe cái cẳng chân da đã đến chiều nhăn nheo, còn móng chân, móng tay, đánh tím lịm như nhò Mỹ, mặt bôi phết son đỏ mọng như giống khi đỏ đít. Mỗi lần nói chuyện với cô, mắt tôi phải đánh đi hướng khác. Nhìn vào cô ruột, ăn mặc vậy, thẳng cháu có mà ngược.

Cô tôi vừa xía xói, vừa nhảy tênh tếch. Thấy cô tôi nhảy chơi chơi, cha tôi hỏi:

- Hà... hờ... giỡ mà có cả nhảy đồng á?

Còn để tôi:

- Hờ cô ấy muốn lấy chồng hờ. Lấy chồng thì cứ lấy, nhưng từ tốn thôi, gì phải nhảy tếch lên thế kia. Mà di chúc có phần chia cho cô rồi đấy.

- Di... di chúc cái gì... Con cái nhà chị đang xúm vào rửa tội tịt đề đấy. Đúng, con cái chị ấy, cháu chị đấy, hay hớ hám! Na chưa mở mắt, đã ểnh lên, phải khuôn nhau đi viện nạo thai...

Chết không...! Cô tôi lại lôi cả chuyện chữa hoang của con gái bà chị áp tôi ra nữa.

Đám cưới của tôi ời, mới chỉ bàn suông, đã thấy lảm chuyện: chuyện ăn bánh phu thê nên đi ỉa, chuyện ly hôn, chuyện chia tài sản và cả chuyện chữa hoang.

Chuyện cưới vợ của tôi ời, còn những gì nữa đây ????

*

Chán đến cả tháng sau cuộc bàn luận tôi cưới vợ của đại gia đình. Đã tưởng quên chuyện cưới vợ, thì lại có cuộc điện thoại đến, cô bạn đại học, người háng hái chuyện tôi cưới vợ trong vụ gặp mặt họp lớp hôm trước. Vừa nhắc ổng nghe lên đã nghe tiếng cô bạn the the. Bạn hẹn tôi đến ngay quán cà phê Hàng Hành. Tôi nghĩ bụng, chắc lại chuyện bỏ vợ, bỏ chồng đây. Con mẹ này, cứ vợ chồng nó hục hặc, là y như rằng gọi tôi đến tâm sự. Bao lần định bỏ nhau rồi, xong chị chàng chỉ dạng bỏ dọ, bỏ bàn, bỏ mình bỏ mấy thôi... Nghĩ bụng, cho ăn kẹo con mẹ này cũng không dám bỏ chồng. Gần bốn mươi tuổi rồi, bỏ có mà lấy ma, lấy ông sáu tám.

Nghĩ bụng vậy, song chiều bạn, tôi vẫn phải đến để nghe điệp khúc bỏ chồng. Tôi phi xe đến quán cà phê, cái xóm quán tự dựng được xếp thành loại sành điệu, uống ở đây mới là thưởng thức cà phê, còn nơi khác, gọi là uống nước vối.

Đến nơi, tìm mãi mới thấy thị. Con mẹ chui vào tận góc cùng trong quán, tối om om. Ngồi kiêu này, có kể lại nghĩ, một cặp chán chúa lộn chồng, đi ngoại tình. Thôi, mặc xác thiên hạ, bây giờ bỏ bích, giai gái đấy. Ở ngõ tôi, ông già tám mươi suýt chết rồi, vẫn giai gái ngoại tình, cả lũ cháu lộc ngọc kéo nhau đi đánh ghen giúp bà nội. Tôi vừa ngồi, chưa kịp gọi gì, cô bạn đã dí mồm vào tai tôi thì thầm:

- Tôi hẹn ông ra đây để giới thiệu cho một em. Không phải chuyện bỏ chồng của tôi như mọi khi đâu.

Giờ ời, tôi định kêu lên. Thà cứ tâm sự bỏ chồng hóa ra lại hay. Chuyện lấy vợ, hôm trước cả nhà tôi bàn rồi, phát ốm. Tôi nghĩ bụng, nhưng không tiện chối phất tấm lòng nhiệt thành của bạn. Bạn bấm điện thoại và cười hi hi, rồi quay sang tôi:

-Trên cả tuyệt vời. Ông có biết nàng thế nào không? Tôi giới thiệu qua nhé. Băm tư...

Kể cũng hơi cứng cứng, những lảng mạn lảm. Sở trường và sở thích của nàng.... À mà tý nữa, để hai người tâm sự. Tôi nói hết, tý nữa còn gì để tâm sự với nhau nữa. Kia... nàng đến kìa!

Tôi quay ra ngắm bóng hồng. Góc quán tối đậm ra hay, đủ để quan sát dung nhan nàng, và nàng thì không nhìn được chúng tôi. Cái khăn voan hồng bay bay lất phất sau lưng nàng. Một khuôn mặt thánh thiện, tạo lập bởi phần xấp trắng lôm lốp, nó kiêu hãnh ngẩng lên gò, bước. Ôi... bước đi của nàng mới yếu điệu, thướt tha làm sao, cứ đánh vòng lắc lư, kiêu đi của người mẫu, tức là đường đi thẳng tắp, hai mũi giày cắm phập xuống thành vệt thẳng tắp, còn đầu gối chụm lại, và nhất là tấm mỏng lép, đưa đẩy theo nhịp võng. Bạn tôi đứng lên đón nàng, giơ tay như cánh diễn kịch trên sân khấu, chỉ ghé mời nàng ngồi và giơ tay về phía tôi, nháy mắt giới thiệu, ý trung nhân tương lai đấy.

Tôi cũng vội vàng đứng lên, vội vàng đưa tay mời nàng ngồi như kiểu mời trên sân khấu. Nàng ghé đầu chào tôi rất xi nê. Ôi yếu điệu, thướt tha quá:

- Chào...ang...

Tiếng nàng nhẹ nhàng, nhẹ đến mức anh thành ra ang. Nàng ngồi, nàng e lệ nhìn tôi, khi bạn tôi hỏi nàng dùng gì:

- Dời tây... SP ba lăm.

Tức là nước chè gói pha đường, rất mốt tuổi teen, nay chúng thường gọi và dùng, mỗi số tăng, cốc nước trà thêm 10 nghìn nữa, tôi nghĩ bụng và nhắm tính như vậy. Sao tôi lại ki bo đến thế! Đi xem mặt bạn gái mà còn tính đếm.

Bạn đang giới thiệu tôi với nàng, thì điện thoại kêu tin tít, bạn nghe và về rất vội, giải thích, có chút việc phải đi, tý nữa quay lại. Tôi nghĩ bụng: Cái trò mèo, cốt để tôi ở lại tâm sự với nàng...

Còn lại hai đứa. Tôi lúng túng chưa biết bắt đầu bằng chuyện gì, thì tiếng nàng thỏ thẻ..

- Ang thích gì? Ấy là eng nói ang yêu thích gì?

- Tôi.... thích thích...

- Bóng đá... Bọn con trai các ang là chúa như thế. Bọn con gái chúng eng ... như eng...

Hóa ra cô này 34 tuổi vẫn là con gái – một trinh nữ sót lại của thế kỷ XX. Và nàng bắt đầu thỏ thẻ chuyện yêu thích. Sở thích đầu tiên của nàng là:

- Eng thích nghe nhạc cổ điển.

Nào Bétt thô ven, nào Mô da,.....

Chao ôi, nàng lim rim đôi mắt với vở nhạc kịch Hồ thiên nga, rồi Lịch sử tình yêu... Đôi mắt nàng lim rim thể hiện... Tôi ngắm nàng... Hình như đôi mắt nàng là đôi mắt cát mí cho thành ra bồ câu. Cái mí cát bị nhiễm trùng rúm lại,.... Kia, hình như mũi nàng cũng được sửa... Nó cứ động cựa theo nhịp nói của nàng....

- Eng cũng thích du lịch.

Nàng chuyển đề tài thích của mình, sau gần 15 phút nói về sở thích âm nhạc...

- Ang có biết không, chính phục đỉnh O' vợ rét là mục đích của đời eng. Eng cứ tưởng tượng trên đỉnh núi tinh khiết và cao nhất hành tinh ấy, mái nhà thế giới, eng sẽ tâm sự, sẽ nói những điều thầm kín nhất. Trên ấy chỉ có thượng đế nghe được tiếng cõi lòng em....

Nàng ngọ đầu diễn tả cảnh sắc thiêng liêng đó.

Sau hồi nói leo núi tinh khiết và cao, nàng lại chuyển thể tài:

- Eng thích làm từ thiện lắm. Ôi, những đứa trẻ đón đau, chúng đã làm gì mà chịu tội như vậy.

Chỉ xem ảnh thôi, chỉ nghe kể thôi, em đã khóc, đã buồn, đã thương, đã.....

Nghe nàng nói từ thiện, và sục sùi, tôi nghĩ, kiểu từ thiện này còn kéo dài lắm, liền nghĩ cách cắt ngắn, liền hỏi:

- Eng có thích ốc luộc không, ốc luộc với lá chanh, chấm nước mắm tỏi gừng,.....
- Eng... eng thích lắm... thích ốc luộc lắm. Hôm qua, eng ăn....

Ồi, đôi mắt nàng mơ màng, như chính có đĩa ốc luộc hiện ra trước mắt:

- Phải ốc bưu nhỏ thôi, phải bóc cái dạ dày đen kịt đi, phải có bát nước trong để rửa từng con, eng mới ăn.

Nghe nàng nói tôi đế vào:

- Ăn như vậy, tào tháo không đuổi....
- Đúng!

Nàng nuốt nước bọt. Tôi trông mà thèm quá! Thèm, tôi chợt nhớ tới món nằm dê nướng và những cốc bia sủi bọt, thằng bạn hẹn sáu giờ ở quán bia Sủi. Chợt nàng quay sang hỏi tôi:

- Thế... thế ang có sở thích gì?
- Ang...á? Ngay bây giờ ư? Ang có sở thích về. Ang đã hẹn với thằng bạn đi ăn nằm dê nướng, uống rượu ngọc dê...
- Ang thích thích dê ư?

Nàng tròn xoe mắt nhìn tôi. Tuy không nói ra, tôi biết, nàng coi thường cái sở thích tầm thường của tôi. Nàng đứng dậy, không thèm nhìn vào mặt tôi và yểu điệu bước ra khỏi quán./.